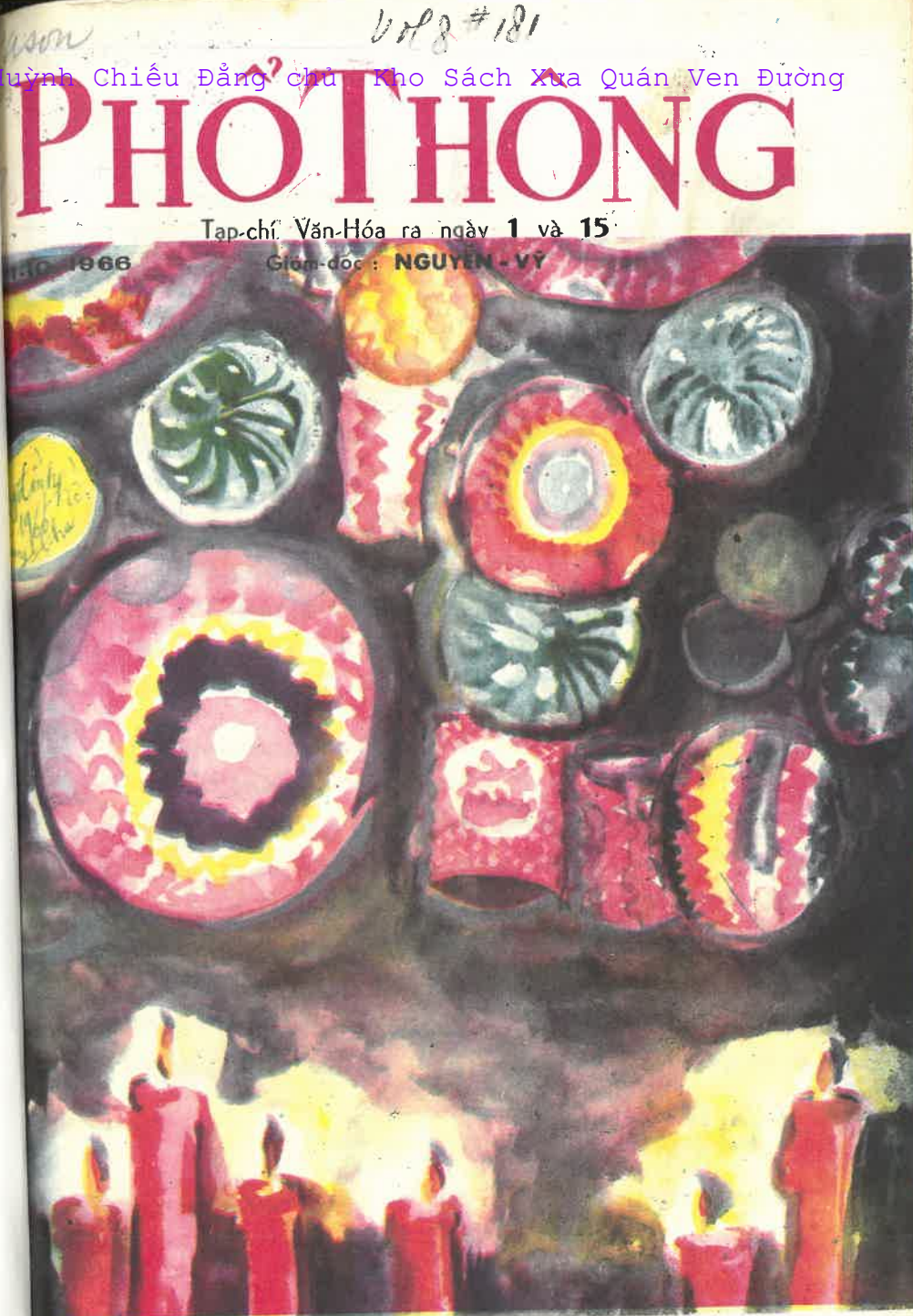


Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường



31 ĐẶC BIỆT TRUNG THU 1966

CÁO LỖI

Phò Thông số 180, đáng lẽ phải ra ngày **15 tháng 9**,
Phò Thông số 181 (Trung Thu) phải ra ngày **1 tháng 10**, **Phò Thông số 182** phải ra ngày **15 tháng 10**.

Nhưng, vì tình trạng đặc biệt hoàn toàn bất ngờ, hầu hết những ấn-công, thư ký tòa soạn, nhân viên ty Quản lý, và Ban Trị sự, đều phải đi thi hành nghĩa vụ quân sự, cho nên các số báo trên không thể nào ra đúng ngày theo kỳ hạn được.

Nay, chúng tôi đã chỉnh đốn lại, với những nhân viên mới, và **PHÒ-THÔNG** tiếp tục ra lại theo kỳ hạn sau đây :

Số 180 phát hành ngày **20-10-1966**

Số 181 (Đặc biệt Trung Thu) phát hành ngày **28-10-1966**

Số 182 phát hành ngày **7-11-1966**.

Số 183 (Đặc biệt Đệ Bát chu niên) phát hành ngày
16-11-1966.

Số 184 phát hành ngày **24-11-1966**.

Số 185 phát hành ngày **3-12-1966**.

Và từ đây, P.T tiếp tục ra đúng theo kỳ hạn như thường lệ.

Chúng tôi xin quý bạn đọc và quý Đại lý toàn quốc cũng như Hải ngoại, thông cảm cho nỗi khổ tâm của chúng tôi trước tình trạng bất ngờ nói trên, và chúng tôi hết sức cố gắng để đáp lại cảm tình nồng nhiệt mà quý bạn đã dành cho tạp chí **PHÒ-THÔNG** từ trước đến nay.

Thành thật gửi đến quý Bạn Đọc và quý Đại-Lý lời xin lỗi và
cảm tạ chân thành của chúng tôi.

Giám đốc Tạp chí Phò Thông

Nguyễn-Vý

Mọi bộ truyện đã được
Bạn đọc hoan-nghênh
nhiệt-liệt,

MỒ-HÔI NƯỚC-MẮT

của
NGUYỄN - VỸ

ĐÃ IN THÀNH SÁCH VÀ ĐÃ PHÁT-HÀNH
NGÀY 18-10-66.

TRÌNH BÀY RẤT ĐẸP — 287 TRANG.

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN
TOÀN QUỐC.

Nhà xuất-bản
MIỀN - NAM

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia-đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỒ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII * SỐ 181 * 1-10-1966

1.— Nguyễn cầu tân thế	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Thu đợi chờ (truyện ngắn) . . .	Nguyễn khắc Thiệu	10 — 22
3.— Vài nét thơ Thu đáng yêu	Tạ ánh Đăng	23 — 28
4.— Las Vegas	Phạm mạnh Thường	29 — 34
5.— Tiếng trống cô đơn (thơ)	Thế hồng Lam	35
6.— Hai mùa trăng (truyện ngắn) . . .	Đặng Doanh	36 — 43
7.— Người em sâu mộng (thơ)	Hoàng Thắng	44
8.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	45 — 50
9.— Tên ma-cà-bông (truyện dịch). Nguyễn Kim Phương		51 — 56
10.— Saigon - Châu Đốc	Tâm Trí	57 — 65
11.— Hòn - Đẽ vờ (thơ)	H. T. Ng. Hà - Thế Lan	66 — 67
12.— Minh ơi !	Diệu Huyền	68 — 75
13.— Nữ Sĩ Sương nguyệt Anh có phải là tác giả của bài « Chinh phu thi » . .	Thới Bạch	76 — 88
14.— Đức Phật của tôi (thơ)	Diệu Nga	89
15.— Mưa Trung Thu (truyện ngắn) . . .	Lữ Quỳnh	90 — 94
16.— Sinh nhật của con	Nguyễn Lâm	95 — 99
17.— Một ngày trong thành phố (truyện ngắn),	Hoàng Thắng	100 — 110
18.— Sách báo mới	P. T.	111
19.— vực thăm (truyện dài)	Thắm thị Hà	112 — 119
20.— Thư bạn đọc		120 — 123
21.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	124 — 130

● Tranh trong bài: họa sĩ Ngọc - Dung.

W 227596

101 K

Nguyễn Cầu
tân - thế



Ruộng vườn hoang vu.
Máu rỉ cung trăng, vết thương nức nở,
Nhạc nghệ-thường đồ võ,
Từng mảnh trăng loang-lổ rung diu-hiu.
Nay đời mặt pháp, lòng trời sao xuyên,
lòng người tao-biến,
Tà ma, yêu quái, xuất hiện nơi nơi.
Thôi, thôi, trăng ôi,
soi chi nữa ta-bà ó-trọc
Đơ-bản ánh trăng.
Về đây chi nữa,
hận thù đây máu lửa,
uất-khí lịm màu trắng.
Thôi, thôi, trăng ôi, hãy tắt đi thôi.
Đề trần-gian đen-tối mịt-mù.
Hãy vĩnh-biệt diêm-phủ sa-đọa,
Trăng trở về Thần-thoại,
Trăng Diêu-trì, hoa mộng của thiên thu,
của Khuất-Nguyên, Thôi-Hạo, Nguyễn-Du,
Của Dương-quý-Phi, Minh-Hoàng, Thái-Bạch ;
Đỉnh Thi-Sơn huyền-ảo giữa Doanh-châu.
Ta muốn Nhật Nguyệt lu-mờ, tắt hết,
Đem ánh sáng nhiệm-mầu
Rọi các trời Quang-minh.
Ta muốn hăng-hà-sa tinh-tú
Bay hết về các cõi Huyền-linh,
để ta-bà đen tối,
quả đất dui mù,
Đề loài người tội lỗi,
sống như bầy chó tru
trong đêm đông đá-buốt,
Đạ-mạc hoang-vu.
Ta nguyện-cầu ngày tận-thế
sẽ đến một mùa Đông,
đất trời ngập máu lửa
địa-cầu không xoay nữa,

Chìm lìm đây hư-không.
Rời một mùa Xuân tới
Nhật - Nguyệt chiếu hào - quang
Trên một hành - tinh mới
thơm ngát mùi trầm - hương.
Đề riêng dân - tộc Việt,
đặc - biệt giống Rồng Tiên,
tạo lập loài người mới,
mở màn tân - kỷ - nguyên.
Tân thế - giới huy - hoàng rực - rỡ,
Toàn giống người lương - thiện dịu - lành,
Không bao giờ, không bao giờ sinh nở
hạng dê - hèn, đêu - giả, lưu - manh,
bọn gian - tham giả hiệu tu - hành,
bọn bán Phật, lừa Thần, phản Chúa,
bọn hám danh, vụ lợi, thờ Bò-Vàng,
bọn xảo - trá, bắt-lương, lừa gạt nhân - dân,
bọn vô - liêm - sỉ, hiếp người, đoạt của,
bọn khát máu, chiếm đất, giết dân, đốt thiêu nhà
cửa,
bọn độc - tài, tàn - bạo, vũ - phu,
gây chiến - tranh, tang - tóc, hận - thù,
đề nhân - loại đắm chìm trong máu lửa.
Không, không, không,
Loài tà - ma quỷ - quái, yêu - tinh, không có nữa.
Quả đất mới mỗi năm chỉ hai mùa. Rực rỡ,
trăng thanh - bình, trong suốt trải Xuân, thu.
Trăng ngọt - lành hòa nhạc gió vi - vu...

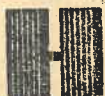
Nguyễn - Vỹ

thu đợi chờ

truyện ngắn

★ NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

*hằng năm hễ lá cây khế úa
vàng, những cây phượng hat
bên đường đỏ hàng loạt lá
nhuộm khắp lối đi, lòng tôi
cảm thấy nao nao...*



Ô M nay mát. Đã sang thu rồi đấy.
Tiếng nhà-tôi vang lên sau vườn.
Trong cái tịch mịch hiên lạnh của
thôn dã, tiếng nói nhà-tôi có cái âm vang xa vắng mơ hồ.
Bất giác tôi nhìn ra ngoài. Cây khế cạnh lá um tùm cạnh
cửa sổ đã lấm tấm điểm nhiều lá vàng. Vườn cây xanh
mướt. Tất cả mang vẻ tươi mát sau trận mưa hồi khuya.
Trên ngọn cau, nắng mai lóng lánh soi sáng một vài bẹ
lá úa.

THU ĐỢI CHỜ

Thu đã trở về. Một mùa thu nữa lại đến với tôi. Mười sáu hay mười bảy mùa thu đã đi qua trong đời tôi?

Mỗi lần, có cơ hội nhắc cho tôi biết số tuổi của tôi đang xa dần thời thanh xuân, tôi lại cảm thấy xao xuyến lạ ầu. Hằng năm, hễ lá cây khế cạnh cửa sổ phòng tôi úa vàng hoặc những cây Phượng hai bên đường đỏ hàng loạt lá nhuộm vàng khắp lối đi, tôi không khỏi cảm thấy nao nao bùi ngùi. Có cái gì thân yêu thoát khỏi tầm tay tôi. Tôi đã đánh mất một cái gì. Tôi không biết rõ điều đó. Mỗi lần trông lên trời thấy mây trắng ngút-ngàn thành những cuộn bông gòn nõn, giữa khoảng mây trắng đó là nền trời xanh thẳm, là tôi thần thờ, không thiết làm gì nữa. Tôi thường mặc áo quần bước ra đường. Nhưng không biết đi đâu. Không khi trong vắt và mát dịu. Từ con đường trước làng tôi, tôi có thể nhìn không bao giờ chán, mặt sông Hương phẳng lặng như một tấm gương lớn, trên đó lững lờ một vài chiếc thuyền chậm rãi tưởng như những mái chèo cũng ngại ngùng không nỡ làm xao động mặt nước, dãy núi Trường Sơn như được tắm rửa, hiện ra trước mắt tôi rõ ràng đến nỗi tôi có thể phân biệt được từng cụm mây, từng vạc cỏ bị cháy sém, hoặc một vài đám khói mong manh vờ vờ của người đốt than. Xa hơn hầu như chìm trong màu trời là những ngọn núi chót vót, chỉ có thể thấy rõ vào những buổi sáng chớm thu. Tất cả vắng vẻ, ngưng đọng, lười biếng. Những lúc này, mỗi giờ khắc trôi qua đều gây trong tôi một vài tiếc nuối vu vơ. Tôi không thể quay về nhà lúc này mà cũng không biết đi đâu.

Có lần tôi đã vụng về ghé Yên. Khi ngang qua nhà nàng, thấy những ngọn lá măng cầu có màu xanh thật đẹp (Tôi yêu màu xanh này vô cùng) mới dừng lại. Có tiếng

Yến gọi tôi trong vườn. Yến đang hái trà. Yến mặc một bộ đồ lụa, áo cut tay. Tóc Yến chưa được săn sóc, lòa xòa trước trán làm khuôn mặt Yến mang một vẻ đẹp lạ lùng. Lăn trong màu xanh đục của cây lá, đôi mắt Yến hóm đờ như lớn hơn, đen hơn và sáng hơn. Nhìn cặp mắt Yến, đáng người thanh tú của Yến, cùng với vẻ đẹp tự nhiên của Yến — với vẻ đẹp người em sâu muộn — tôi theo lời Yến bước vào nhà.

Yến đưa tôi vào phòng khách. Tôi ngồi vào cái ghế cạnh cửa sổ để có thể trông ra vườn. Yến khép nép ngồi ở ghế trước mặt. Cặp mắt Yến lúc đó đượm một vẻ buồn kỳ quái, nét buồn liêu trai, toát ra một sức thu hút lạ lùng. Trong một lúc tôi tưởng như hồn tôi tan biến trong đôi mắt thăm thẳm xa vắng của Yến. Tôi nói :

— Mùa thu trong mắt Yến. Mùa thu của anh.

Yến thoáng ngạc nhiên, dăm dăm nhìn tôi, chợt hiểu mỉm cười, im lặng. Chợt Yến đứng dậy :

— Yến pha trà anh uống. Có người đi Hồng Kông về biếu ba thứ trà ngon lắm. Nghe ba nói ngon, chờ Yến không biết thưởng thức. Để Yến pha anh dùng...

Rồi Yến vào nhà trong. Yến đẹp. Vẻ đẹp của Yến mong manh và chính vẻ đẹp tôi mong ước từ thuở nào. Vì lẽ đó tôi đã yêu Yến. Và yêu như thế nào để đi đến đâu, tôi cũng không rõ nữa. Cùng lúc này, ngồi ở phòng khách nhà Yến, tôi chỉ mong được yên ổn một mình.

Nắng hồng sáng rực. Đất ngoài vườn mới xới, trông mát mẻ lạ. Một vài con, cỏ non, lọt qua ánh nắng mai, trở thành một màu lục tươi sáng dịu mắt. Một tiếng gà gáy xa xa. Không biết vì đâu, tôi thốt nghĩ rằng âm hưởng

của tiếng gà gáy lúc này sẽ còn đậm đà mãi mãi trong tôi. Yến đem vào một bình trà. Thứ bình trà bằng đất nung và một chén trà nhỏ cũng bằng đất nung. Đàng là thứ bình tôi mong muốn từ khi biết phân biệt trà ngon, dở. Yến pha trà trông thật dễ thương.

Yến mỉm cười nhìn tôi đưa chén trà nhấp từng ngụm nhỏ. Nụ cười đậm đà, dịu dàng. Mắt Yến sáng long lanh. Tôi nói với Yến những lời mà khi vừa thốt ra tôi nghĩ là điều tôi nói ra như được tôi suy nghĩ từ bao giờ, từ một tiền kiếp xa xăm :

— Lúc này anh không ước ao gì nữa. Anh chỉ muốn được ngồi ở đây, hoàn toàn không lo nghĩ gì, cũng đừng ai quấy rầy anh. Cuộc sống vào những lúc này thật vừa ý anh. Nếu bây giờ khép mắt lại mà ngủ được giấc ngủ vĩnh viễn, chắc anh vui lòng lắm. Nếu Yến cho anh ngồi mãi ở đây...

Nhìn vào mắt Yến, tôi bối rối không nói nữa. Yến hiểu lầm ý tôi. Yến có lẽ tưởng tôi nói thế là tôi muốn gắn liền đời tôi với Yến mãi mãi và có thể mới có hạnh phúc. Yến đưa tay qua đặt tay Yến trên bàn tay gầy của tôi. Bàn tay Yến thật trắng, ở lưng đốt thứ ba mỗi ngón, những sợi lông măng dài, rậm và mượt như cỏ tóc tiên. Cánh tay Yến cũng thật nhiều lông măng. Tôi liền liền tưởng đến một nhân vật tiểu thuyết của John Steinbeck suốt đời chỉ thích được thoa nắm trên những vật có nhiều lông rôm và mịn, như chuột hay thỏ. Nhìn cánh tay Yến, tôi giật mình thấy mình cũng mang nặng những ý thích tương tự. Tôi nắm tay Yến đứng dậy :

— Anh xin kiếu từ Yến. Hôm khác đến chơi anh ngồi với Yến suốt buổi. Trà thật ngon. Anh chỉ mong được uống thường thứ trà đó...

Yến ngạc nhiên trước thái độ có phần dột ngốt của tôi. Tôi thoa nhẹ lên cánh tay mát dịu của Yến.

Nắng ngoài đường thật trong. Lá cây xao động nhấp nháy. Tiếng chim sè riu rít trên mái nhà. Trong tôi bỗng rung động những xôn xao, rạo rức vô cớ. Trời xanh thăm thẳm. Mây trắng lững lờ, lá vàng lốm đốm trên đường nhựa xám. Cả cơ thể tôi như hòa tan trong hơi thu. Mùa thu làm tôi ngây ngất, bàng hoàng...

Tôi đã sống qua không biết bao nhiêu buổi sáng mùa thu với tâm trạng kỳ dị đó. Hoặc với Yến, hoặc với Thu, với Minh Thu, hoặc với Liên... Mỗi lần thu đến, mẹ tôi, cho đến các em gái tôi đều có những lo lắng kín đáo cho tôi. Mẹ tôi ân cần hơn trong miếng ăn, giấc ngủ của tôi. Các em tôi tìm hết cơ hội dẫn tôi đến những chỗ đông người. Ai cũng cố xâm chiếm hết những thì giờ cô đơn lẻ loi của tôi. Tôi biết tâm trạng khác thường của tôi trong mỗi mùa thu đã làm khổ những người thân yêu xung quanh. Nhưng biết làm thế nào. Đời tôi như bị ràng buộc với mùa thu. Thần kinh tôi giao động trước mỗi cơn gió heo may, trước những vầng mây trắng bàng khuâng trên trời...

Thần kinh tôi không được bình thường. Như thế cũng đã mười sáu, mười bảy năm. Lúc học đệ tứ, theo lời khuyên của bạn bè, tôi cũng uống thuốc maxiton để thức ngủ học bài cho kịp. Thật ra, bài vở nhà trường không cần phải thức ngủ, tôi cũng có thể thanh toán được dễ dàng. Nhưng vì trước đó, việc học của tôi bị gián đoạn nhiều lần vì loạn ly, vì đau ốm. Cho nên năm đó tôi nghĩ là tôi phải tranh thủ thời gian, đọc thêm sách để gây cho mình một số kiến thức nào đó. Thuốc maxiton cho tôi thì

giờ để làm công việc ấy. Và tôi đã dại dột tham lam, ngấu ngiến hết những sách tôi có dưới tay. Lúc đó tôi nhớ là tôi đã vật lộn cam go với cuốn «Đông Lai bác nghị», cuốn sách mà bây giờ trình độ của tôi thừa sức làm thầy cho tôi thuở đó cũng thấy khó hiểu. Bởi lẽ nếu đọc cuốn này mà thiếu những hiểu biết tối thiểu về Lịch sử Trung Quốc thì không sao lĩnh hội được. Nhưng tôi vẫn đọc và mỗi lần đọc sách, đầu óc tôi như nổi kinh khủng. Do đó liên tiếp nhiều đêm, tôi không sao chợp được mắt và ban ngày lúc đó vào độ nghỉ hè, tôi cũng không tài nào ngủ bù được. Đang ở trong tình trạng ấy thì một đêm vào trung tuần tháng bảy âm lịch, tôi đọc tiểu thuyết ru giấc ngủ cho đến lúc chuông chùa Linh Mục đánh sáng. 4 giờ sáng. Tôi buông sách, duỗi thẳng chân tay định tìm một thế nằm thoải mái thì ngay lúc đó một mùi thơm, hương của một thứ hoa, sực nức trong phòng. Phòng tôi chẳng bao giờ cắm hoa. Mùi thơm này hẳn là do một thứ hoa ngoài vườn thoảng vào. Tôi ngồi dậy quờ chân tìm guốc, mở cửa bước ra vườn. Trăng nửa đêm về sáng thật tuyệt. Toàn khu vườn tắm trong ánh trăng khuya mang một vẻ đẹp huyền ảo, hoang dã. Tôi gọi là vẻ đẹp tiền sử. Tôi ngây ngất trong ánh trăng kỳ ảo đó đến non nửa giờ. Sau tôi mới đi vào vườn tìm xem thứ hoa nào nở về khuya. Nhưng ngoài vườn tuyệt nhiên không trồng một loại hoa nào. Tôi biết rằng vườn tôi chỉ trồng toàn thơm mít và cỏ dại mọc bừa bãi. Những cây này chỉ có hoa vào mùa xuân. Và lại ngoài vườn không còn một hương thơm nào. Tôi định quay vào nhà, thì thật rõ ràng, thấy thấp thoáng dưới ánh trăng, bên gốc dừa, có bóng dáng một người con gái áo quần trắng toát, có suối tóc đen dài chảy dọc theo lưng. Bóng dáng

đó tôi chỉ thấy trong khoảng vài mươi giây, rồi bóng đó tan biến như tan biến trong ánh trăng, tuy thế tôi cũng kịp thấy khuôn mặt bóng trắng đó. Có hơi thon dài, thanh thanh, nhưng đặc biệt là đôi mắt thật lớn, đen thẳm và u-koài xa vắng. Cặp mắt đó in sâu vào trí-óc tôi. Chỉ có thế. Và chính trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, không hiểu vì đâu tôi tin rằng cô gái vừa ẩn hiện đó tên là Thu. Từ đó tôi cứ gọi « nàng » là Thu.

Về sau này tuổi đã lớn, đã khôn ngoan hơn ít nhiều, tôi đã nghiên cứu về các chứng mộng du, sách bàn về ma quái, về những hiện tượng Bồ-Tùng-Linh... hỏi thăm nhiều bạn y sĩ, nhưng tôi không thể nào giải thích thỏa đáng hiện tượng xảy ra đêm khuya đó. Có lúc tôi cho hiện tượng ấy là một ảo giác do chứng cận thị của tôi (lúc đó tôi chưa sắm nổi kính). Hoặc bởi ảo giác do tự kỷ ám thị của một nhân vật tiểu thuyết Nhất Linh. Cô Thu trong Bướm Trắng. (Cuốn này tôi thích đọc từ thuở nhỏ, đọc nhiều lần và cho đến bây giờ vẫn thích đọc và gần như tôi thuộc lòng cả cuốn.) Có lẽ vì thế tôi vội đặt cho bóng « Ma » cái tên Thu. Nhưng rồi giả thuyết này cũng như nhiều giả thuyết khác do tôi dựng nên đều đã bị các hiện tượng liên tiếp về cô Thu xảy ra trong suốt mười sáu, mười bảy năm nay đánh đổ.

Sau đêm đó thì tôi nhuốm bệnh. Một cơn bệnh cũng kỳ quái không ai cắt nghĩa được. Tôi không bị sốt, nhịp tim cũng bình thường. Trí óc cũng minh mẫn như thường. Duy có bộ phận phát âm của tôi hoàn toàn không cảm thấy đau đớn gì — bị tê liệt. Tôi không nói được. Kể như bị câm. Có một vài lần, giữa đêm, tỉnh hay mê, chính tôi cũng không rõ, tôi đã theo Thu, bóng ma đêm trước, đi

đạo chơi. Anh tôi thức giấc, không thấy có tôi trên giường đột nhiên đi tìm và gặp tôi ngồi vững vàng trên một cây nhãn cao (tôi vốn không trèo cây được) hoặc có khi thấy tôi ngồi trên bờ hồ trước nhà. Khốn nạn cho tôi là bệnh tôi phát nhằm lúc một cô bạn có nhan sắc Tây-phương đi lấy chồng. (Cô này giờ là vợ một Chuẩn-Tướng, hiện sống ở Saigon. Tôi mong câu chuyện ma quái này được bà Chuẩn Tướng đọc). Do đó có dư-luận cho là tôi thất tình với cô bạn đó nên đau tương tư. (Thật tội-nghiệp cho cô ấy. Chắc cô ấy cũng đã có những mặc cảm tự-hào về giá trị của mình) Do những triệu chứng trên, một vài người khác lại tin rằng tôi bị « tà ». Nghĩa là một cô gái nào đó chết yểu, thành yêu tinh, yêu tôi, và đã chiếm đoạt hồn tôi. Nếu bệnh tà là thế thì tôi cũng hãnh diện. Bởi vì trên trần gian này, chắc chắn không một người đàn bà nào yêu tôi đến độ chiếm đoạt cả linh hồn tôi.

Cơn bệnh của tôi kéo dài đúng mười ngày. Tôi bình phục ngay, tưởng như chưa hề đau ốm gì cả. Cho đến bây giờ, trên mười lăm năm qua, thỉnh thoảng tôi vẫn thường mơ thấy Thu. Nét mặt của Thu trước sau cho đến bây giờ không hề đổi thay. Đáng kể nhất là vào những lúc tôi gặp rủi ro, bị tù đày cực khổ, sau mỗi khi bị tra tấn dã-man tàn tệ, tôi chỉ mong được chết để thoát những cực hình, thì khi trở về phòng giam, hễ chợp mắt được dăm phút là tôi đã mơ thấy Thu. Sau giấc mơ đó tự-nhiên tôi tin rằng tôi sẽ thoát nguy và tôi chưa thể chết được. Thường lệ, vào lúc hiểm nghèo nhất, tôi nghĩ đến Thu là trong giấc ngủ tôi gặp lại Thu. Nhờ đó tôi chịu đựng được tất cả để sống đến

hôm nay. Chính những xuất hiện thường xuyên và chung thủy của Thu đã đem lại cho cuộc sống của tôi nhiều màu sắc thi vị cũng như nhiều tin tưởng và đã làm tôi bớt cô đơn, bớt tuyệt vọng...

Trong thực tế, những thiếu nữ tên Thu, có đuôi tóc đen dài phủ dọc theo lưng áo trắng, có cái nhìn đượm buồn, bao giờ đối với tôi cũng có một sức thu hút ma quái huyền hoặc. Trong một đám đông hay trên một bản danh sách, hễ có người mang tên Thu là thế nào tôi cũng cố nhìn mặt cho được. Nếu những người này cũng có tuổi tóc dài, có đôi mắt mơ buồn là nhất định, dầu cách trở thế nào, tôi cũng bươn tới lân la làm quen rồi kết thân cho được. Nhờ những may mắn cũng mang vẻ khác thường, những người này thường đáp lại sự si mê cuồng dại của tôi cũng dễ dàng. Chính họ đã nói, thoát gặp tôi lần thứ nhất, từ nơi cái nhìn của tôi là họ cảm thấy như đã từng quen thân với tôi. Họ không còn e ngại gì nữa.

Và năm nay tôi đã ba mươi hai tuổi. Tôi đã đau khổ quá nhiều vì theo đuổi, vì yêu thương những người đẹp tên Thu hoặc những cô gái dáng dấp như cô Thu. Tôi lặn lội không biết bao nhiêu theo những cô Minh Thu, Kim Thu, Lệ Thu, Phạm thị Thu, cô Yến, cô Liên... Hễ thấy một cô Thu nào giống với cô Thu trong giấc mơ là tôi vội quên ngay cô Thu kia, đuổi theo cô Thu này để gánh chịu trăm cay nghìn đắng. Có nào cũng hành hạ tôi, cách này hay cách khác, cũng đều nói rằng không sao hiểu tôi nổi và tôi lại đòi hỏi quá nhiều...

Trước kia, trốn tránh sự khủng bố và những khó khăn mà chính quyền Ngô Đình Cần cố tình tạo ra cho tôi, tôi

phải vào sống ở Saigon. Ở đây theo rủ rê của bạn bè tôi đã đến nhà điếm. Lần đầu tiên, khi vừa vệt tấm màn vải hoa bước vào phòng, một nhan sắc mang vẻ buồn của người thiếu phụ ôm đàn Tỳ trên bến Tầm Dương đã làm tôi rung động. Hơn nữa, cô này cũng có mái tóc dài phủ lưng và tối hôm đó, cô mặc áo trắng, màu trắng nữ sinh, từ nơi cái nhìn của cô thoát ra một vẻ buồn vui vợi. Cô tên Tuyết. Sau đó tôi và Tuyết yêu nhau và nếu không vì những can gián gay gắt của bạn bè, chúng tôi đã thành vợ chồng. Một hôm Tuyết tìm đến tôi, nhờ tôi làm giúp nàng cái giấy thế vì khai sinh. Tuyết đưa cho tôi cái thẻ kiểm tra. Nhìn trên thẻ, tôi sửng sốt. Ảnh là ảnh Tuyết, nhưng tên là tên Thu. Hỏi ra mới hay rằng tên thật nàng là Thu. Tuyết là tên bà chủ đặt cho. Tôi nghĩ ngay đến duyên tiền định giữa chúng tôi. Bởi vì dầu là một cô điếm, Tuyết là người con gái đầu tiên tôi đã chung đụng xác thịt. Tôi khó quên được Tuyết cũng vì lẽ đó. Nhưng ngay hôm đó Tuyết bị lính kiểm tặc bắt giam ở đâu không ai rõ. Tôi bật tin nàng từ đó.

Hai năm sau cũng vì bắt gặp một khuôn mặt, một thoáng nhìn của một nữ sinh tên Liên giống với Thu trong những giấc mơ đẹp, tôi đã gắn bó với Liên, đã đau khổ nhiều vì mối tình này và cuối cùng tôi đã coi ngày làm lễ đám hỏi cưới Liên. Nhưng sau một cơn sốt xoàng, Liên qua đời. Lần đầu tôi biết thế nào là đau khổ vì người yêu yêu vọng. Liên chết năm mới 19 tuổi, đúng vào ngày sinh nhật của tôi. Trong buổi lễ cầu siêu cho Liên ở chùa Từ Đám, một phác giác khiến tôi rụng mình kinh sợ. Bởi vì pháp danh của Liên là Thụy. Tâm Thu. Tên Thu là tên được đặt cho Liên khi mới chào đời.

Nhưng không hiểu vì đâu, khi đi bọc tên Thu được đổi qua Liên. Thân-phu Liên không đành bỏ cái tên Thu, nên đã yêu cầu vị Thượng Tọa bèn sư quy y cho Liên lấy Pháp danh cho Liên là Thu. Thêm vào phía trước một chữ Tâm cho ra con nhà Phật. Liên là Tâm Thu. Những sự kiện tình cờ kỳ lạ này nhiều lần làm tôi nghĩ đến một ràng buộc vô hình nào giữa tôi với những người thiếu nữ tên Thu.

Những kỷ niệm của mỗi tình đối với Liên, rồi những buổi chiều Thu bám sát theo tôi, đầu tôi đã cưới vợ, đã có hai con. Tôi thương yêu vợ con hơn tất cả, nhưng không có gì thay thế được Thu trong tâm tưởng tôi. Nhà tôi là một thiếu nữ thật tế nhị và thật khoan dung, thật ngoan ngoãn. Nhưng nhà tôi thật tình vẫn không hiểu tôi. Nhà tôi thấy tinh thần tôi bị khủng hoảng mỗi độ Thu về, gọi tôi là con người mang « bệnh mùa thu » cũng đã chạy chữa cho tôi, cúng vái khẩn đảo cho tôi, thế nhưng tâm bệnh tôi không thấy triệu chứng thuyên giảm, mà càng lớn tuổi càng trầm trọng hơn. Nhà tôi vì thế lắm lúc lo sợ cho hạnh phúc gia đình đang thường xuyên bị đe dọa bởi một ám ảnh ma quái kỳ dị...

Đã bao nhiêu buổi chiều đi qua trong đời tôi. Tôi cũng vẫn ngồi yên bên bờ sông Hương, phía trước làng Xuân Hòa, cũng dưới bóng tre, để mong chờ một người tên Thu. Ngồi ở đó, nhìn nắng vàng vọt rải dài bên kia sông, ánh nắng nằm dài trên mặt nước rồi lên dần thân cây chạy dài ven sông, rồi nhuộm vàng cành lá. Sau cùng khi mặt trời gần khuất ở phương Tây, thì dãy núi vôi vôi xa xa phía đông, tắm trong một thứ ánh vàng tê-tái và trước khi chìm khuất trong màu tím hoàng hôn còn thoi thóp trên chóp một lớp ánh sáng vàng mong manh, khác nào những nước tiếc của kẻ yêu đời sắp trút hơi thở cuối cùng. Cùng với nắng chiều chói với đó, hồn tôi mỗi

lúc mỗi rá rời tan nát. Cho đến lúc mặt trời tắt hẳn, sương tím đục đã giăng mờ trên mặt sông, một vài đóm lửa le lói trong những khoang thuyền, một vài đọt khói chòn vờn trên những mái nhà nằm ven chân đồi Long Thọ, tôi không còn là của tôi nữa. Tôi bị đắm chìm trong nhớ thương não nề, trong những mong đợi xa xôi.

Tôi quay vào nhà như kẻ mất hồn. Tôi không thể nào ăn được cơm, cũng không tài nào chợp được mắt. Tôi trần trọc quần quai trong tưởng nhớ một hình bóng xa mờ...

Bao nhiêu buổi chiều như thế? Bao nhiêu mùa thu chờ đợi đã trôi qua. Nước sông Hương đã mấy mươi lần đầy vơi? Hàng cây bên kia sông đã bao lần thay lá? Thế xác tôi bao phen bị dày xéo theo loạn ly? Thế nhưng trong tôi, hình bóng một thiếu nữ mang tên Thu vẫn còn những nét đậm đà tươi thắm, đã không phai theo năm tháng, trái lại càng trở nên thiết tha bền chặt. Như ám ảnh của định mệnh trên cuộc đời một người mang số đoạn trường. Tinh thần tôi vẫn bị những cơn bệnh mùa thu lôi cuốn vào những ray rứt bồn chồn đầu đầu. Những đêm thu trăng sáng, quầng nửa đêm về sáng, tâm hồn tôi chập chờn lo sợ vu vơ...

★

Sáng nay nhà tôi vô tình nhắc nhở mùa thu cho tôi. (đầu nhà tôi không nhắc thì bầu trời vẫn vũ những mây trên đỉnh đầu cũng đủ thôi thúc tôi nhiều chuyện), làm tôi bàng hoàng. Ba mươi hai tuổi rồi. Dăm bọ sợi tóc đã nhuộm bạc trên đầu. Một vài nếp nhăn bên khóe miệng. Những điều này đã nhiều lần nhắc cho tôi sớm chỉnh đốn lại cuộc sống tình cảm. Nhưng tôi biết làm sao được. Nhà tôi cũng

không giúp được gì. Bông dáng những thiếu nữ áo trắng chòn vờn dưới nắng thu với suối tóc chảy dài trên chiếc lưng thon, e ấp dưới vành nón lá, với đôi mắt lay láy mang những nét buồn vời vợi, vời vời từ bao giờ vẫn có sức lôi cuốn kỳ diệu, tôi không sao cưỡng được lòng tôi. Và những thiếu nữ này mang tên Thu nữa thì chắc chắn tôi bị lôi vào một cơn lốc, tôi bị tối tăm mây mặt trong một quãng đời...

Khi vào nhà, thấy tôi soạn sửa ra đi, nhà tôi hỏi :

— Anh lại định đi đâu bây giờ ?

— Anh không đi đâu cả. Em cho anh chiếc mu soa !

Không đi đâu có nghĩa là tôi phải đi, nhưng đi không vì một mục đích nào rõ ràng cả. Cũng không đến nhà ai. Nhà tôi vốn quen thuộc với những lần tôi ra khỏi nhà như thế nên không hỏi thêm, lặng lẽ vào phòng lấy mu-soa cho tôi. Khi tôi lấy khăn trên tay nhà tôi, tôi thoáng thấy trên nét mặt nhà tôi những âu lo nhần nhục : chứng bệnh mùa thu của tôi hôm nay đã bắt đầu tái phát.

Như mọi khi tôi lại ra bờ sông, lại ngồi dưới bóng tre để khởi đầu một ngày mong chờ. Chờ đợi Yến, chờ đợi Minh Thu, Kim Thu, Phạm thị Thu.H. Tôi chờ người yêu từ một tiền kiếp mang tên Thu. Suốt một thời hoa niên tôi cũng đã mong chờ Thu. Suốt trong năm, tôi chờ đợi mùa Thu, và suốt trong những buổi chiều bàng khuàng, tôi chờ đợi bóng dáng một người mang tên Thu. Và có lẽ trọn đời tôi, tôi cũng chỉ khốn đốn vì những mong chờ vời vợi một người yêu, một người tri kỷ, tên là Thu. Thu ơi!

(Mùa thu loạn lạc)



TỪ NGÀN XUA, tình yêu thiên nhiên vẫn là một nguồn cảm hứng bất tuyệt cho thi nhân, nó đã đóng một vai trò thiết yếu trong các tác phẩm văn chương nghệ thuật. Nhưng trong các tâm trạng buồn nản ta nhận thấy chỉ có mùa Thu đã được thi nhân ghi lại nhiều nhất, vì mùa thu vẫn là mùa của thi sĩ, mùa của lá vàng rơi... Chính mùa thu đã mang lại cho Nguyễn Khuyến một nguồn cảm hứng rào rạt để tạo nên nhiều bài thơ mang nặng đặc tính cổ truyền của dân tộc. Đối với Nguyễn Khuyến chỉ có mùa thu mới có những đám mây trắng đang là đà giữa bầu trời xanh thẳm, phàn vân chưa biết phiêu bạt về đâu?... Tất cả những sắc thái đặc biệt về mùa thu đã được Nguyễn Khuyến ghi lại trong thi ca nhiều nhất. Bằng lời thơ nhẹ nhàng, thanh thoát khiến cho người đọc tưởng tượng lấy cuộc sống trầm

vài nét THƠ THU đáng yêu

★ TẠ-ÁNH-ĐĂNG

lặng của mùa thu thanh bình
nơi thôn vắng :

Ao thu lạnh lẽo nước trong
veo

Một chiếc thuyền câu bé tẻo
leo

Sóng biếc theo làn hơi gợn
ti

Lá vàng trước gió sẽ đưa
vèo.

Nguyễn-Khuyến (Thu điếu)

Hay những khi trầm tư
hên chung trà hương đậm,
thưởng thức sự cô liêu của
đồng quê, thi sĩ thường hòa
hợp với thiên nhiên để tận
hưởng những chiều thu với
làn khói lam quyện trên nóc
nhà tranh xiêu vẹo hay
những đêm bầu trời trong
sáng, nhìn ánh trăng xuyên
qua song cửa :

Trời thu xanh ngắt mấy
từng cao

Cần trúc lơ thơ gió hắt hiu

Nước biếc trông như tầng
khói phủ

Song thưa để mặc ánh trăng
vào

Nguyễn-Khuyến (Thu vịnh)

Mùa thu lại đến, mang theo
những nét thể lương nhuộm
cây cỏ một màu ảm đạm.
Gió thu thật buồn và thật
lạnh, thổi lê thể như muốn
gieo trên ngàn cây nội cỏ
một màu tang tóc. Trước
cảnh tang thương này, thi
nhân ngậm ngùi than thở,
hầu chia xẻ bớt nỗi ưu phiền
với thời gian, để rồi bàng
khương tự hỏi :

Thu ơi ai nhuộm lá thu vàng
Lá ngập trời bởi đến ải quan
Cây cỏ ngậm ngùi sầu thể hệ
Nước non vương vấn hận
thời gian

Tất cả đang dần chết...
Cánh bướm lẳng lơ của vườn
cây mùa hạ giờ đây đã gục
ngã trước gió thu. Mùa thu
vẫn đau thương :

Vườn thơ vắng bướm hương
tàn tạ

Cánh nhạn tung mây gió phủ
phàng

Ôi mảnh hồn trắng từ vạn kỷ
Gieo chi đất bụi một màu
tang

Nguyễn-Vý (Hoang-Vu)

Qua văn chương mùa thu
ở bên Tàu là một mùa lạnh
lẽo, xa vắng với lá ngô đồng
roi ngập lối, với một màu
đỏ ối của rừng phong, đúng
như lời **Nguyễn-Du** đã viết
trong Truyện Kiều :

Rừng phong thu đã nhuộm
màu quan san

Cảnh thu đơn lạnh hòa với
cảnh tiêu sơ của tạo vật thì
nhân như đã đem cả tâm
hồn để ghi lại những tinh
t túy của một mùa thu nơi quê
hương, có khói lam chiều,
có làn sóng bạc bao phủ trên
sông vắng. Ta hãy nghe
tâm trạng của người xưa :

Nhật mộ hương quan hà xứ
thị

Yên ba giang thượng sử
nhân sầu

Thôi-Hiệu (Hoàng-Hạc Lâu)

Và đoạn này đã được
Tản Đà dịch sang Quốc ngữ
một cách tuyệt vời :

Quê hương khuất bóng hoàng
hôn

Trên sông khói sóng cho
buồn lòng ai

Với một tâm trạng tràn
đầy ưu tư **Tản Đà** đã đem
hết kinh nghiệm của một
con người đã từng trải qua
mấy chục mùa lá rơi để nói
lên những tâm sự thâm kín
của mình. Trong một chiều
thu lạnh lẽo ông chạnh nhớ
đến nhớ đến dĩ vãng thuở
đầy nhiệt huyết của tuổi hoa
niên... Nhưng tất cả đã làm
cho ông chán chường vì qua
bao thất bại của cuộc đời,
qua bao thăng trầm của lịch
sử, ông chỉ thấy tâm trạng
mình hết như tâm trạng
của một người viễn khách
mệt mỏi sau một chuyến

đi dài chỉ muốn tìm nơi an nghỉ. Tần Đà đắm chán đời, ông thốt nên những lời bi quan một cách đau khổ khi nhìn tương lai của ông như một chiếc lá sắp đến độ vào thu :

Từ vào thu đến nay

Gió thu hiu hắt

Sương thu lạnh

Khói thu xây thành.

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh.

Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly.

Tần Đà

Khắp nơi lá vàng cứ lặng lẽ rơi, rơi mãi... Cảnh lá rơi đã khiến cho thi nhân liên tưởng đến một mùa thu ly biệt :

Mưa rơi thu ấy lá gieo vàng

Lòng ấm vì tôi đã có chàng

Nhưng đến thu này khi vắng bạn

Tôi nhìn lá rụng buồn tâm can,

Lộ Liễu

Và nói đến mùa thu chúng

ta không thể quên được hình ảnh ngáy ngò của chú cuội bên gốc đa già. Qua văn chương truyền khẩu, qua ca dao chú cuội đã được nhân thế bàn đến khá nhiều:

Thằng cuội ngồi gốc cây đa,

Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ời ời

Cha còn cắt cỏ trên trời,

Mẹ còn cười ngựa đi mời quan viên.

Có những con người tha phương đang hòa mình vào cuộc sống của thị thành. Một chiều cô quạnh chợt nhớ đến cố hương, với hàng cau đơn độc ; nhớ đến thôn Vĩ dạ trong một chiều thu nhạt nắng :

Chiều nay đất khách nhớ quê hương

Nhớ mấy hàng cau với mảnh vườn

Nhớ nẻo đường về thôn Vĩ dạ

Nhớ chiều thu quạnh lúc tà dương

Hỷ Khương

Độc «quê mẹ» của Thanh Tịnh, ta liên tưởng đến một cậu bé rụt rè theo mẹ đến trường, vào một buổi sáng đầy sương thu và gió lạnh. Hình ảnh này đã được thi nhân giữ mãi trong ký ức, như không bao giờ phai nhạt :

Lá thu buồn ngủ trên cành

Phiến mây buồn cũng mong

manh lưng trời

Vào trường xa chốn tao nói

Trống hoang dĩ vắng rã rời

ngày thơ

(Khi còn lớp năm —

(Nguyễn-Thành-Tiến)

Mùa thu chợt đến với thi nhân một cách đột ngột, nhìn lá vàng rơi đầy sân, thi nhân lại nhớ về cố thôn, lại nhớ về quá khứ để lại những cái gì tươi đẹp nhất, nhưng ngày xưa xaxám quá thính hân còn nhớ gì đâu ? Chẳng qua là một nỗi ký ức rộng tuếch: Sáng nay chợt nhớ mùa thu đến

Lá đã rơi vàng khắp lối đi

Xứ Tráng hoa phù dung nở trắng

Ngày xưa xa quá nhớ thương gì ?

Phương-Duyên

Mùa thu quả là một mùa lạnh lẽo, xa vắng, một mùa mang đầy vết tích tang thương. Đứng dưới bầu trời mờ lạnh sương thu, nhìn hàng liễu rủ bóng, nhìn lá ngô đồng ủ nát ; thi nhân phải dao động tâm hồn để gây nên những hàm xúc tái tê :

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng

Đây mùa thu tới, mùa thu tới

Với áo mờ phai dệt lá vàng.

Xuân-Diệu

Hay thi nhân đang tưởng niệm đến quê hương... thăm trách người con gái lỗi hẹn. Một chiều thu nắng ủa nắng

VÀI NÉT THƠ THU

Cắt bước ra đi, bỏ mặc
những lời hẹn ước năm nào :

Ôi hẳn mùa xưa quê tang
thương

Em đi nắng ủa lịm khu vườn

Hàng tre gió khóc ngùi đưa
tiễn

Súng nổ chân em lạc dăm
trường.

Phong-Son

Rồi thì có một đêm trăng
mùa thu nào đó người con
gái nhìn ra ngoại cảnh, tâm
trạng cô đơn của nàng bừng
lên một cách mãnh liệt, tâm
hồn nàng rạo rực, hình ảnh
của người yêu ra đi chưa tròn
sứ mạng và có thể chàng sẽ
ra đi mãi mãi... Ta hãy nghe
tiếng thơ réo rắt :

Em nghe không mùa thu
Dưới trăng mờ thồn thức
Em nghe không rạo rực
Hình ảnh kẻ chinh phu...

Lưu-Trọng-Lưu

Tuy nhiên đêm thu thật
đẹp. Dưới ánh trăng mờ
huyền ảo, một con nai vàng
ngơ ngác dẫm xào xạc trên
lá rừng khô hay ngập ngừng
uống nước bên một giòng
suối bạc, trong rừng đêm
ngập lá vàng thu :

Em nghe không rừng thu

Lá thu kêu xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô.

Lưu-Trọng-Lưu (Tiếng Thu)

Và ngoài kia, từng cơn gió
thu se lạnh, cánh bướm vàng
chập chờn như sắp gục ngã
trước cảnh thê lương... mùa
thu muốn đời vẫn là mùa của
thi nhân.

Tạ - ánh - Đăng
(Quảng - Tin)

LAS VEGAS

**một sông bạc
lớn nhất
thế giới**

★ PHẠM-MẠNH-THƯỜNG

NÓI đến các chốn
ăn chơi, cờ bạc trừ
đanh người ta chỉ
thường nói đến

Monaco và Mã cao là những
nơi có những cuộc đò đen
sát phạt nhau công khai suốt
ngày đêm tiền vạn bạc triệu
Và hai nơi này còn có nhiều
cuộc ăn chơi hành lạc cho
các người tài hoa sơn trẻ
quen thói bốc rời kiêu Thúc
Sinh trong truyện Kiều.

Nhưng nói đến chốn cờ
bạc, yên hoa, tửu sắc nếu
quên Las Vegas thì là một
sự thiếu sót không thể tha
thứ được. Cái gì của Mỹ

quốc cũng có cái vĩ đại hay đặc biệt hơn người ta, thừa các bạn.

Las Vegas là kinh đô của cờ bạc thuộc tiểu bang Nevada. Ở đây kỹ nghệ cờ bạc hợp pháp là nguồn cung cấp vàng bạc cho các tên lưu manh, các tướng cướp của các đô thị lớn nhất ở Mỹ Châu, và cho cả... tiểu bang nữa.

Bọn này đóng trụ sở ở gần Reno (Las Vegas.) mỗi năm nộp cho nhân viên kiểm soát thuế cờ bạc gần 150 triệu đô la nhưng thực ra chúng còn phải đóng nhiều hơn thế, vì mỗi năm du khách đến chơi ở Las Vegas tới 7 triệu người, số tiền quảng vào các sòng bạc phải tới vài tỷ.

Chúng sống rất nhàn hạ và tiểu bang này ít xảy ra những vụ cướp của giết người tuy vậy thành phố vẫn phải có rất nhiều cảnh sát để dự phòng các điều bất trắc.

Phương châm của phòng thương mại Las Vegas là : « *Tới đây mà chơi!* » và du khách có thể hiểu ngầm rằng ngoài cuộc ăn thua, du khách còn được hưởng thú vui khác. Vài cuộc giải trí đáng kể là : khách đến bơi ở hồ của khách sạn. Nước hồ rất trong, cảnh hồ rất đẹp cây cỏ xanh tươi làm cho tinh thần ta thoải mái. Khách muốn đánh golf thì đã có những thảm cỏ mượt như nhung. Khách sưởi nắng ngay bên hồ tắm hay giữa vườn hoa muôn sắc muôn màu. Người ta thường gặp tại chốn này các tài tử của Broadway và Hoa lệ ước đến giốc tiền muôn bạc tỷ ở các sòng bạc tráng lệ.

Ban tổ chức rất sành tâm lý : họ chỉ cần khách đến đánh bạc để kiếm lời nên các thứ ăn chơi không đắt đỏ mấy. nghĩa là một đêm ở khách sạn « Stardust » với bữa ăn và xem nhảy múa

chỉ đòi hỏi một số tiền nhỏ như ở các nơi khác.

Họ sắp đặt rất khéo : muốn vào phòng ăn, ta phải đi qua các hành lang. Chính ở các hành lang là nơi đánh bạc đầy những máy cho ta thả tiền vào hoặc các bàn đánh bạc hết sức hấp dẫn.

Những ông vua dầu hỏa từng có mặt ở các sòng này bỏ ra mỗi buổi tới 10.000 hay 15.000 đô la để giải trí. Các phi cơ của sòng đến đón họ, việc đưa đón rất chu đáo. Các thân chủ cỡ bự này được trú ngụ ở các gian phòng rất rộng rãi với các cô vũ nữ trẻ măng xinh như mộng.

Sòng còn dành cho họ các suông máy mới toanh để vùng vẫy trên hồ Lake Mead bên cạnh giai nhân.

Để có một ý niệm về việc chơi cờ bạc vĩ đại thế nào xin nói rằng mỗi tiếng bạc phải từ 100 đô-la trở lên.

Có thể số tiền xâu (hồ) mới thu được bọn bởi sự chi tiêu (sở hụi) của sòng cũng rất nhiều. Tại Las Vegas, nếu sòng bạc nào, lớn hay nhỏ không kiếm được ít nhất 30000 đô-la một ngày là « *lúa* » và thường thường mỗi sòng kiếm được tới 130.000 đô-la (gần 26.000.000 V.N. theo giá chợ đen ngày nay).

Kỹ-nghệ mở sòng bạc này đã hết sức phát đạt. Người ta nhận thấy các chủ sòng có thể thâu lại vốn được trong hai năm, có khi một năm mà thôi.

Hãy thử tính tiền lời mỗi ngày trong một sòng bạc, 1% của sòng bạc SANDS, chẳng hạn là 92.000 đô-la. Thị tổng số tiền xuất phát trên bàn bạc được trị giá là 9.200.000 đô-la, các bạn ước lượng lấy nếu nhân lên 200 lần theo sự đối chiếu tiền đô-la với đồng bạc V.N. sẽ thấy kinh khủng vô cùng.

Vi tầm quan trọng của các sòng bạc, chủ nhân bao giờ cũng giấu tên. Họ mượn kẻ khác ra mặt nên khó mà truy ra tên thực của các chúa sòng. Người nào làm cái trò do thám này cũng rất dễ mất mạng với họ. Một kẻ đi cáo tố tên thật của vài chủ sòng đã xanh mặt trước viên cảnh sát trưởng.

— Tôi suýt chết trong khi đến đây để nói chuyện với ông về danh tánh của mấy tay chủ sòng !

Viên cảnh sát trưởng cho xét kỹ căn phòng sợ bọn chủ sòng có giấu máy ghi âm ở nơi bí mật nào.

Ông ta giải thích :

— Khách sạn này của tụi nó mà !

Nhiều nguồn tin đáng tin cậy cho rằng các sòng bạc ở Las Vegas chia ra làm hai hạng :

— Hạng thứ nhất của các chủ nhân lương thiện các

dân chuyên làm « áp phe » các tay tổ kỹ - nghệ khách sạn và các tài tử trứ danh như Frank Sinatra và Tony Martin. Đa số là của các tay tư bản cỡ thượng thặng.

— Hạng thứ nhì của các tay anh chị thời Alcapone đã đóng đô ở Las Vegas sau khi đã nhúng tay vào các vụ cướp của giết người buôn lậu khét tiếng. Tại đây họ được các đảng viên và các đồng chí bảo vệ cần mật nên rất yên trí lớn.

Làm sao giải thích được lý do bọn tướng cướp, còn đồ lại chú trọng đặc biệt đến kỹ nghệ cờ bạc ở Las Vegas?

Có thể trả lời ngay rằng kỹ nghệ gá bạc là một « áp phe » mau có tiền hết sức và được tiền nhiều hơn cả. Do đó khi họ đếm tiền họ phải kín đáo, tránh các con mắt tò mò. Các điều tra viên chỉ biết rằng bọn chủ sòng không bao giờ khai đúng số

lời đã thu được. Điều tra viên cũng không có phương tiện để kiểm soát con số khai ra vì họ không được quyền kiểm soát két bạc của sòng. Việc bí mật được thi hành ngay cả trong việc đổi tiền thì đủ rõ.

Tỉ dụ khách muốn đổi giấy đô la 10 đồng lấy tiền lẻ, khách phải rút tiền vào cái khe hồng trong bề dày của mặt bàn và dưới mặt bàn là cái ngăn như chiếc hộp bao giờ cũng khóa kín rồi cứ sau 8 tiếng đồng hồ người ta chuyển chiếc hộp ra két. Theo nhân viên kiểm soát thuế số tiền ần nặc nghĩa là không khai đúng và đánh hụt đi ít nhất vài chục triệu đô-la mỗi tháng...

Ngày nay người ta nhớ rằng xưa kia (mười năm trước) giữa Las Vegas và phi cảng Mac Carran là một con đường dài 5 cây số chung quanh trồng rau. Khí hậu thì nóng bức, khách sạn chỉ

có 2 chiếc mà thôi. Tuy vậy hai lữ điểm này cũng sống được nhưng bây giờ có tới một tá khách sạn rất huy hoàng mọc ra và phát đạt gấp mấy, nếu ta so sánh.

Las Vegas nói cho đúng là thiên đường của các tên lưu manh bởi ở đây không có thi hành luật cấm cờ bạc và đi điếm. Người ta còn coi nó là một kỹ nghệ và là một kỹ nghệ rất đáng kể vì nó giúp nhiều cho rền tài chánh của tiểu bang. Tuy nhiên, xin nhắc rằng vào năm 1955 người ta đã phải lo thanh lọc những chủ sòng để trục xuất bọn lưu manh trà trộn vào trong hàng ngũ chủ sòng. Người ta xét nét kỹ các đơn xin hành nghề, điều tra cẩn thận cả lý lịch của các đương sự. Mặc dầu biện pháp trên đã được thi hành, nhiều tên lưu manh đã phải cuốn gói nhưng không khỏi còn một vài tên lọt lưới. Xin nhắc rằng ủy ban kiểm soát

sòng bạc đã được giao phó cho William Sjinnott là cựu nhân viên công an liên bang Hoa Kỳ (F.B.I) chứ không phải là một tay mờ nào. Và mới đây một ủy ban kiểm soát mới lại được thành lập cũng do một ủy viên cựu trào của F.B.I cầm đầu, ông Ray Abbaticchio với chủ trương như trên là hạn chế sự bành trướng của các sòng bạc nghĩa là chỉ để có 2 công ty sòng bạc hoạt động mà thôi. Rất có thể những tên lưu manh đã bị mất hồ vốn vào công ty để khai thác các sòng bạc này, như vậy ngăn cấm làm sao được, ngoài ra người ta có lý do để ngờ rằng bọn chủ sòng còn được những thế lực đứng ra che chở họ.

Tiểu bang Nevada mỗi năm trung bình thu được 150 triệu đô la thuế cờ bạc đủ cho 270.000 dân khỏi phải đóng thuế (thuế tài sản và thuế lợi tức) trong khi

các công dân khác của Huế kỹ không được dựa vào quyền lợi này.

Tại Nhật, chánh phủ Đông Kinh cũng cho bành trướng các ô ăn chơi để thâu tiền của các du khách ngoại quốc hàng năm đổ bạc tỷ trên xứ Phù tang chỉ có lợi mà không có hại cho sự tiến triển của con cháu Thiên hoàng. Có nên đặt ra câu hỏi : Ở Việt Nam, tại sao chánh quyền không thiết lập một thứ Monaco. Las Vegas ở vài vùng xa Sai - gòn có phong cảnh đẹp để hấp dẫn những khách chơi từ bốn phương trời đổ lại mua vui và quảng tiền vào đây cho người dân bớt nạn tăng thuế hàng năm và rộng đường mưu sinh, dĩ nhiên chúng tôi không có ý đề nghị tái sinh cái trò « Kim chung » và « Đại thế giới » mười lăm năm trước ở ngay giữa thủ đô miền Nam này.



tiếng trống cô đơn

● THẾ-HỒNG-IAM

cho các em Nhi Đồng thiếu mẹ

Từ mang chua xót vào đời
Hóa thân eon mẹ luân hồi thế gian
Mẹ đi để lại muôn vạn :
thương đau sâu tủa lệ tràn lên mi,

vàng ! đành cũng một lần đi
âm dương cách trở biệt ly là rồi !
bây giờ con với con thôi
bây giờ con với một trời đau thương.

Trung thu trăng sáng vô cùng
Trống khuya nhịp múa bập bùng vòng xanh.
Xin cầu mẹ ngủ an lành
Cô đơn con chịu thế gì n lưu đây.

HAI MÙA TRĂNG

Truyện ngắn
của

*

BÀNG - DOANH



TRONG bóng tối của một cành bưởi rậm ở góc vườn. Nhà đang ngồi tựa đầu lên vai Định, cặp mắt lim dim mơ tưởng. Nàng muốn ngủ một giấc trong đôi tay êm ái của người yêu. Định ngẩng một cành hoa bưởi cài lên tóc Nhà, giọng triu mến :

— Anh muốn em mãi mãi tươi đẹp như đóa hoa bưởi này.

Nhà rúc đầu vào cổ áo Định trắng nọ :

— Không, hoa nhà chứ anh.

Định cười, choàng tay ôm vòng ngực no tròn của Nhà :

— Phải rồi, hoa nhà. Hoa nhà của anh.

Ngoài trời trăng sáng vắng vắng. Lá cây loang loáng chuyển động theo mỗi trận gió thổi trông thật vui mắt. Mùi hoa bưởi ngào ngạt tỏa

HAI MÙA TRĂNG

khắp vườn. Nhà cảm thấy tâm hồn lâng lâng thanh thoát. Ước gì trên thế gian này chỉ có hai người : nàng và Định và chỉ có một vườn bưởi trắng sáng, để nàng hưởng tận cùng khoái lạc của tình yêu. Nhà bỗng thở mạnh run run gọi tên Định :

— Anh Định, anh Định.

Định âu yếm nhìn vào đôi mắt đen của Nhà :

— Em ơi, tại sao chúng mình lại không lấy nhau được nhỉ ?

Nhà khẽ đáp :

— Em tưởng tại anh cả. Anh muốn thì được chứ sao anh.

Giọng Định trầm hẳn xuống :

— Đành là như vậy. Nhưng còn gia đình anh, anh sợ lắm.

— Anh sợ gì ?

— Sợ gia đình anh chê em..

Nhà cắt ngang :

— Vâng, em biết em chỉ là một đứa ở gái. Anh thì con nhà gia giáo, ai lại lấy một đứa ở dốt nát, thô kệch như em. Em không trách ai, chỉ trách trời sinh em giữa cảnh cõi cút thế này, để anh gặp em.

Định không nói gì, ngồi lặng suy nghĩ. Riêng Nhà, nàng buồn lắm.

Nàng vui sao được mỗi khi gặp Định để nghe Định hỏi một câu : « Tại sao chúng mình lại không lấy được nhau nhỉ ? » Nàng có cảm tưởng Định không yêu nàng nên không muốn cưới nàng.

Thấy Định vẫn ngồi yên, nàng chán nản đứng dậy :

— Em về thôi anh, muộn rồi.

Định khẽ gật đầu như mọi lần :

— Ừ, em về. Hôm nào tiện cho anh gặp lại nhé.

Nhà miễn cưỡng đáp :

— Vâng.

Tuy hồn trách Định nhưng Nhà vẫn tin rằng Định yêu nàng tha thiết. Định là người con hiếu thảo nhất trong gia đình ông Phan Hòe nên chàng sợ tai tiếng là phải. Nàng chỉ mong có cơ hội nào để chứng tỏ cho ông bà Phan Hòe biết rằng Định yêu nàng, lúc đó may ra ông bà mới chịu nghe lời Định xin cưới nàng.

— Đêm tối, cô ra đây làm gì ?

Nghe tiếng hỏi bất thần, Nhà giật bắn người, bước lùi lại hai bước. Khi nhận ra Hồng, cô gái con bà chủ đang đứng trong bóng tối của mái hiên, Nhà mới bớt sợ. Nàng run run đáp :

— Thưa cô... tôi... tôi ra hóng mát.

Hồng mỉm cười mỉa mai :

— Hừ, hóng mát. Sao mà tiêu thư thế ? Nửa đêm ra hóng mát

Trông thái độ giận dữ và giọng nói hằn học của Hồng Nhài mơ hồ nghĩ rằng Hồng đã biết được nàng vừa gặp Định. Chính vì vậy nên Hồng mới tỏ ra ghen tức với nàng. Nàng biết từ lâu rằng Hồng cũng yêu Định. Và chính bà Chánh Duy, mẹ Hồng cũng đang cậy người mai mối cho con bà lấy được Định.

Nhài đi thẳng vào buồng, nắm vật xuống chiếc giường tre thờ thờ dật dật.

Từ hôm ấy, Hồng thay đổi hẳn thái độ. Hồng xét nét Nhài từng cử chỉ và theo dõi Nhài từng bước đi. Nhài cảm thấy khổ tâm và nhiều khi nàng toan bỏ trốn nhưng chủ nhà lại rất thương mến nàng, coi nàng như con vì nàng tỏ ra thành thực và tận tụy trong công việc.

Tuy vậy, mối bất hòa giữa Nhài và cô gái con bà chủ nhà càng ngày càng thêm rõ rệt. Họ không muốn gần nhau và cố tránh không trò chuyện với nhau. Nhài

biết tình yêu của nàng mong manh như sợi tơ trước gió. Làm sao nàng có thể sánh được với Hồng một thiếu nữ chỉ biết đem vẻ giàu sang của một gia đình nề nếp mà đối lại với người ở gái cô đơn, hèn mọn như nàng. Nàng biết chắc một ngày kia câu chuyện tình giữa nàng và Định sẽ đưa đến kết quả bi thương vì hoàn cảnh và hơn nữa, vì danh dự của gia đình. Định yêu nàng nhưng không chắc chàng có đủ can đảm phá vỡ mọi trở ngại để tiến tới hôn nhân.

Bỗng dưng chiều hôm ấy Hồng trở nên vui vẻ khác thường. Nhài sợ lắm, nghe tiếng cười, nghe giọng nói, nàng thấy rõ thái độ tự tin của một kẻ đã chiến thắng. Đang ngồi ăn cơm tự nhiên Hồng phá lên cười khanh khách làm cho Nhài đỏ mặt ngượng ngùng. Thu dọn việc nhà xong, Nhài buồn rầu ra ngồi dưới mái hiên ngậm ngùi nghĩ tới thân phận thì thấy Hồng từ trong nhà bước ra. Hồng lại bên Nhài, ôm ở hời :

— Sao hôm nay cô có vẻ buồn bã thế, hà cô ?

Nhài cố lấy giọng thản nhiên đáp :

— Chẳng có gì mà buồn. Tôi thì lúc nào cũng vậy thôi.

Hồng mỉm cười ranh mãnh :

— Vô tư nhì. Nhưng cô có biết cái gì đây không ?

Hồng giơ ra trước mặt Nhài một phong thư. Thoạt trông nét chữ, Nhài giật mình.

Hồng lại cười khanh khách :

— Mẹ tôi khoe với hàng xóm là cô đứng đắn lắm cơ mà.

Dứt lời, Hồng bỏ đi. Nhài vội gữ lấy tay Hồng :

— Có Hồng ơi, tôi van cô. Cho tôi xin lại bức thư.

Hồng khinh khinh quay đi :

— Lên mẹ tôi mà đòi. Đẹp mặt nhì. Mẹ tôi sẽ tống cô cô khỏi nhà này. Đáng thương chưa !

Nhài gục đầu lên cánh tay, khóc. Thật là đáng thương cho số phận hẩm hiu của một kẻ hầu như không bao giờ được hưởng những phút vui của hạnh phúc. Hồng đã phá vỡ hạnh phúc của nàng rồi và câu chuyện sẽ ra sao nếu bà Chánh đọc được lá thư kia. Lá thư của Định đưa cho nàng tối hôm qua nhưng vì bận việc nên nàng đánh rơi mất. Nhài lo sợ suốt ngày tự lự, cơm không muốn ăn, công việc cũng chậm trễ.

Sáng hôm sau, bà Chánh gọi Nhài lên có ý nhờ nàng tới giúp bà Lê—chị ruột bà Chánh—trong thời gian bà ở cũ. Nhài vui vẻ ra đi. Nàng coi đó như là một cơ hội tốt để thoát khỏi cảnh ngục tù.

Trưa hôm ấy, Nhài lạng lẹ lên đường với gói quần áo. Đi qua mảnh vườn trồng bưởi, nàng chợt nhớ tới người nàng đã gặp trước đây mà cảm động ứa nước mắt. Thôi từ nay nàng sẽ không thấy mặt Định nữa.

Ngày tháng vẫn bình thản qua đi. Suốt hai tháng trời Nhài không có dịp về qua mảnh vườn bưởi nhưng nàng tin rằng Định vẫn chưa quên nàng.

Rồi một hôm Hồng lại thăm Nhài, cử chỉ hồn nhiên như một con chim non. Hồng ân cần hỏi thăm sức khoẻ và công việc của nàng.

Hồng đã khác xưa nhiều, thân hình nàng trông đỡ gầy và có phần tươi trẻ, nét mặt hớn hờ và nụ cười thơ ngây, đầy tin tưởng. Những khi vui đùa, Nhài có ý gọi lại chuyện giữa nàng và Định nhưng Hồng chỉ cười nói :

— Anh Định hay hỏi tin tức

chị lắm. Nhưng em toàn đầu thối. Chắc anh ấy giận em lắm.

Đó là một điều hơi lạ. Nhài không tin rằng Hồng còn giữ được thái độ rộng lượng, quân tử đến thế. Thái độ quân tử của một người không sợ đối phương có sắc đẹp hơn mình. Tại sao Hồng không tỏ vẻ khó chịu khi thấy nàng vẫn còn yêu Định. Nhài bắt đầu lo sợ hay Định chết rồi? Hay Định đã cưới vợ? Bằng Nhài buột miệng hỏi:

— Thế bao giờ Hồng lấy chồng?

Hồng cười đáp:

— Sắp rồi chị ạ. Còn chị thì sao?

Nhài ngượng ngùng:

— Tôi hả, ai thêm lấy.

Hồng mỉm cười, nụ cười đượm một ý nghĩa mỉa mai. Nhài chợt nhớ lại câu nói của Hồng cách đây mấy tháng: « Đáng thương chưa! »

Sau đó không lâu, Nhài được tin Hồng lấy chồng, phải về ngay. Nàng vội sắm sửa hành lý để trở về.

Mới hai tháng rưỡi đi xa mà cảnh vật có vẻ khác hẳn. Từ cửa bếp, lối đi cho đến cổng vào đều sạch sẽ, chu đáo. Nhưng khi về

lối nhà. Nhài mới hay người chồng sắp cưới của Hồng chính là Định, người yêu cũ của nàng.

Đau khổ và tuyệt vọng, Nhài chỉ muốn bỏ đi ngay, sống cô độc ở một phương trời nào để không nhìn thấy cảnh trái ngược. Người yêu của nàng đã trở thành chủ nhân đối với nàng.

Hồng thì hớn hờ, sung sướng. Nàng đưa cho Nhài xem những đồ trang sức và áo quần lộng lẫy của nàng.

Gần đến ngày cưới, công việc đình đám, trần thiết lại càng huyền ảo, tấp nập. Hồng thì suốt ngày trong phòng trang điểm, đón tiếp bạn bè. Còn Nhài thì tất tưởi lên xuống công việc không lúc nào rời tay.

Mai là ngày cưới. Đêm nay, khi công việc đã tạm xong, bà Chánh cho gọi Hồng vào phòng riêng. Với giọng nghiêm nghị, bà nói:

— Hồng con, ngày mai con đã về với người ta rồi. Mẹ có thương con cũng chẳng giữ lại được. Quần áo, tư trang mẹ đã sắm cho con cả. Mẹ chỉ xin con một điều là con phải hết sức chịu khó, nghe lời mẹ chồng như nghe lời mẹ. Bây giờ con hãy sang xin

lối chị Nhài đi, con đã làm khổ chị ấy nhiều rồi. Con biết không, chị Nhài là chị ruột con đấy. Sự thực thì anh Định xin cưới chị con nhưng mẹ biết con cũng yêu anh ấy nên đã dàn xếp để chị con đi xa. Đến nay mọi việc đã xong xuôi cả rồi.

Hồng giật mình hoảng hốt:

— Mẹ nói sao, có Nhài là chị ruột của con à? Hay mẹ muốn con đối đãi tử tế với cô ấy hơn thế nữa?

— Không, nếu mẹ muốn, mẹ đã nói ngay từ trước để tránh cho chị con nhiều điều oan ức nhưng mẹ sợ...

Hồng vẫn chưa hiểu ý của bà Chánh, lại nói:

— Thừa mẹ, con đã làm điều gì lỗi để mẹ từ bỏ con. Con xin mẹ nói cho con rõ.

Bà Chánh thân nhiên:

— Không, con mẹ rất tốt. Mẹ đã nói mẹ không bao giờ ghét con. Nhưng mẹ muốn con phải xin lỗi chị ruột con. Con cũng đừng nói gì với người sắp cưới con, như thế không hay.

Rồi bà Chánh kể cho Hồng nghe lý do nào Hồng đã được bà Chánh nhận làm con nuôi. Bấy giờ Hồng mới tin là thật. Thì ra

nàng cũng chỉ là một đứa con nuôi. Và từ xưa đến giờ nàng vẫn sống trong sự chiều chuộng giả dối. Bao nhiêu hy vọng và kiêu hãnh vụt tan biến. Đột nhiên Hồng nấc lên, cắn chặt hai hàm răng vào nhau để khỏi bật lên tiếng khóc.

Bà Chánh âu yếm kéo Hồng vào lòng mình:

— Đừng, con đừng khóc để mẹ buồn. Đối với người ta, con vẫn là con mẹ.

— Nhưng đối với mẹ, con không phải là con mẹ.

— Mẹ đã bảo con vẫn là con mẹ. Mẹ không nói với người khác rằng con là con nuôi của mẹ đâu. Con nín đi.

Hồ g nước nở:

— Con biết lấy gì đền đáp công ơn mẹ, suốt 16 năm trời.

Hồng gục mặt trên bàn, nước mắt dàn dụa. Bà Chánh lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi phòng.

Chợt Hồng thấy có bàn tay ai đặt nhẹ lên vai nàng. Nàng ngước mắt nhìn và buột miệng kêu lên:

— Nhài, chị Nhài.

Và nàng xoay người lại ôm lấy Nhài, hai chị em cùng khóc. Qua bao nhiêu năm trời họ sống bên

nhau, họ chưa bao giờ yêu nhau bằng mỗi tình ruột thịt.

— Chị Nhài, chị tha thứ cho em. Em chỉ là đứa em khốn nạn. Sao người ta không nói cho em biết, để em được...

Hồng không sao nói hết. gục mặt vào vai áo chị. Nhài đưa tay chấm nước mắt.

— Chị hiểu cả rồi, em đừng khóc. Chị em ta thấy được mặt nhau bây giờ cũng không muộn. Dù bà Chánh không nói nhưng đối với chính bà, bà cũng sẽ không thể nào cư xử với em như xưa. Bà muốn tránh tất cả những phiền phức về sau nhưng từ đây em không phải long đong nữa. Em hoàn toàn sống tự do, như thể là hạnh phúc rồi. Chị cũng cảm ơn lòng tốt của bà đã giúp cho chị em ta từ trước đến giờ.

— Còn chị thì sao?

— Chị rất sung sướng em ạ.

Nói đến đây, Nhài vội quay đi. Nàng không thể quên được những nỗi khổ tâm nàng đã cam chịu vì em. Nàng thần thờ đưa mắt nhìn qua cửa sổ, trí vẫn lơ nghĩ tới những ngày đã qua.

Hai mươi năm trước đây nàng đã mở mắt chào đời trên mảnh

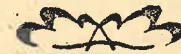


đất thân yêu này. Nàng có tất cả ba người em, hai trai một gái. Hồng là đứa em thứ hai trong gia đình. Khi nàng lên tám tuổi thì thảm họa xảy đến trong gia đình. Một trận lụt đã phá hủy tất cả cơ nghiệp của gia đình nàng trong một đêm. Mẹ nàng cũng mất tích trong đêm đó. Cha nàng một mình phải nuôi bốn đứa con thơ. Sự bần phận không hoàn tất, ông giao Hồng cho bà chánh làm con nuôi. Bà Chánh không có con tuy là người giàu nhất trong làng. Từ đấy cha con tha phương cầu thực. Năm mười bảy tuổi nàng lấy chồng và theo chồng đi xa. Hai năm sau chồng chết, nàng trở về tìm cha và các em nhưng cha nàng cũng đã mất và các

em nàng đều đã bỏ đi xa. Buồn rầu nàng trở về làng cũ — theo lời cha nàng trở lại — để tìm đứa em gái của nàng. Nhưng không ai nói cho nàng biết em nàng là ai. Bà Chánh thì tuyệt nhiên không nhận nàng là chị của Hồng. Mãi đến nay, sự thực mới vỡ lẽ. Thì ra bà Chánh không muốn Hồng biết nàng là con nuôi nên đã dấu kín chuyện đó.

Ánh trăng sáng ngời chiếu qua song cửa vào chỗ Nhài đứng. Trong lòng nàng chợt sống dậy bao kỷ niệm tưởng như đã chết.

Bên ngoài, tiếng cười nói ồn ào và tiếng người lên xuống tấp nập. Nghĩ đến phận mình Nhài lại buồn. Nhưng thôi, nàng hy sinh tất cả cho em, cho đời em khỏi vất vả.



△ CỬ XÁ KIỀU MỚI CHO CÁ VEN BIỂN

Ở Nhật Bản, sự ưa thích nuôi cá đã trở thành cuồng tính, nhiều nơi làm cả những chỗ ăn cho cá ở. Nhưng thế chưa đủ, vừa đây một hiệp hội nuôi cá ở đảo Izu, khoảng hơn trăm cây số phía Nam Đông Kinh, đã nảy ra ý kiến thả xe buýt cũ xuống bờ biển cho cá ăn. Mặc dầu xe hơi Nhật sản xuất cũng đã bán được rất nhiều ra ngoài quốc và mức tiêu thụ trong nước cũng không kém, nhưng vì thế cũng rất sẵn xe bỏ đi, Ý kiến này cốt để dùng những xác xe cũ nát không còn được việc gì ngoài việc làm sắt vụn. Công việc kể trên ví cũng như « một đá giết hai chim », vừa nuôi được cá, vừa dùng vỏ xe bỏ đi vào việc lợi ích, một cách xử dụng rất thích hợp đối với một nước kỹ nghệ như Nhật Bản. Hiệp hội cho biết định thả xe buýt cũ xuống biển, chiếc này tới chiếc khác, nếu cách nuôi cá này tỏ ra có hiệu quả.

người
em
sầu mộng

Gió thoảng lay hàng liễu,
Trăng lên theo nhịp rượu.
Lời nói đượm hơi men,
Trong quán nhỏ không đèn.
Em ngồi tóc xõa vai,
Mím môi mắt liếc dài
Bên ly rượu gần cạn
Của người anh tối nay.
Từng lời nói bên tai,
Em sống cô đơn hoài.
Anh hôm nay đơn chiếc,
Chờ nhau một sớm mai.
Đời em liền quán nước,
Biết bao giờ tìm được
« Hoàng tử của lòng em »
Để xây mộng êm đêm !

● Hoàng Thăng



★ NGUYỄN - VŨ

(tiếp theo P.T. 180)

MỘ T chàng trai mới có 27 tuổi, hầy còn ngây thơ, mộc mạc, từ Hà Nội vào Saigon, lần đầu tiên lên miền rừng núi Tây Ninh, đến một nơi «huyền bí xa xăm» gọi là Thánh Thất Cao Đài, nơi đây theo như chàng chỉ được nghe đồn là « thờ Thần Một Mắt » và thường xuyên tiếp xúc với các vị Tiên Thánh trên Trời, chàng trai ấy không thể không hồi hộp, bồn khoăn...

Tuần tự cho rằng cuộc « phiêu

lưu » này mà chàng liêu liếng đi một mình, là một đại sự trong đời chàng. Nhưng chàng rất háng hái vì thích hợp với bản tính của chàng ưa đi chu du đây đó, lang bạt kỳ hồ...

Ngủ dậy thật sớm, chàng xách cặp tấp ra « bến xe đò Lục tỉnh » ngay bên hông chợ Bến Thành, mua vé đi Tây Ninh. Đường dài gần 100 ki-lô-mét. Tuần để ý không thấy có gì khác biệt các phong cảnh miền Trung, chỉ thỉnh thoảng có một vài loại cây lạ, như

cây thốt nốt, cây xoài riêng... và hai bên đường là đồng lúa mênh mông, ít có núi, gò, như ở hai miền Trung Bắc.

Đến tỉnh lỵ Tây Ninh vào khoảng 9 giờ sáng, chàng điem nhiên hỏi một anh xe ngựa, một loại xe ngựa đặc-biệt ở Miền Nam gọi là xe *thồ-mộ*, người Pháp gọi là xe *Hộp-quẹt* (Boite d'allumettes), hay là *tắc-ca-tắc* (*tac-à-tac*):

— Đi Thánh-Thất. Cao-Đài bao nhiêu chú ?

— Cho 6 các.

Đường đi không xa, chỉ vào khoảng 5, 6 cây số. Phong-cảnh đã hơi đổi khác. Đã thấy một vài đỉnh núi xanh mờ-mờ xa-xa... Chú đánh xe bảo :

— Núi Điện-Bà đó. Linh lắm.

Người dân Tây-Ninh đầu tiên đã cho Tuấn nghe một vài chuyện thần-linh ở đất huyền-kỳ này rồi. Xe đi ngay trước một cổng lớn và rộng, nhưng đóng lại, chỉ để lối đi bên hông. Tuấn đứng đấy xem một lúc. Phía trên có đề hai giòng chữ lớn bằng tiếng Việt và tiếng Pháp:

**Đại-Đạo Tam-Kỳ Phồ-Độ
3è Amnistie de Dieu en Ori-
ent**

Tuấn nghĩ mãi không ra ý-nghĩa của hai chữ « Tam Kỳ », chắc hẳn không phải là Ba kỳ: Nam, Trung, Bắc, vì có câu chữ Pháp chưa ở dưới: 3è Amnistie, nhưng 3è Amnistie là thế nào? Nếu dùng có câu chữ Pháp thì Tuấn có thể đoán chừng ý-nghĩa rằng: Cao-Đài là một Đạo lớn phồ-độ cho toàn thể nhân-dân Trung-Nam-Bắc. Tuấn lại nhận thấy rằng câu chữ Pháp chưa ở dưới không phải là dịch đúng câu Việt-ngữ, vì nghĩa của nó là: « Ân-xá lần thứ ba của Chúa ở Đông-phương », khác với câu tiếng Việt xa-lắc xa-lơ !...

Chỉ có hai câu đề trên cổng cao lớn đó mà Tuấn cứ thắc-mắc hoài, đứng tần ngần suy-nghĩ mãi, chưa muốn vào trong. Đã vậy, hai câu đối hai bên bằng chữ Nho lại càng khiến cho Tuấn hoang-mang: không có ngụ ý gì là huyền-bí ảo-mộng. Thần Tiên, như Tuấn đã tưởng-tượng. Trái lại, câu đối đề-cập đến « Dân

quyền » và bao-hàm tự-tướng ái-quốc, tự-do, dân-chủ... Đọc đi đọc lại câu đối chữ Nho, Tuấn ngẫm-nghĩ: hay là dư-luận của một số đồng-chí cách mạng quốc-gia ở Hà nội bảo rằng Cao-Đài là một tổ-chức chính trị có liên hệ đến Đức Kỳ-ngoại-Hầu (Crông-Đề... cũng đúng một phần nào chăng ?

Với tất cả những thắc-mắc ấy, Tuấn xách cặp-táp đi cửa hông bước chân vào khu-vực của Tòa Thánh Cao-Đài.

Một văn-phòng lên-lạc ở ngay bên cửa. Tuấn vào. Thấy một thiếu-phụ mặc toàn đồ trắng theo một kiểu riêng-biệt của tín-đồ Cao-Đài, Tuấn trao bức thư giới thiệu của ông Abadie, gọi Đức Hộ-Pháp Phạm-công-Tắc. Ông Abadie biên ngoài bao thư bằng Pháp-văn :

*Sa Sainteté Phạm-Công-Tắc
Saint Siège Tây-Ninh*

Thấy thiếu-phụ hơi do-dự, Tuấn bảo :

— Thưa cô, ông Abadie, người gọi thư này, là tín-đồ Cao-Đài giáo, và là người Pháp, làm chánh Lục-sự Tòa án-Hà Nội. Nhờ tôi

có dịp đi Saigon, muốn đến viếng Tòa Thánh, ông viết thư giới thiệu tôi cho Đức Hộ-Pháp Phạm Công-Tắc. Vậy xin cô làm ơn chuyển thư lên Ngài.

Bây giờ tín-nữ Cao-Đài, mới niềm nở hỏi han :

— Xin lỗi thầy là ai ? Quý danh là chi, để tôi trình lên Đức Thầy.

— Dạ, tôi là Trần Tuấn.

Tín-nữ tỏ vẻ sững sốt nở một nụ cười :

— Ông là ông Trần Tuấn, chủ búp (1) báo Phụ-nữ phát-hành ?

Tuấn lễ phép mỉm cười nghiêng đầu :

— Dạ.

Tín-nữ Cao-Đài rất dịu dàng bảo :

— Dạ, xin mời ông Trần Tuấn đi với tôi, tới Giáo-tông đường, có Đức Thầy ở đó.

Tuấn vâng lời đi theo cô. Tô mỗ Tuấn khẽ hỏi :

(1) Suốt thời gian Tuấn ở Saigon cũng như Tây-Ninh, đồng-bào quen biết vẫn gọi Tuấn là « chủ búp », tức là chủ bút, nói theo giọng Nam.

— Xin lỗi cô, Đức Thầy là ai?

Tín nữ duyên dáng đáp :

— Đức Thầy là Đức Hộ-Pháp đó.

Tuấn thấy con đường rộng thênh thang bằng phẳng từ cổng Tòa Thánh chạy thẳng bằng vô tận, không biết tới đâu. Có tám băng cấm bên cạnh đường, ghi :

« Đại lộ Hòa Bình »

Bên trái là một tòa nhà đang xây cất, một kiểu đặc biệt, không giống các kiến trúc chùa, đền, thông thường. Tín nữ cho biết đó là Chánh điện thờ Đức Cao Đài chưa cất xong. Bên phải giữa một khu đất trống, cỏ mọc um tùm, đã dựng lên một pho tượng có lẽ làm bằng plâtre : một con ngựa kim trắng roát, hai chun trước đưa lên như sắp phi. Tượng này cũng làm dở dang bình như phải có một người ngồi trên lưng ngựa nhưng chưa làm xong.

Đọc hai bên Đại lộ Hòa bình có rải rác ba bốn ngôi nhà ngói, kiến trúc thông thường, trước cổng mỗi nhà đều có tấm bảng đề chữ : *Hội Thiên Đài, Nữ Phối Sư, v.v...* Tuấn chưa quen với những danh - từ mới này nên không

nhớ kỹ. Đi chừng 100 mét thì tín-nữ đưa Tuấn vào một ngôi nhà cách đại-lộ chừng 20 mét, bề ngoài trông như một biệt-thự thấp, (không có lầu) nhưng rộng-rãi, mát-mẻ. Kiến-trúc và bài-trí không có gì đặc-sắc. Ngôi nhà ngói trường-già khả-ái, vuông-vức, tọa-lạc giữa một khu vườn nhỏ xinh-xinh, trồng nhiều cây măng-cầu đã có trái, và năm bảy bụi bông trang, bông ngâu, bông bụt.

Bước lên thềm, tín-nữ bỏ guốc, đi chun không vào phòng khách nơi đây có bốn năm ông mặc toàn áo dài trắng của Chức-sắc Cao-Đài, đang chuyện trò. Tín-nữ lễ-phép tiến đến một ông ngồi giữa, cúi mình, hai tay cung kính trao bức thư và nói rất khẽ. Tuấn rành-rang quan-sát hình-dung của ông đó, mà Tuấn đoán chừng là chính Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc. Độ 40—45 tuổi, người nhỏ-thó, nét mặt gân-guốc, nhưng đôi mắt sáng. Tuấn đặc-biệt để ý đến đôi mắt sáng-quắc trên khuôn mặt gầy còm ấy. Ông mặc một bộ y phục trắng cũng cài một giọc nút ở giữa, như áo của mấy ông kia, chỉ khác một điểm là áo của ông có một rẻo lụa vàng

quấn ngang bụng, thả hai tua dài xuống đến nửa ống chân.

Vừa xem xong thư, ông vội vàng đứng dậy, cười rất tươi, bước nhanh ra bắt tay Tuấn, niềm nở hỏi bằng tiếng Pháp :

— C'est donc, vous, monsieur Trần Tuấn ?

Tuấn đáp với một nụ cười lễ phép :

— Lui-même, Excellence.

Ông cười ha hả vỗ vai Tuấn tỏ tình sơ giao thân mật, nói sang tiếng Việt :

— Được gặp ông bạn đây, hân hạnh lắm. Tôi có đọc tờ báo *Le Patrie Annamite, Văn học tạp chí, Phụ nữ*, và phục lối văn của ông lắm. Tôi cũng có theo dõi bài diễn thuyết của ông bữa tối thứ Bảy ở Hội quán SAMIPIC. Tôi hoan nghênh lắm.

Nắm tay Tuấn, Đức Hộ Pháp quây sang nói với mấy vị chức sắc :

— Ông Trần-Tuấn, chủ-bút báo *Phụ-Nữ*, bạn của Đạo-hữu Abadie ở Hà-nội, vào viếng Thánh-Thất đây.

Quây lại giới thiệu với Tuấn :
... Đây là quý chur vị Chức-Sắc Cao-cấp trong Đạo...

Rồi ông giới-thiệu riêng cá nhân và chức-tước của từng vị. Tuấn được hân-hạnh lễ phép bắt tay mỗi vị.

Đức Hộ-Pháp mời ngồi xong-Tuấn hỏi :

— Thưa Đức Hộ-Pháp, tôi có ý-dịnh nghiên-cứu kỹ-càng Đạo Cao-Đài, mà ở Hà-nội, Huế, và đa số đồng-bào Bắc-kỳ và Trung-kỳ chưa được hiểu rõ lắm.

Đức Hộ-Pháp vui-vẻ cắt ngang Tuấn :

— Trong thư của Đạo-hữu Abadie có nói. Ông bạn cứ ở ngay trong Tòa Thánh đây, bao lâu cũng được. Ông bạn sẽ có nhiều dịp chứng-kiến và tham-dự các cuộc lễ, các buổi cầu Cơ-giáng bút, nghe các vị Thánh-Tiên hiện về làm thơ, và truyền bá giáo lý.

Tôi sẽ biếu thầy Hiền, thơ ký của tôi, đưa các tài liệu về bản Đạo để ông coi... của Đạo hữu Frère Gabriel Gobron ở bên Pháp nữa...

Ông nói sang tiếng Pháp :

— Vous savez, notre religion a reçu un accueil des plus sympathiques à l'étranger, surtout en France. Nous avons même un

noyau Caodaiste français à Paris !

Với một nụ cười hãnh diện rất chính đáng, vị Giáo chủ Cao Đài nói tiếp Tuấn thấy đôi mắt của người sáng rực lên :

— Bữa trước, bà Henriette Chandet, nữ-trợ bút nhật báo *L'Intransigeant* đi theo ông Tổng trưởng thuộc địa Paul Reynaud qua thăm Đông Dương, chắc ông biết, có tôi đây, ở đây 3 ngày và có chứng kiến một cuộc cầu cơ giáng bút, Bà được nói chuyện với Victor Hugo, cho nên bà tin lắm...

Câu chuyện đầu tiên của ông Phạm công Tắc đánh đúng vào thị hiếu của Tuấn, thâm ý của Tuấn đến Tòa Thánh Cao Đài chính là chỗ « Cầu cơ giáng bút » đó. Tuấn muốn chứng kiến một buổi cầu cơ chính thức, thật sự, có đảm bảo, có hàng triệu người tin tưởng.

Mấy lời khai mào của ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc, là một tia sáng huyền ảo chiếu vào suy tư của Tuấn, với bao nhiêu màu sắc nhiệm mầu...

Nhưng Đức Hộ Pháp gọi anh thư ký :

— Hiền, em đưa ông bạn Trần Tuấn về ở căn nhà *Missions*

Etrangères (Truyền giáo Quốc ngoại) và lo đầy đủ tiện nghi cho ông, nghe em.

— Dạ.

— Ông bạn sẽ dùng cơm với tôi. Hay là ông bạn muốn dùng cơm riêng một mình, tùy ý... Mais il prendra le petit déjeuner avec moi. (1)

— Dạ.

Quay lại tôi, ông bảo :

— Ở đây, ăn chay trường, ông bạn ạ. Ông dùng trai được hôn ?

— Dạ, được lắm. Tôi sẽ sống ở đây đúng theo kỷ-luật nội-bộ của Tòa Thánh, như tất cả các tín-dồ. Đức Hộ-pháp từ-tế quá...

Câu nói xā-giao của Tuấn kết-thúc vui-vẻ cuộc gặp gỡ đầu tiên với vị Giáo-Chủ của « Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ ».

Tuấn tạm biệt mọi người và theo anh Hiền đến ở căn nhà rộng-rãi, rất mát, của Văn phòng « Truyền - Giáo Quốc - ngoại », ngoài cổng có tấm bảng đề : « Missions Etrangères ».

(Ký sau tiếp)

« nhưng ông ấy sẽ dùng điếm tâm mỗi buổi sáng với tôi ».

Tên ma-Gà-bông

★ ALBERTO MORAVIA

△ Nguyễn-Kim-Phượng dịch

NHỮNG nghề tôi đã làm? Kề từ sau cuộc chiến tranh cho đến nay tôi thay đổi nghề ít nhất cũng là hai lần trong một năm. Đó là không kể những khi thất nghiệp. Thất nghiệp tuy không phải là một nghề, nhưng lâu quá thì cũng gần gần như một nghề, nghề thất nghiệp.

Người anh nuôi của tôi, một kỹ sư điện, là một người dè tiện và thiên cận, một hôm bảo tôi :

— « Serafino, mày không thấy rằng là ngày nay, muốn tìm việc làm mày phải có chuyên môn hay sao ? »

Tôi hỏi :

-- « Anh nói có chuyên môn ? Nghĩa là thế nào ? »

— « Chuyên môn nghĩa là biết làm một việc thôi, mà làm cho hay, cho giỏi... Còn mày thì nó luôn

lại, làm đủ thứ, mà không ra cái gì cả ! Mày chẳng có gì ngoài hai tay trắng, rồi mày đi xin việc ! Mày đã quá ba mươi tuổi đầu rồi. Trong bao nhiêu năm, mày không nghĩ đến việc học một cái nghề chuyên môn nào sao ? »

Tôi trả lời :

— « Cái vùn rũi nó không cho tôi học chuyên môn ! »

Anh đuổi tôi ra cửa và nói :

— « Rũi với không rũi ! Mày đừng có vác mặt đến đây nữa nếu mày không chịu chuyên chú vào một nghề. Mày đừng coi tao là anh mày nữa. Cùng chung một mẹ nuôi đầu có phải là mày có quyền gọi tao là anh mày, lại còn đến quấy rầy tao nữa, mày đem lựa bại đến cho tao ! »

Như vậy, thì, vì tôi không chuyên môn nghề gì, thay đổi nghề

của tôi là chuyên môn đời nghề. ... đã làm những nghề gì? Một người lượm tàn thuốc, một người lượm ve chai, một tên ốm nhách, một tên gác rạp chiếu bóng, một tên lát gạch vệ đường, một tên đi dán yết thị, một tên bồi, một tên bán cà-rem, một tên làm vườn và... tôi không nhớ cho hết nổi.. Những lần đời nghề như vậy cho tôi hiểu rằng cái « nghề chuyên môn » mà anh tôi nói có lẽ không có nghĩa gì hơn là sự bó chặt óc não vào một nghề chưa hẳn người ta định làm nghề như vậy hay ưng như vậy, song vì không hy vọng làm được cái gì khác ngoài việc đó, nên suốt đời theo đuổi một việc thôi. Thành ra có thể nói ví dụ như làm nghề quét đường thì quét đường cho đến lúc chết, suốt đời không làm gì ngoài cái việc cầm chổi, và nghĩ đến cái chổi. Trái lại người nào không chịu cố định như vậy, thì trước sau chi họ cũng thấy cái bất lợi của nghề mình, bèn đời nghề. Thế là anh ta hết chuyên môn!

Trong vô số nghề tôi đã làm, thì nghề mà tôi thấy ưa làm có lẽ là làm người « nhà sử gia » cho Đại úy Guidobaldi.

Tôi dám nói là ông ta không phải

là một Đại úy thực sự, và nếu bạn nhìn kỹ cũng thấy ông ta tên không phải là Guidobaldi. Song tôi cứ gọi như thế, vì tôi biết ông ta là biết với cái tên đó. Đại úy này ở trong một căn phòng đầy nhóc trẻ con và đầy bàn ghế gãy khoảng chỗ trại lính Macao. Ông có một bà vợ, chưa hẳn là vợ ông; ông thường gọi là « Counten » và đôi khi gọi là « Iella ». Có trời biết! Iella, tiếng La mã có nghĩa là « con mắt quỉ ». Song thực sự ông gọi thế là gọi tắt tên Mariella.

Ông ta nhỏ con, bao giờ cũng mặc cái áo « vết » đôi, và đeo một cái huy chương quân đội. Mặt ông ta tái tái, da nhăn, rúm lại, con mắt như nhướng lên. Miệng đầy những răng có chấm đen. Ông hút thuốc như ống khói. Bà vợ ông thì như con ngựa, mập phì, một môi, bụng và mông to phình, tóc bù xù, con mắt bọt nhọt, hời nào cũng khoác áo choàng. Với tiếng trẻ con la ré, căn nhà như một cái chuông chồm hỗn độn. Bà vợ ông Đại úy thì cũng hút thuốc, dựa ở, con Agnesia thì không biết làm cái gì cả. Thành ra gian nhà vô cùng bừa bãi.

Trừ ra một cái phòng nhỏ sạch và gọn gàng, sáng như gương. Trong phòng này không có gì nhiều ngoài 1 cái bàn và 1 cái ghế. Trên bàn có máy điện thoại và mấy sổ danh bộ. Ông Đại úy làm việc trong phòng đó.

Ông Guidobaldi, hoặc gọi ông là gì đó cũng được, cũng chuyên môn một cái gì đó. Và nghề chuyên môn là những việc tốt. Thực sự ra, ông nói rằng ông đã là một ký giả, một phi công, một thi sĩ, một nhà làm phim, và một người nuôi ngựa. Song ông nói là vậy, trái lại ông thực hành việc làm từ thiện. Bạn sẽ hỏi là từ thiện đối với ai? Vâng, đối với chính ông ta dĩ nhiên, và đối với Iella cùng các con ông.

Việc từ thiện của ông là mỗi sáng sớm, ông vào phòng làm việc của ông, ngồi nơi bàn giấy, đốt điếu thuốc, đoạn lật sổ bộ xem xét rồi nhắc điện thoại nói một cách khôn khéo.

Luôn luôn như vậy. Một người nào đó sẽ trả lời điện thoại cho ông. Ông, bằng một giọng to lớn, trả lời lại: — « Đây là Đại úy Guidobaldi, chủ tịch hội Cố nhi Quả phụ của... » ông thêm vào

đôi tên của một giai cấp người trong xã hội. Như Lao Động, Tử Sĩ... Rồi ông tiếp: — « Hội đang tổ chức một tiệc trà Từ Thiện. Tôi hiểu Ông, Bà, là người có lòng từ tâm, cao thượng và ái quốc... Thưa, tôi có thể gửi giấy mời đến ông, bà... » Người ở đầu giây sẽ trả lời được hoặc không. Nếu người kia đánh hơi thấy trước, thì sẽ viện lý gì đó, tỏ bày ý kiến. Ông Guidobaldi quí quyết liền lái sự bất đồng ý của người kia qua lãnh vực ch nh trị, rồi nói: — « Ông, Bà nhìn vấn đề hơi khác chúng tôi nó như thế này... À vâng tôi hiểu, theo Ông, Bà trên đời này có những lý tưởng không có thực chứ sao?... »

Ông Guidobaldi ghi tên những ai bằng lòng, và ghi địa chỉ. Thế là sau đó tôi sẽ lãnh phần đến người đó, đem giấy đến và thu tiền. Không cần nói ta cũng biết là buổi tiệc trà đó làm gì có tổ chức! Nhưng ai hơi đầu đi thừa cảnh sát và kiện cáo về cái chuyện chi mất có ít tiền. Ông Guidobaldi có khi còn tổ chức xổ số hằng tháng. Trung bình tháng nào ông cũng tổ chức một lần tiệc trà và xổ số. Mỗi hai tháng ông đổi tên Hội của ông một lần, tuy vẫn

giữ tính cách làm việc tương tự.

Theo kiểu đó, ông ta tìm cách gỡ những lúc cùng quẫn, tuy vợ ông, Iella, vẫn kêu rêu không có áo mặc và các con lớn lên dơ dáy như mọi vợ.

Trong sáu tháng trời tôi đi quanh nhà này nhà khác dựng đũa giầy và thu tiền tiệc trà cũng như vé số của ông ta. Khi nào không phải đi, tôi phải phụ với con tớ gái Agnesina làm bếp. Con bé này cũng cái phận rùi như tôi. Đã sáu năm làm bếp, nó vẫn chưa học được cách đồ hai cái trứng, hay quét sạch văn phòng. Nó là đầy tớ làm đủ việc. Nó không chuyên môn ! Hẳn ông anh tôi sẽ nói vậy ! Song le, tuy nó què mùa, mặt phính, mắt híp, tóc quăn, con Agnesina vẫn quyến rũ tôi. Có lẽ cũng vì nó giống tôi ở điểm không chuyên môn, nó là một đứa nghèo không là gì cả ! Và cũng có lẽ nó giữ được cái ngay thẳng què mùa của nó, cái ngay thẳng mà ban đầu tuy khó chịu nhưng cuối cùng dễ ưa, nó trong sạch, êm ấm như mùi thơm của lò bánh trong làng tỏa ra mỗi buổi sáng. Ban đầu hai đứa tôi mẫn nhau. Sau, bàn cãi với nhau về ông Đại úy và bà vợ ông ta, chúng tôi hợp ý nhau

rằng họ đã lợi dụng cả hai chúng tôi. Họ đã trả công chúng tôi rẻ mạt và cho chúng tôi đi ra ngoài mà ăn bận tòi tàn như chó. Thế là chúng tôi hiểu cái trò của ông Guidobaldi. Con Agnesina nói với tôi :

— « Anh là người khôn khéo, tại sao ta không in giầy mời như kiểu đó và đi bán thu tiền về cho chúng ta. »

Thành thử một sớm, không nói năng gì, chúng tôi rời khỏi nhà Đại úy Guidobaldi, và Agnesina đòi lấy theo một xấp giầy mời. Nàng nói là « ông Đại úy sẽ không dám tố cáo chúng ta vì ông ấy lệ thuộc ta. »

Tôi lấy theo số tiền tôi đã đi thầu lần cuối, được tám nghìn lires. Chúng tôi thuê một cái phòng có máy điện thoại. Và tức khắc tôi cho in vé. Tôi in « Hội Cô Nhi Quả Phụ của Những Hiệu Viên Hỏa-Xa. » Tôi có ý đó vì chính tôi là con mồ côi của một Hiệu viên, và suốt quãng đời thơ ấu tôi đã chạy theo những đoàn tàu ở ga Abruzzi, gần miền Tagliacozzo. Chúng tôi thỏa thuận cùng nhau là Agnesina ở nhà giữ máy điện thoại để trả lời những câu

chất vấn, coi như thư ký của hội. Tôi sẽ đích thân đi từng nhà.

Giờ đây bạn mới thấy thế nào là chuyên môn đây. Ông Guidobaldi là một nhà chuyên môn thực sự đấy chứ. Vì ông ta biết cách nói trên điện thoại thế nào cho có uy tín, ông biết khôn khéo, và nhất là ông biết hạng người nào có thể đến được. Thế mà tôi, tôi không biết nói năng, tôi không biết giữ phép, hơn nữa giữa trăm nghìn tên trong số, tôi không biết chọn tên người nào. Tôi luôn luôn đụng độ với những người thô kệch nghèo khó hay quá khôn. Họ không chịu nhận mua vé của tôi, bảo rằng mọi sự chỉ là lường gạt. Đồi kỵ họ dọa đi báo cảnh sát. Trong khi đó thì vì đi lại nhiều, áo quần tôi càng thêm tả tơi, giày mòn, áo mưa bần thiu, vé tôi bỏ trong bọc áo mưa, không ai mua nên cứ mèm. Thành thử cuối cùng tôi nản lòng, đi lang thang mất tin tưởng, cảm thấy nản chí và khổ sở, nhiều khi không mở miệng nói được với ai một lời, hay đáp câu hỏi họ hỏi tôi muốn gì. Còn Agnesina, thì tốt hơn thôi đừng nói nữa. Bị dốt nhất là nàng không biết nói cho đúng lời nữa ! Một lần, có người khách điện thoại đề hỏi lại

xem chúng tôi có làm đúng không nàng trả lời :

— « Sao, ông có ý nói sao ? Ông nghĩ là chúng tôi lường gạt ông phải không ? » Kết quả là sau cả tháng tôi chỉ bán được 12 cái vé.

Khỏi cần nói, ông anh kỹ sư của tôi dầm vào mặt tôi. Hôm tôi đến nhà ông anh, ông ta xem xét vé của tôi một hồi lâu rồi nói rằng ông chưa hề nghe nói đến tên cái « Hội Cô Nhi Quả Phụ Những Hiệu Viên Hỏa Xa » bao giờ cả. Tôi trả lời : — « Dĩ nhiên, những người Hiệu Viên là những kẻ bị quên lãng nhất trong xã hội. »

Ông anh tôi nhìn tôi một cách tò mò rồi nói : — « Serafino, tao báo cho mày biết là mày phải chuyên môn một nghề. Mày không được làm như thế này. Tao buồn về mày. Đây là một trò lường gạt, tao phải đi tố cáo mày ! »

Tôi tái mặt, nhìn văn phòng của ông anh, văn phòng lạnh lẽo và trống trải, với những bàn chữ số còm-pa và mực tàu... và tôi nghĩ rằng anh là một người chuyên môn. Mọi người, ai làm một nghề nhất định như anh tôi, hay tỏ như được sự lường gạt khéo léo

như Guidobaldi đều là những nhà chuyên môn. Tôi, trái lại, tôi không thể là nhà chuyên môn. Tôi chỉ có hai bàn tay không, cũng như Agnesina, chúng tôi chẳng biết làm gì, không biết cả nấu món mì đặc biệt của nước tôi, hay quét căn phòng cho sạch. Tôi tự nhủ là bại lộ hết rồi. Vừa đói, vừa yếu, tôi ngã bất tỉnh trong phòng anh tôi.

Khi tôi tỉnh dậy, anh tôi nói :
— « Thôi, cho qua vụ này. Tao cho mày nghìn lires... Tao không muốn trông thấy mày nữa ».

Tôi ra đi, và vừa bước ra khỏi nhà anh tôi, tôi liệng hết vé trong bọc xuống sòng.

Tôi cưới Agnesina, nàng sắp có con. Chúng tôi sống trong một chòi tranh ở Porta Portese. Ban ngày Agnesina đi giặt thuê. Tôi thì tìm cách đi bán hoa, những bó hoa héo, trước cửa các khách sạn. Tôi ôm từng bó hoa chạy theo khách níu tay họ và nói :

— « Ông, ông mua giùm, tôi đói quá ! ». Tôi nói với một giọng có phần như đe dọa.

Có người bực mình, hất tay tôi và nói : — « Anh hãy tìm việc mà làm, đồ ma cà bông ... »

Lúc đó tôi mới trả lời : —
« Tôi không chuyên môn nghề gì

cả, đây là việc độc nhất tôi có thể làm được. »

Bạn có biết việc gì mới xảy ra cho tôi đây không ? Một bà quý phái lần trước tôi nhờ mua vé chợ hội, hôm nay cầm bó hoa của tôi đưa lên mũi ngửi và nói với tôi : — « À, không phải hoa tươi rồi đây... Nhưng đừng tưởng tôi không nghĩ đến kẻ nghèo ; chỉ sáng nay tôi mới mua cho ông thôi. » Rồi bà huơ huơ mấy tấm vé số trước mặt tôi và nói :

— « Tôi muốn cứu giúp cô nhi quả phụ, chứ không phải giúp những tên to béo như ông ! »

Tôi yêu cầu bà ta cho tôi xem 1 tấm vé. Tôi thấy tên ông Guidobaldi rõ ràng giữa vé. Dưới tên ông là tên cái hội cô nhi quả phụ, đang tổ chức một cuộc xổ số vào một ngày đó... một nơi kia...

Tôi nói với bà quý phái :
— « Chia vui, mừng bà. Tôi biết rõ cái ông Guidobaldi này, cái tên lừng gat đó... »

— « Nay, khốn nạn, ma-cà-bông, (1) sao ông dám nói xấu một người như vậy ! Ông có cút đi không, tôi gọi cảnh sát bây giờ. »

(1) ma-cà-bông, tức là tiếng Pháp Vagabond, du dăng.

SAIGON -

CHÂU-ĐỐC

* TÂM-TRÍ

(Tiếp theo P.T. 180)

VỚ I thầy Minh Trí, tôi khởi hành từ Tân châu thật sớm để hấp thụ không khí mát mẻ trong sạch của Hậu Giang. Gần 2 giờ chiều mới đến làng Hòa Hảo, vì còn ngưng nhiều chặn trên hương lộ, hỏi han đông đảo và quan sát đời sống nửa tỉnh nửa quê của vùng này. Tôi nói gặp phần đông các ông già

chất-phác còn để búi tóc, một búi tóc cỡ kính nhỏ bằng củ hành trông thật dễ thương, những bà lão mồm mềm nhai trầu giống như Bà ngoại của tôi thuở trước, và những chàng trai nông thôn mặc đồ bà-ba đen, đi chân không, rất lễ phép, lành lợi mà thật thà, vô cùng khả ái, nhưng trái lại hầu hết đàn bà con gái từ 15, 16 tuổi trở lên 34,35 tuổi đều phục sức

y hết phụ nữ bình dân ở Saigon; tất cả đều đeo « xú - chiêng » đơn cao bộ ngực lên dưới lớp áo bà-ba trắng nhiều khi thật mỏng. Phần nhiều những mái tóc từ 18, 19 tuổi đều hót ngắn và « phi dê » theo các kiểu tân thời của những cô gái thị thành. Tôi thấy nhiều cô 16, 17 mặc áo sơ mi kiểu mới và quần tây chạt ống bằng *tergan* đứng thấp hương nơi bàn thờ « Thông Thiên », hoặc vát trên vai một cây chuỗi có lẽ về để xắt cho heo ăn.

Hai bên lộ, như một đường phố dài tít-mù vô tận, kế tiếp những nhà sàn vì ở dọc theo bờ sông Hậu-Giang, phòng mùa nước lớn, mực nước lên rất cao, nhà cửa khỏi bị ngập. Hầu hết các nhà sàn đều lợp lá, thấp nhưng khoan-khoát, mát mẻ, sạch.sẽ, thoáng hoặc mới có một mái nhà lợp ngói hay lợp tôn. Cách khoảng độ vài ba trăm

thước, tôi thường thấy trong một căn nhà bề ngoài có vẻ quê-mùa mộc-mạc ấy một thiếu-nữ yêu-kiều của « thời-dại », ngồi đập bàn máy-may *Singer*, đang chăm-chỉ may một bộ đồ bà-ba. Một người đàn ông ở trần trùng-trục, mặc quần đùi, hoặc một ông già có búi tóc củ-hành, nằm võng trước hè, hoặc ngồi dưới bóng cây dừa, âu-yếm ôm trong tay một chiếc *Radio-transistor* đang phát thanh một bài *Vọng-cô*...

Ở đây đời sống nhàn-hạ, yên vui, không có chiến-tranh. Suốt dọc đường 40 ki-lô-mét, từ Tân-Châu đến Hòa-Hảo, tôi không thấy một đồn lính, một tháp canh. Không có những chú dân-vệ đeo súng đi rêu-rảo ngoài đường, như ở Long-Xuyên, Sadéc, Tân-An, Bình Dương, Trảng Bàng, Long Khánh, Bà-Rịa... Hình như tôi không thấy bóng dáng một

viên cảnh-sát, hay một « trạm kiểm soát tài-nguyên » như ở khắp các đường giao thông trong nước. Đêm như ngày, tôi không nghe một tiếng súng nhỏ, một tiếng súng lớn, không thấy một chiếc phi-cơ phản lực. Không một tiếng bom.

Và ở đây, 90 phần trăm dân-chúng là tin-dồ Hòa-Hảo.

Tôi có vào thăm nhiều nhà đồng-bào ở tỉnh-ly Châu-Độc; các quận-ly Tịnh-Biên, Tân Châu, An-Phú, cũng như ở trong các vùng thôn-quê, làng-mạc để xem họ thờ cúng theo Đạo Hòa-Hảo như thế nào. Tất cả các nhà, giàu, nghèo, các biệt-thự của Điền-chủ, cho đến một túp nhà lá rách nát ở đầu làng, cuối ấp, đều có một bàn thờ nho-nhỏ ngoài sân, thường gọi là « Bàn Thông Thiên ». Có nơi gọi là « Bàn Ông Thiên ». Có nơi lại gọi là « Bàn Tứ

Phương ». Mặt bàn là một tấm ván vuông-vức mỗi bề từ 20 đến 40 xăng-ti-mét, đóng trên một trụ gỗ, cao từ 1 mét đến 1m50. Có khi cây trụ xây bằng xi-măng, và mặt bàn to bằng xi-măng hay gạch. Đôi khi bàn thờ kê rất tiện-lợi và có mỹ-thuật vào giữa hai nhánh thấp nhất của một cây gạo trồng giữa sân. Cũng có những bàn « Thông Thiên » đặt nơi lan-can nhà sàn, ngay giữa mặt tiền. Thỉnh-thoảng, nhưng rất hiếm, một bàn « Ông Thiên » trồng sát vào hàng rào bông-bụt, hay me-nước, kê ngay bên lộ. Nhưng bất cứ đặt bên hè, giữa sân hay ngoài hàng rào, bàn Thông-Thiên cũng đề lơ-lộ ngoài trời, ít khi lợp hay che kín 3 bên. Trên mặt bàn, người ta đề thường xuyên một bình nhang, một chai nước lạnh, và 3 chung nước lạnh đề trên đĩa, một lọ bông phượng-tàu, bông

ngẫu, hay bông vạn-thọ. Ít khi cắm các thứ hoa khác. Tối và sáng, gia-chủ thắp một que nhang cắm vào bình và khăn vải « Phật, Trời, và Chư vị Thánh Hiền mười phương » cầu nguyện các Ngài phò-hộ cho bình-an trong gia đạo.

Bản Thông Thiên là một đặc điểm của Đạo Hòa Hảo về phương diện thờ phượng.

Các nhà theo Phật giáo thuần túy, Đại thừa hay Tiểu thừa, ở miền Nam và miền Trung, không có bản Thông Thiên. Trừ ra ở Huế và thỉnh thoảng ở Quảng Trị. Đà Nẵng có bản Thông Thiên, nhưng khác biệt với các vùng Hòa Hảo. Ở Huế các bản thờ ngoài trời đều lợp mái và che kín ba bên, mặt tiền để trống xây ra ngoài lộ, y như một cái am nhỏ để thờ « các người khuất mày khuất mặt »

Trong nhà, Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo không thờ cốt Phật, Tượng Phật, hình Phật

bất cứ tượng đồng, ciment, gỗ, hoặc các tranh ảnh Phật Phật giáo Hòa hảo chỉ thờ độc nhất một « Trần Điều » mà thôi.

Trần Điều là gì ? Trong nguyên tác « Kế dân của Người Khùng » viết năm 1939 tại làng Hòa Hảo, tác giả chính là Giáo chủ Phật giáo Hòa-Hảo có giảng giải 3 câu về chữ Trần Điều :

« Ngôi Tam bảo hãy thờ

Trần Đổ,

Tạo làm chỉ những cốt với

hình.

Khùng nói cho già trẻ làm

tin.

Theo Lục Tổ chớ theo

Thần Tú »

(Trang 61)

Cũng trong quyển ấy, nơi chương « Cách thờ phượng, hành lễ và sự ăn ở của một tín đồ Phật-Giáo », có đoạn nguyên văn sau đây :

« ... nên thờ đơn giản cho lòng tin-tưởng trở lại tâm

hơn ở vào sự hào-nháng bề ngoài, Từ trước, chúng ta thờ trần-điều là di tích của Đức Phật thầy Tây An để lại. Nhưng gần đây có nhiều kẻ thờ trần-điều tự xưng cùng tông-phái với chúng ta, làm trái phép, sai với tôn chỉ của Đức Phật, nên toàn thể trong đạo đổi lại màu da,

... Chúng ta dùng nó trong chỗ thờ phượng để tiêu-biểu cho tinh thần vô thượng của nhà Phật. . . »

(Sám giảng Thi-văn toàn bộ).

Phật Thầy Tây-An, Giáo chủ phái « Bửu Sơn Kỳ Hương » và trụ-tri Chùa Tây An ở núi Sam, Châu-Đốc, (1817 - 1856), nổi danh dưới thời Minh-Mạng, Thiệu Trị, Tự-Đức, như là một vị Phật sống ở vùng Thất Sơn, đã « canh-tân » đạo Phật, cho phép các đệ tử của ông để tóc để râu, lấy vợ sanh con, không thờ tượng Phật,

chỉ thượng lên giữa nhà một tấm Trần Điều, tiêu biểu cho 3 Ngôi Tam - Bảo . . .

Phật-Giáo Hòa-Hảo được vị Giáo-chủ Huỳnh-Phú-Sổ khai sáng năm 1935, vẫn tự-nhận là theo đúng giáo-lý canh tân của Phật Thầy Tây An. Cho nên cách thờ-phượng với tấm Trần Điều độc-nhất, không tượng Phật, không kinh kệ, không chuông mõ, là áp-dụng trung thành cái chủ trương của môn phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương vậy. Sự thật, theo như lời « Sám giảng » trên, tôi thấy trong tất cả các nhà tín-đồ Hòa-Hảo, ở nơi thờ-phượng, một tấm vải màu da, chứ không phải màu đỏ, hình chữ Nhứt, không có kích thước nhất-định, phần nhiều đã cũ vì để lâu ngày dính bụi bặm, màu đã phai-nhạt đi nhiều.

Trần-điều được cài sát vào trần nhà, chứ không treo

buông xuống như một lá cờ. Tắm vải màu dà ấy là tiêu-biểu cho tất cả Ngôi Tam-Bảo, như đã nói trong « Sấm giảng » của vị Giáo chủ, Dưới Trần Điều và treo cao trên đỉnh trường giữa, là một cái trang thờ Ông Bà mà sự bài trí hình như không được đồng nhất : thay vì bài vị của ông bà hoặc các bức ảnh những vị quá cố, có nhiều trang thờ dán một tấm giấy có viết 4 chữ Tàu : *Cửu Huyền Thất Tổ*. Có nơi lại viết hai chữ « *Phước, Lộc* », hoặc một chữ « *Phước* » thật to mà thôi, ngay giữa trang thờ. Thỉnh thoảng có nơi dán thêm ở phía trên cái trang một rẻo giấy đỏ viết bốn chữ « Quốc Thái Dân An » cũng bằng Hán tự.

Thường buổi tối, 7,8 giờ gia chủ bắt thang leo lên gần tới trang, với lên thắp hương đánh ba tiếng chuông rồi khấn vái. Dĩ nhiên là không có tượng kính Phật không gõ

mỗ. Ngay ở Thánh địa Hòa Hảo, cũng như ở các « *Độc giảng Đường* » rải rác dọc theo các hương lộ, và tỉnh lộ, tại các quận, các tỉnh Hậu Giang, trong các ngày lễ chỉ ngâm toàn những đoạn văn thơ trích trong « Sấm Giảng » của vị Giáo chủ mà thôi. Nhưng cuối những bài ngâm luôn luôn có câu :

« *Nam Mô A-di đà Phật* » giống như trong các bài giảng của Phật Thầy Tây An vậy.

Nhân tiện đây, để bạn đọc *Phổ-Thông* hiểu rõ những nhân-danh địa-danh có tính cách huyền-bí mà tôi vừa nêu ra, tôi xin nói thêm một vài chi tiết về *Phật-Thầy Tây An*, *Bửu-Sơn Kỳ Hương* và *Thất-Sơn*, nguồn gốc của Phật giáo Hòa-Hảo.

Theo những tài-liệu của các ông Nguyễn-văn-Hầu, Tu-sĩ Thanh-Hương và nhiều người khác sinh -

trưởng miền Hậu-giang thì « *Phật-Thầy Tây-An* » tên thật ngoài đời là *Đoàn Minh Huyền*, sinh năm 1807 tại *Tông-Sơn*, tỉnh *Sadéc*, và chết năm 1856, tại chùa *Tây An*, ở núi *Sam*, *Châu-đốc*, hưởng thọ 50 tuổi. Năm 1847 viên *Tổng-đốc An-giang* có xây ngôi chùa *Tây-An* nơi chân núi *Sam*, cách tỉnh lỵ *Châu-đốc* 5 cây số. Hai năm sau, *Thầy Minh Huyền* đến trụ trì ngôi chùa, và ở đó thuyết-pháp, hành đạo. Nhờ đạo-hành của ông rất lớn, ông cảm-hóa được rất đông tín-đồ. Hơn nữa, hình như ông có những môn thuốc rất linh-nghiệm, cứu được rất nhiều người khỏi chết vì bệnh, nên tiếng tăm lừng lẫy khắp các tỉnh miền *Hậu-giang*. Các đệ tử của ông tin tưởng rằng ông là người do *Phật-Thánh-Tiên* sai xuống trần-gian để cứu nhơn-độ-thế, cho nên họ tôn ông là « *Phật-Thầy* ». Do ông hành

đạo ở chùa *Tây-An* nên mới có danh-từ *Phật-Thầy Tây-An* vậy. Từ đó, ông đặt ra môn phái riêng, *Bửu-Sơn Kỳ-Hương*, và cấp cho mỗi tín-đồ một tờ « *phái* » có đóng triện son của ông như một chứng-minh-thư vậy. *Bửu-Sơn*, *Núi Báu*, tức là núi *Sam* nơi mà *Giáo-ly Phật-Giáo Canh-tân* của ông đã được đồng-đạo tín-đồ coi như một « *Báu-linh* » tỏa ngát hương lạ, nhiệm-mầu, khắp miệt *An-Giang*, mở một kỷ-nguyên mới cho *Phật-giáo* ở miền *Tây*. Do đó, mà danh-vị « *Phật-Thầy Tây-An* », và uy-tín sâu rộng của ông được lan truyền mau chóng suốt thời-gian ông « *xuất hiện* » ở *Núi Sam*, « *nơi Bồng-lai Tiên cảnh* », từ 1849 đến 1856, là năm ông tạ-thế. Sự kiện huyền-bí đó đã thành một biến-cổ lịch-sử ở *Địa-phương*. « *Phật-Thầy Tây-An* » là một nhân.

vật tài-hoa, siêu phẩm ở thời-dại và Quê-Hương của ông. Bồn chánh « *Kim Cổ Kỳ-Quan* », toàn bộ 9 quyển, phần nhiều bằng thơ lục-bát và thất-thất, khởi viết từ năm Kỷ-Dậu (1849), được các đệ-tử của ông coi là « *Phật-ông điển thế-gian di-chức, Tiên kỹ tài hậu vô-giái* ». Do một Đệ-tử ở Láng-Linh (vùng Thất-Son) truyền lại, có những đoạn văn rất thâm-thúy, lời văn hình-dân lưu-loát, nhiều ý-tưởng thanh-thoát cao-siêu chứa đựng trong mấy chục ngàn câu thơ, tự chứng tỏ rằng ông là một vị Phật xuất thế ở An-Giang, bộ *Kim-Cổ Kỳ-Quan* trên phương diện văn-hóa, là một tài-liệu rất quý-báu cho những nhà Sử-học muốn nghiên-cứu về một vài trang-thải xã-hội, tôn-giáo, chính-trị, lịch-sử của Miền Nam Việt-Nam từ ngày Tây mới đến khai thác đất này làm thuộc-địa. (1)

Một tài-liệu khác cho biết rằng *Kỳ-Hương* « là một ngọn núi nhỏ nằm vào hướng Đông Bắc, thuộc bộ phận Thất-Son, tỉnh Châu Đốc, và tên bình dân thông thường của nó là *Núi Doi Bà Khệt* hay *Núi Đất*. Do theo tục truyền của các bộ lão ở vùng này thì « trước kia có một đoàn khỉ rất đông, nhỏ có lớn có và trong đó có một con khỉ bạch làm chúa. Cách dưới đỉnh núi *Kỳ-Hương* lối 300 thước về phía Đông có một ngôi chùa tên là *Phi-lai* được lập ra từ lâu đời. Thuở đó khách thập phương thường đến lễ Phật vào thời *Hòa-thượng Phi-lai* còn hưởng thọ. Khi khách thập phương viếng núi thì tục quen có đem theo hoa quả đến thí thực cho đoàn khỉ. Chúng khôn ngoan và hiền từ, mỗi khi nghe tiếng người đến gọi « Nào, các Đạo Hữu

(1) Một dịp khác, tôi sẽ trở lại tác-phẩm rất hấp-dẫn này.

xuống ăn chuối bánh » thì chúng nhảy ò ra, con trước con sau dâng lãnh phần quà. Riêng con khỉ bạch không giành ăn, it nhảy nhót, có dáng điệu trầm tư mặc tưởng, như cách tham thiền. Được nhớ lại chuyện Bạch Viên thời xưa ăn tu trên ngọn *Núi Kỳ-Hương* dưới ngôi chùa *Phi-lai Cổ tự* của Trung Quốc, tương tự như cảnh này, người ta mới dần dần tích đó mà đặt tên cho *Núi Doi Bà Khệt* là *Núi Kỳ-Hương*. Đó là thật tế, ngày nay khách viễn phương đến đây đều được nghe kể lại như vậy. Còn nói về Tôn giáo thì giã núi *Thất-Son* có rất nhiều màu nhiệm, linh thiêng, huyền bí... Tục còn truyền rằng đến thời mạt-pháp *Núi Thất-Son* sẽ trở ngọc Minh-Châu để cứu khổ trần gian.

« *Miền Thất-Son là miền xuất Thánh.*
Đó là nơi cửa Thánh, nhà Tiên.

*Theo tương-truyền các
đấng Thánh Hiền,
Ngày mạt-pháp Thất-son
trở ngọc. . . »*

v.v...

Núi Sam, Thất-Son, Bửu-Son Kỳ-Hương, Phật-Thầy Tây-An, Hạng Bà Thọ, ông Đạo Khùng, Đạo Điền, Bà Chúa xứ Châu-đốc, ông Đạo Đền, Đức Phật Trùm Ta-Paul, Ông Sư-Vãi-Bán-khoai Đức Bồn-Sư, Thầy Hòa-Hảo bao nhiêu những danh-từ huyền-bí về Tiên, Thánh, Phật, đã gọi trí óc tò-mò, thắc-mắc, của bao nhiêu người Việt-Nam từ một thế kỷ nay, tôi muốn đến tận nơi để tìm hiểu sự thật.

Và sự thật mà tôi đã tiếp-nhận được trong gần một tháng ở Châu-Đốc, không còn ảo-huyền thơ-mộng như tôi đã tưởng-tượng. . .

Nhưng trong loạt bài ký sự biên khảo này tôi vẫn giữ lập-trường khách-quan của văn-hóa.

Kỳ sau : *Thánh Địa Hòa-Hảo*

h ờ n

Trách Anh sao hờ hững
Đề mình em bơ vơ
trách Anh đi... đi mãi
để em sống đợi chờ

Gieo chi tình ngang trái
cho mắt xanh rưng sâu
ai gây niềm tê tái
lòng vương vấn khổ đau

Ai khơi lại mạch sầu
cho trái tim rướm máu
ai nhắc chuyện... ngày xưa
lòng thơ tràn thương đau

Em yêu người say đắm
dù gặp cảnh dở-dang
để ôm đầy cay đắng
thương nhớ buồn miên man !

Thôi muốn ngàn nhưng nhớ
xin thăm gửi về Anh
đây muốn ngàn tha thiết
đang gói trọn tình em

Rồi mai này xa cách
có còn nhớ không, Anh ?
những ngày xưa xa lắm
chúng mình đã... luyện thương

Thôi Anh đừng hờ hững
để buồn tủi riêng em
thôi Anh đừng nhắc nữa
lệ rơi đầm tóc mềm...

★ H. T. NG. HÀ

đồ vờ

△ THẾ - LAN
(Triều-Vân-Nữ)

Cười chi nữa — em ơi cười chi nữa
Hãy đừng yên — nghe lạnh bóng mây trời
Nghe tình cầu ngửa nghiêng thần tượng đổ
Vội đau thương ròn rợn — trắng xương phơi

Đời mộng mị siết vòng đai cương tỏa
Biết tìm đâu — ý nghĩa của trời xanh
Tôi chỉ thấy những muôn ngàn mục rữa
Của xác thân và thành cổ vô minh

Buồn nôn mửa — em có hay trời đất
Đang rung rinh cây cối lệ hồn ta
Gió xuân tàn — trăm hoa rời rụng hết
Muôn vui tươi kết đọng mảnh băng hà

Bi thiết lắm — tháng năm dài tiếp nối
Dòng thời gian đốt cháy cả làn da
Ngắm Thu về con tim chùng hấp hối
Ôi đau thương máu huyết ngập hồn ta

Tôi lặng lẽ vun ưu tư thành mộ
Chấp đôi tay quì níu cả hư vô
Ôm cảnh đời — con thuyền xa bến đỗ
Đặng cay này — thấu lạnh cả hồn thơ

Cưỡng vũ trụ không gian đều nứt rạn
Đều vang reo sùi sục nổi căm hờn
Tôi ghê tởm bật chuỗi cười điên loạn
Xa xôi buồn đẩy động bước hoàng hôn.

* ĐI ẾU HUYỀN

M Ơ

N H

Ơ!

Giữa Sài Gòn
Xu hoa rục rỏ,
Sao còn nhiều người
ăn không NO



V Ừ A ngồi hân hân
com. Bà Tú thò-thẻ
ngay với ông Tú :

— Mình ơi, hôm nay lễ
Trung-Thu mà em không mua
bánh Trung-Thu.

Ông Tú lơ-đãnh cầm đũa gắp
một miếng măng kho tương với
tàu-hủ :

— Nếu anh là đứa con nít
10 tuổi, nghe em nói như vậy
là anh khóc òa lên, đổ em đổ
cho được !

— Ờ, chứ bây giờ Mình là
ông Tú cưng của em mà, Mình
đâu còn khóc nữa há?... Nhưng
đề em kể chuyện cho Mình nghe.
Không phải là em quên, vì sáng
nay đi chợ em có đem thêm
200 đồng định mua bánh Trung-
Thu và chè ướp sen đề tối nay
Mình ăn bánh, uống trà, ngâm
thơ. Nhưng em gặp một ông
lão xuyết chết đói, Mình ơi ! Ông
cụ già 70 tuổi là ít, chỉ còn da
bạc xương, ông nằm co-ró chỗ
góc hè phố trước chợ. Em
đi qua, ông cụ chìa bàn tay
ôm teo ra, chỉ trơ xương
và xương. Ông Cụ ngó em với
đôi mắt đục ngầu như người
sắp chết. Ông nói rất yếu ớt :

— Có ơi...

Em dừng bước, đỡ ông cụ
già ngồi dậy. Thấy đáng thương
quá, Mình à. Em toan đưa ông

Cụ về nhà để tụi mình nuôi.
Nhưng em nghĩ lại nhiều điều
phiền-phức nên thôi. Em mở
bổp lấy 4 tờ giấy 50đ là món
tiền định để mua bánh Trung-
Thu, biểu hết cho ông Cụ.

Ông Cụ nói lầm mồm trong
miệng :

— Đói quá, cô ơi... Ba bốn
ngày không có một hạt com.

Ông cứ mân mê 4 tờ giấy bạc
50đ hình vua Quang Trung còn
mới tinh và nói tiếng rất nhỏ :

— Phật trời độ cho cô...

Sợ ông Cụ đang cơn đói đứng
dậy đi không vững, em bảo Cụ
ngồi đó. Em băng qua chợ, mua
một ổ bánh mì 10 đ với một
miếng pa-tê 20đ đem lại đưa Cụ
dùng tạm. Em dặn ông Cụ ngồi
yên nơi đó, ăn bánh mì cho đỡ
đói, và đừng đi đâu. Em qua
chợ, mua tạm bó rau dền, mứt
măng, hai miếng tàu hủ, hai trái
ớt, rồi em trở lại chỗ ông Cụ.
Ông vừa ăn hết nửa khúc bánh
mì, bảo no rồi. Em sang tiệm
nước, mua một ly cà-phê sữa
nóng hổi đem qua cho ông Cụ
uống. Xong rồi em mới yên tâm
về nhà. Nhưng hôm nay không
có gì để mình ăn, em sợ mình
ăn không ngon com...

Ông Tú âu yếm ngó Bà Tú :

— Nghe em thuật câu chuyện

vừa rồi, anh ăn ngon cơm hơn mọi khi.

— Mình không rầy em chớ ?

— Anh hoan nghênh hết mình là khác !

— Mình ơi, đi từ chợ về nhà dọc đường em nghĩ mãi không hiểu ở một thành phố xa-hoa lộng lẫy như Saigon, mỗi giờ mỗi phút, người ta xài đến hàng triệu đồng bạc, mà làm sao có những người nghèo khổ cho đến đói ba bốn ngày không có được một hạt cơm trong bụng ? Em chẳng hiểu ra làm sao cả.

— Hiểu làm quái gì cái xã-hội chó-má, chỉ thêm nhục !...

— Kề nhục thiệt đấy chớ ! Nào là phố xá giàu sang, bin-đin cao chọc trời, xe hơi chạy lộng-lẫy, tiền rủng bạc bễ, phố phường tấp nập, nào là viện trợ Mỹ, viện trợ Đồng-Minh, hàng tỷ hàng tỷ bạc, người người ăn nhậu say-sưa, hát xướng tung bừng, áo quần lộng-lẫy, xôi thịt phủ-phê, thế mà để cho những người già cả, bệnh-hoạn, ốm yếu, da bọc xương, ba bốn ngày không có một hạt cơm trong bụng... Tàn nhẫn thiệt !

Ông Tú gắp rau dền chấm nước tương ớt ăn ngon lành,

hít-ha mấy cái rồi bảo :

— Đó là em mới thấy có mỗi một ông già sắp chết đói trước cửa chợ. Nếu em thấy hàng triệu người chết đói nằm la-liệt ngoài đường thì em mới biết tại mình ăn một bữa cơm như thế này đã là... có phước lắm rồi.

— Làm gì lại có hàng triệu người chết đói như vậy, hả Minh ?

— Hai năm Quý-Mùi và Giáp-Thân 1943—1944 ở ngay trong thành phố Hà nội người ta chết đói năm ngồn-ngang trên lề đường biết bao nhiêu mà kể ! Mỗi buổi sáng, xe cảnh sát chạy đi xúc những xác chết nằm khắp các đường phố, không ngày nào dưới 100 mạng. Toàn là chết đói vì không có cơm ăn. Trong hai năm, số người Việt - Nam chết đói ở « Bắc Kỳ » lên đến 2 triệu ! Em thử tưởng tượng xem !

— Tại sao số đồng bào đông đảo ấy khổ cực đến đời không có cơm ăn, hả Minh ?

— Tại không có gạo.

— Xứ Việt Nam không sản xuất đủ gạo để nuôi sống 25 triệu người hay sao ?

— Tại vì mấy năm đó đang có Thế giới chiến tranh, nước

ta bị quân-đội Nhật chiếm đóng Gạo Việt Nam phải để nuôi quân Nhật, đâu còn để cho người Việt Nam ăn ? Và lại người Pháp ngấm tính việc quân đội Đồng minh sẽ đổ bộ ở Việt Nam để đánh Nhật, nên họ làm những kho bí mật để tích trữ một số gạo rất là nhiều, dự bị đến ngày Tổng phản công sẽ có gạo để tiếp tế cho Quân đội Pháp đồng thời sẽ để cho quân Nhật thiếu gạo ăn.

Về phần Việt Nam, hai miền « Trung-kỳ » và « Bắc kỳ » thiếu gạo, chỉ còn hy-vọng vào vựa lúa vĩ-đại của « Nam kỳ ». Nhưng gạo Nam kỳ bị bắt-buộc phải bán với giá rẻ mạt cho Chính phủ thuộc-địa Đông dương, nghĩa là cho người Pháp. Pháp vừa phải cung-cấp gạo cho Quân-đội Nhật, theo số lượng đòi hỏi của người Nhật, vừa còn giấu-diếm tích-trữ riêng để dự-bị cuộc tổng phản-cong đánh Nhật. Vì thế nên gạo Miền Nam không tiếp-tế cho miền Bắc được, và hậu-quả bi-đát kinh-khủng là 2 triệu đồng bào Bắc-Việt phải chết đói vì không có gạo ăn.

— Bọn thực-dân dã-man thật nhì !

— Hai năm 1943—44, nạn đói ở miền Bắc do người Pháp gây ra vì kế-hoạch chiến-tranh vô-nhân-đạo của họ. Nhưng trong Lịch-sử nước ta cũng có nhiều nạn đói do hạn-hán mà ra. Trời đại-hạn, đất khô, lúa chết, nhiều nông-dân mất mùa, số lúa dự-trữ không còn, thế là dân chết đói. Như năm 1919, nạn đói lớn ở Miền Trung, đại đa số dân nghèo ở Quảng Nam Quảng Ngãi, Phú Yên, phải đào cả rễ củ gấu mà ăn, hoặc di-cư vào các tỉnh miền Nam. Số người chết đói riêng tỉnh Quảng-Ngãi có đến mấy ngàn.

Một bài về của dân quê Quảng Ngãi còn để lại ký ức chua chát của nạn đói năm ấy :

*Hai năm Ty — Ngọ, (1918-19)
Dân đói nhẩn rãnh,
Gạo đâu mà ăn,
Đi đào củ gấu,
Bỏ vó nồi nấu
Múc ra nửa tô,
Con ăn cho no
Còn phần mẹ nhịn.*

Bình sơn, Sơn tnh, (1)

Ruộng đất khô ran,

Bò xóm bỏ làng

Kéo vô Thị Phò. (2)

Khò ơi là khô,

Trời hời là trời.

Hạn hán nơi nơi,

Đê dân chết đói,

Cò hồn cũng đói,

Đêm khóc cây đa,

Thấy ai đi qua,

Hiện ra bóp cò. v.v.,

Năm Kỷ-dậu 1849, cũng có một nạn đói ghê-gớm ở các vùng **Châu-Đốc, An-Giang, Vinh-Long, Trà-Vinh, Biên-Hòa, và các tỉnh Đồng-Nai,** và chiến-tranh Pháp-Việt.

Thực-dân Pháp mới đến xâm-lãng, ruộng đất bỏ hoang, không cày cấy, dân sợ đi trốn vào bưng.

Trong bộ « *Kim Cô Kỳ-Quan* » của Phật Thầy Tây-An có mấy câu thơ tả nạn đói năm Kỷ-dậu :

Nạn chết đói ó rần mỡ cần,

*Nạn giặc-dã chạy đường công
cảng,*

Té ngã lẫn churen thẳng churen dùn

Người chết đói, không ai chôn đê cho bầy điều-ó bu xuống mđ ăn, thật là tha-thảm.

Thế-kỷ **XIX, XX, Trung Hoa** tuy ruộng đất mênh mông nhưng cũng bị hai nạn đói năm **1887 và 1906**, chết trên 3 triệu người. **Ấn Độ** thường bị nạn đói nhiều hơn cả các nước Á-châu, vì dân đông mà sản-xuất lúa gạo ít. Hai nạn đói kinh khủng nhất đã xảy ra năm **1876 và 1899**, số chết không đếm được. Hàng triệu xác chết bị quăng xuống sông Indus, hay sông Hằng hà-cho cá sấu xoi.

Theo nhà sử học trứ danh của cò Hy Lạp là **Hérodotos** (thế kỷ thứ V trước J.C) thì XII thế kỷ trước J.C. **Ấn Độ** có **50 triệu** dân. Nhưng khi **Alexandre Đại Đế** kéo binh qua Ấn Độ, thì dân số nước này chỉ còn **13 triệu**. Bởi vì **37 triệu** đã bị chết vì đói!

Năm 1966, trong mấy tháng vừa qua, Ấn Độ cũng bị một nạn đói lớn, phải kêu cứu sự giúp

(1) hai huyện (2) Một vùng phì nhiêu nhưng cũng bị mất mùa và nạn đói

đỡ của các nước trên thế giới. Mỹ và Nga đã tiếp tế mấy ngàn tấn gạo và lúa mì. Các nước khác cũng có gởi nhiều thực phẩm, sữa bột, v.v., Hình như chính phủ Việt-Nam không giúp được gì. **Nga** bị nạn đói năm **1734**, chết cũng hàng triệu. **Ireland** bị đói năm **1847** chết **500.000**. Một nước bị chết đói nhiều hơn hết trong thời Thượng cổ và Trung cổ, là Ai Cập. Cứ mỗi năm mùa nước sông **Nil** lên, tràn ngập các đồng bằng hàng mấy tháng mới rút xuống, là dân chết đói vô số kể. **Congo** một nước chuyên môn ăn thịt người, cũng vừa bị nạn đói khủng - khiếp trong hai năm **1960 - 1961**. Dĩ nhiên những người chết đói bị những người sống ăn thịt khỏi mất công chôn...

— Eo ôi!

Bà Tú rùng mình, trở mắt nghe ông Tú nói tiếp:

— Năm **1920—1921**, trận đại chiến giữa Ba-lan và Nga-Sô ở **Ukraine** gây ra một nạn đói mà các nhà viết Sử đã kể lại như sau đây : « *Chiến tranh đã làm san bằng hết các nông trại ở Ukraine, giết chết hết và vớt,*

phá hư hỏng hết các vật-cụ làm nông, làm thợ, và các xưởng máy. Lại xảy ra một mùa đại-hạn làm khô héo hết các đồng lúa mì. Dân Ukrainiens chết hàng mấy trăm nghìn người trong mấy tháng cuối cùng của chiến tranh. Sau khi họ ăn các lá cây, ăn đến thịt chó, thịt mèo, thịt chuột cống, người ta ăn cả đến thịt người... Người ta đi tìm những xác chết còn bỏ quên trên chiến-trường, để đem về nhà ăn... »

Bà Tú ngồi không yên :

— Khiếp quá vậy, Minh!

— Đói như thế chưa thấm vào đâu! **Nước Pháp**, hồi Thế kỷ **XV** có một cuộc nội-chiến giữa hai giòng Chúa tranh giành đất đai và quyền lợi : họ **Armagnacs** và họ **Bourguignons**. Cuộc tương tàn tương sát nấy gây ra một nạn đói vô cùng khủng-khiếp : **50.000** người dân chết ở Paris vì đói và bệnh dịch. Đàn bà con nít quần áo tả tơi, đi từng đoàn lê la các đường phố, kêu rên thảm thiết :

« *Helas ! Je meurs de Faim !... Helas ! Je meurs de froid !... »* (Than ôi ! Tôi chết đói ! Than ôi ! Tôi chết rét !). Thế rồi chó sói chạy rảo các đường phố, ăn

những xác chết, ăn cả những xác còn sống nằm hấp hối trên các ngã đường.

— Khiếp ! Khiếp !

— Nước Pháp còn bị các nạn đói liên tiếp cả dưới thời cường-thịnh của vua Louis XIV (sử Pháp thường gọi là ông vua Mặt Trời, Le Roi-Soleil), đói liên miên từ năm 1660 đến 1665, rồi từ 1692 đến 1696. Trận Giặc Ba Chục Năm (*Guerre de Trente Ans*) từ 1618 đến 1648, đã làm cho nước Đức quệ - kiệt và trên một triệu người đàn ông và đàn bà, con nít, chết vì nạn đói. Nước Pháp còn bị hai nạn đói lớn trong hai mùa Đông đá-buốt quá-xá-cỡ năm 1708—1709, và 1846.

Về thời Trung-Cổ, Pháp bị đói năm 843, dân chúng ăn bánh mì làm bằng bột mì trộn với đất ! Năm 850, có trên 20.000 người chết đói. Nhiều bà mẹ giết con để con khỏi chết đói, và ăn luôn thịt con. Trong một quyển Sử cũ của một tác-giả vô-danh, có kể rằng « Năm 1.000, (*L'An Mille*), nước Pháp bị một trận đói hi-hữu trong Lịch-sử : nhiều người phải ăn

rắn, cóc, nhái, chuột, mèo, và ăn cả đến thịt người chết và thịt người sống. Có những đứa con trai lớn giết những bà mẹ già của chúng để ăn thịt. Và có những người mẹ, đẹp tất tình mẫu-tử đã ăn thịt những đứa con của mình... »

Kinh-khủng không, em ?

Bà Tú nhăn mặt :

— Vậy mà người Pháp tự-phụ văn-minh cái cóc khô gì !

— Chúng ta nên vô tư một chút, đây là người Pháp năm 1000, là năm mà bọn Phò thủy Âu châu đã tiên đoán là năm Tận Thế, Chúa phạt loài người, tiêu diệt Nhân loại, cho nên mới xảy ra những cảnh đả-man mọi rợ như thế.

— Minh ơi, nói về hiện tại, Thế giới đang sống ở Thế kỷ nguyên tử này, còn nạn đói nhiều như trước nữa không ?

— Theo khoa học, và Y học hiện đại, thì mỗi con người ta mỗi ngày phải ăn sao cung cấp đủ 2750 Calories cho cơ thể. (calorie là đơn-vị của Nhiệt-lượng) Phải ăn đồ ăn đủ 2750 ca-lô-ri mới thật gọi là NO. Nhưng theo bản thống kê của F.A.O

(Food and Agriculture Organization = cơ - quan quốc - tế nghiên-cứu về thực phẩm và nông vụ) vừa rồi thì trên quả Địa cầu hiện nay chỉ có 27,8 % là ăn đủ no. Dĩ nhiên đây là hạng nhà giàu, ăn sang. Còn 72,2 % ăn không đủ 2750 ca-lô-ri nghĩa là không đủ no, hay chỉ tạm gọi là no mà thôi. Trong số đó, có :

12,7% số người sống mỗi ngày với từ 2000 đến 2700 calories, là hạng thiếu ăn (Tây gọi là *les sous-Alimentés*). 59,5% số người chỉ sống mỗi ngày không được với mức trung bình là 2.200 calories. Đó là hạng ăn không no, hạng đói (*Les Affamés*).

Ông Cụ già sắp chết đói của em gặp ở chợ sáng nay, chỉ có thề cung cấp mỗi ngày vài trăm calories đồ ăn cho cơ-thể, Cho nên người ông da bạc xương như vậy đó.

— Còn tụi mình ?

— Hai đứa mình đây hả ?... Giỏi lắm thì hơn ông già chết đói kia chừng 1.000 ca-lô-ri là cùng. Nghĩa là cũng được liệt vào hạng..., có thể chết đói nay mai đấy !

— Thôi, em hông thèm đầu-bắt đầu ngày mai, em nhứt định mua thêm đồ ăn nhiều hơn và bỏ hơn đê mình ăn cho đủ số 2.750 calories, đê Minh khỏi chết đói cơ !

Ông Tú cười :

— Khỏi cần, em ơi ! Vớ giá đồ ăn đắt-dỏ hiện giờ, vớ những số lương chết đói hiện nay, 80 % người Việt-Nam nên dấn nơi phòng ăn của mình hai câu đối bắt-hủ của Cụ Nguyễn-Công-Trứ :

*Một thầy, một cô, một chó cái,
Nửa người, nửa ngòm, nửa
đười-uơi*

Bà Tú cười ha-ha, đứng dậy đi lấy 4 hột vịt lộn với đĩa rau răm, lọ muối tiêu đem đê trên bàn :

— Minh dùng tạm hột-vịt-lộn thay cho bánh Trung-Thu, nhá Minh ! Ăn hột-vịt-lộn, uống nước với có ngâm thơ thường nguyệt được không, Minh hè ?

Ông Tú làm thỉnh, nhòen một nụ cười vô-duyên lạ !



Nữ sĩ SƯƠNG-NGUYỆT-ANH
có phải là tác giả của bài :

« CHINH PHU THI »

★ THÁI - BẠCH

Mấy Nét Về Tiểu Sử

Bà Sương-nguyệt-Anh, một nữ sĩ danh tiếng của miền Nam Việt-Nam ở tiền bán thế kỷ 20. Tổng hợp các tài liệu, tiểu sử của bà được tóm tắt như sau :

Bà sinh ngày 24 tháng Chạp năm Quý-hợi, dương lịch 1863, giữa lúc quân xâm lăng Pháp đang tràn lên xứ này, và tạ thế ngày 12 tháng Chạp năm Canh-thân, dương lịch 1921, giữa lúc phong trào giải phóng dân tộc đang ngấm ngấm hoạt động khắp nơi, kẻ bí mật gây dựng cơ sở trong nước, người bôn ba hải ngoại đề cổ võ hô hào.

Bà là con gái thứ năm của cụ Nguyễn-đình-Chiều tác giả Lục-vân-Tiên, chính tên Nguyễn-thị-Khuê (có sách nói Nguyễn-thị-ngọc-Khuê), tương người mảnh mai thanh nhã, bẩm tính thông minh, nhờ sự giáo dục của thân phụ, bà được nổi danh rất sớm cả về tài lẫn sắc.

Nếu cuộc đời của thân phụ bị lao đao vất vả vì hoàn cảnh gia đình và đất nước bao nhiêu thì cuộc đời của bà cũng tang thương, đau khổ vì thời đại nhiều nhương bấy nhiêu.

Bởi sinh trưởng trong cửa nhà nặng chữ hiếu trung, nên bà chủ trương thờ ở vậy, chờ không chịu sống gửi thịt thác gói xương vào cửa bọn buôn dân bán nước, nên năm 1888, năm thân phụ qua đời, bà đã 25 tuổi mà vẫn chưa gả nghĩa nơi nào.

Thân phụ mất, bà ở với anh ruột là Nguyễn đình - Chúc, tục gọi thầy Ba Sang.

Gia đình bà lúc đó, anh em đều ở Ba Tri, (tỉnh Bến tre) nhưng sau một tên « Phủ » thứ phu làm tay sai cho chánh quyền thuộc địa, vì mê nhan sắc, cậy mai mối đến hỏi. Bà từ khước, tên Phủ đem lòng oán ghét, cứ cách ít hôm lại đưa trát đòi anh bà lên, kiếm chuyện làm khó dễ.

Gặp hoàn cảnh ấy, gia đình bà phải tạm dời sang Cái núa (thuộc Mỹ-tho). Tên Phủ theo nữa, anh em bà lại phải dời đến nhà ông Trương-văn-Mâu ở Rạch miễu (cũng thuộc Mỹ-Tho).

Ở đây ít lâu, bà sánh duyên cùng một ông Cai - tổng góa vợ, ăn ở hiền lành được dân chúng mến yêu, tức ông Nguyễn-công-Tĩnh con một ông Huyện nhà ở Rạch Ông.

Có chồng một thời gian khá lâu, bà mới sanh được một con gái là Vinh, cô này sau lấy ông Mai-trương-Ngọc, sanh ra chị Mai-huyền-Hoa nữ danh Kim Ba, tức bà quả phụ Phan-văn-Hùm hiện nay.

Cô Vinh được 2 tuổi, đang lúc gia đình đầm ấm, ông

Tính từ trẻ, bà trở thành góa phu, quyết chí ở vậy giữ tiết, nên tự lấy hiệu « Sương-Nguyệt-Anh » (xin đính chính là không phải Ánh như các ông đề tên đường đã viết).

Gặp cảnh gia-đình sống eo hẹp, bà đi làm thầy đồ dạy chữ Nho, rồi lên Saigon tìm kế sinh nhai bằng ngòi bút.

Bà làm thơ, viết bài đăng báo Nữ-giới-chung của ông Trần-văn-Chim. Sau bà làm chủ bút tờ này. Ít lâu, bà bị bệnh đau mắt, phải về làng Mỹ-chánh-Hòa ở với em ruột là ông Nguyễn-đình-Chiêm Kế đó, bà bị lừa, rồi tạ thế ở đây, hưởng thọ 56 tuổi.

Sự Nghiệp Văn Chương

Là một nữ sĩ ở trong làng thơ cổ, bà Sương-nguyệt-Anh làm thơ cũng khá nhiều, nhưng có những bài chữ Hán sau đây là điều luyện trải chuốt, như bài « Điều Khuất-Nguyên »:

*Tiết đảo Đoan dương hoành vũ lộ,
Giang tân hành lữ vô triều mộ.
Vãng lai thù dữ điều trung hồn ?
Cạnh cạnh yên ba hoành vũ lộ.*

Tạm dịch :

*Mưa phùn phơi phơi tiết Đoan dương,
Qua lại bên sông khách rợp đường.*

 **midol** *Đi các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

*Trạnh nhớ hồn trung ai viếng hỏi ?
Đò xưa khói sóng lớp sầu vương.*

Bài « Bi thế sự » :

*Thái tức trần gian sự cảnh vi,
Bỉ thường hà nhẫn dụng tâm bi.
Nan tri đề cuộc hoàn nan giải,
Tự tin đề hồi, phản tự nghi.*

Tạm dịch :

*Ngẫm sự trần gian lưỡng ngậm ngùi,
Xanh kia sao nở trở rrêu hoài.
Sự đời khó vậy là sao vậy ?
Nghĩ lại tin ngờ khó nổi nguôi.*

Còn về quốc âm, có những bài như bài « Tức cảnh hoa mai trắng ở trên chùa Bà Đen » :

*Non linh đất phước nở hoa thân
Riêng chiêm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng;
Sương pha bóng nguyệt ánh màu Ngân,
Mây lành gió tịnh nương hơi chánh,
Vóc ngọc mình băng bật khói trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến.
Non linh đất phước trở hoa thân.*

 **midol** *Đi các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Bài « tặng một ni cô ».

Vắng vỏi xa gần tiếng pháp chung,
 Tình đời ảm lạnh đã nguôi lòng.
 Âm thanh thăm thẳm trần ai lặng,
 Góc tịnh lâu lâu giá ngọc trong.
 Cánh cửa từ bi nương phận bạc;
 Mảnh gương tế độ nhuộm màu hồng.
 Trời Tây biển kh^h thêm ngao ngán
 Tĩnh giác hoàng lương nguyệt nửa vòng.

Bài « Tức sự trong dịp vua Thành Thái vào ngự yến
 Saigon năm 1889 » ;

Ngàn thu may gặp hội minh lương;
 Thiên hạ ngày nay chí mở mang,
 Tác cổ ngọn rau tràn dưới đất.
 Đai cơm bầu nước chật ven đàng.
 Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa,
 Xót dạ thần dân chốn lửa than.
 Nước mắt cô cùng trời đất biết,
 Biên đầu mắt cuộc nghĩ mà thương.

Bài « Làm dùm một bà lang thuốc Bắc ở Rach-miêu
 gửi cho chồng đi làm ăn phương xa, nhân ngày tết sắp
 đến » :

Quảng

midol

trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

« Viễn chí » lưu hành thảng « mạch đòng »,
 Trách lòng « quán tử » quá « thung dung »,
 Tư duyên « tục đoạn » đã xao lãng ;
 Tình nghĩa « a dao » khó mặn nồng.
 « Quán chúng » ngậm ngùi « thương nhĩ tử » ;
 « Nhân trần » cảm cảnh « bạch đầu ông »,
 Miễn đầu « sanh địa » tìm « khương hoạt »,
 Cũng đoái « phòng phong » phận « quit hồng ».

Bài trên này có cái đặc biệt ở mỗi câu đều có tên vị
 thuốc Bắc như những chữ chúng tôi đã cho đóng ngoặc
 kép.

Không cần đọc nhiều, chỉ bấy nhiêu, chúng ta cũng đủ
 biết Sương-Nguyệt-Anh là một nữ sĩ có trình độ học khá
 cao, cũng như đã có nghệ thuật thơ khá vững.

Mấy Giai Thoại Văn Chương

Ngoài những bài trên, thi tài bà Sương-nguyệt-Anh còn
 được chứng minh trong những trường hợp sau, đáng kể
 là những giai thoại ở trong làng văn học :

— Khi chồng mất, bà quyết trọn đời thủ tiết, nhưng
 nhiều kẻ vẫn toan phá ý định bằng thơ đi thơ lại để thả
 lời ong bướm. Ông Bảy Nguyễn ở Mỏ-cày, một bữa nọ,
 gửi đến một bài thơ :

Ai về nhắn với Nguyệt-Anh-cô ;
 Chẳng biết lòng cô định thế mô ?
 Không phải vãi chùa toan đóng cửa ;
 Đây hàng gấm ghé bác cầu ô !

Bà họa luôn hai bài :

Chẳng phải tiên cô cũng đạo cô,
Cuộc đời dâu biển biết là mô ?
Lọng sòn dẫu rách còn kêu lọng ;
Ô bịt vàng ròng tiếng cũng ô.

Phải thời cô quả, chịu thời cô,
Chẳng biết tuồng đời tỉnh thế mô ?
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa ;
Ngọc lành chi để thẹn danh ô.

— Ông cử nhân Phạm-đình-Chi đến, đem tài văn học, yêu cầu bà ra câu đối để kết duyên văn tự. Bà từ khước không được, phải ra cho ông Cử :

« Đỉnh làng tôi không dám phạm, thưa ông tôi phạm đỉnh chi ? »

Nói theo xuôi là « tôi không dám xâm phạm đến đỉnh của làng, vậy thưa ông tôi phạm vào đỉnh chi bây giờ ». Cũng thường, nhưng cả tên họ ông Cử đều gói cả trong đó. Khó thay, biết lấy cảnh gì mà ứng khẩu đối cho chính đề hay hơn được bà. Thế là ông Cử rút lui, rút lui cả người và luôn cả tà tâm.

— Sau ông cử Phạm-đình-Chi, một nhà nho khác ở làng Vĩnh-kim, tỉnh Mỹ tho là Hồ-bá-Xuyên, gửi đến một bài, tỏ ý muốn chấp mối tơ duyên :

Trời đất ghen chỉ chữ sắc tài,
Vườn xuân vợi úa bấy phần mai,
Gương toan sáng sửa càng ngợ ngáo ;

Phấn vẽ dài mài lúc kềm phai.
Lặng lẽ duyên hồng tơ tóc vương
Vấn vương phận liễu tháng ngày dài.
Bông đào bao thuở thay đôi lứa,
Nỡ để trăng thu xế bóng đoài.

Đọc xong bà phản đối lại ngay :

Tài không sắc, sắc không tài;
Lá úa nhánh khô cũng tiếng mai.
Ngọc ánh chi nài son phấn thêm ;
Vàng ròng há sợ sắc màu phai.
Ba giếng trước đã xe tơ vẫn ;
Bốn đure nay tua nổi tiếng dài
Dẫu khiến duyên này ra đến thế,
Trăng thu dù xế rạng non Đoài.

Nhà nho Hồ-bá-Xuyên thất bại, một người nữa là ông Phủ-Học, đưa đến những câu kềm lịch sự :

Phải gần với Nguyệt lúc lưng voi,
Đặng hỏi Hằng-Nga, nổi sự đời.
Ở Hạ mây mưa còn kềm sắc ;
Về Thu non nước tổ cùng nơi.
Hay trông Dữu-Lượng xây lầu trước ;
Hoặc đợi Thanh-Liên cải chén mời.
Vóc ngọc há sòn cơn gió bụi ;
Tài tình rõ mặt khá đua bơi.

Tức thì, bà đồn cho một chấp :

Đường xa vôi vôi, đậm vôi vôi,
Nghĩ nổi ngày xanh ngàn sự đời.
Biên ái nguồn ân còn lấm lúc ;

Mây ngàn hạc nội biết đâu nơi.
 Một dầy oan trái rồi vay trả,
 Mấy cuộc tang thương há đổi đời.
 Chước quý mưu thần áu những kẻ,
 Gặp cơn nguy hiểm khó đưa bơi.

Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi,
 Dinh hư trong cuộc phải coi đời.
 Ven mây bản thổ xa ngàn dặm;
 Đáy nước cung thiềm tựa khắp nơi.
 Nột trí đưa gian hiểm vẻ rạng;
 Vui lòng người triết thú đưa bơi.
 Khơi dòng hối thực ửng ra mặt,
 Đứng giữa trời xanh tiết chẳng rời.

Cứ những giai thoại này, chúng ta phải thăm phục các đức kiên trinh ấy của bà, và như thế, mới đúng như lời thân phụ bà đã dạy «trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh làm câu trau mình».

Nhưng nhất định Bà SƯƠNG NGUYỆT ANH không phải tác giả của bài « CHINH PHU THI »

Kể ra, bà Sương-nguyệt-Anh cũng là một nữ sĩ đáng kể. Nhưng bà không phải là một sao sáng nổi lên trong một thời đại văn học, vì ở miền Nam lúc ấy, ngoài bà còn các nữ sĩ Trần-kim Phụng, Trần-ngọc-Lầu, thi ca cũng vang bóng một thời.

Vậy sao chỉ một Sương-nguyệt-Anh được chánh-phủ đề tên đứng, còn các bà khác thì lại không?

Để giải đáp câu hỏi này, tôi nhớ có người đã giải thích : Giá trị của bà Sương-nguyệt-Anh không phải ở những bài thơ trên hay những giai thoại vừa kể, mà chính ở chỗ bà đã để lại cho đời một bài thơ bất hủ bằng chữ Hán, nhan đề « Chinh phu thi » :

Đình thảo thành sào liễu hữu ty,
 Chinh phu hà nhật thị quy kỳ ?
 Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ,
 Nhất chầm đề quyền lạc lệ thì.
 Tái bắc vân trường có nhận ảnh ;
 Giang-nam xuân tận lão nga mi.
 Tạc lai kỷ độ tương tư mộng ;
 Tăng đảo quân biên tri, bất tri ?

Bài này trước hết được ông Tố-Phang lục đăng trên tờ tạp chí Tri-Tân của cụ Nguyễn-văn-Tố trước đây, luôn với bài dịch của em ruột bà là ông Nguyễn-dình-Chiêm :

Cỏ rạp sân thềm liễu rủ hoa ;
 Chàng đi bao thuở lại quê nhà ?
 Nửa rèm trăng xế lòng ngao ngán,
 Chiếc gối quyền gào lệ nhỏ sa.
 Ái bắc mây giăng che bóng nhận ;
 Vườn xuân nắng tắt ủ mây nga.
 Nhớ nhau mấy lúc chiêm bao thấy,
 Ngàn dặm lang quân biết chăng là ?

Một bài thơ chỉ 8 câu, mà bộc lộ ra được cách kín đáo, nỗi buồn man mác của một người đàn bà có chồng ra trận, những không biết ra vì lẽ gì, chiến đấu vì ai, vì ai phải : xa xôi cách trở nước non, để người thối sớm thối hôm những sâu.

Theo lời ông Tố-Phang, bà Sương-Nguyệt-Anh viết bài này khi đứng trên lầu, nhìn đoàn thanh niên Việt đang xuống tàu sang Pháp để hy sinh cho mẫu quốc trong trận giặc 1914 — 1918, và đăng báo Nữ-giới-chung vào khoảng năm 1926.

Từ đó, độc giả đều tin tài liệu đó, và các nhà phê bình sau cũng không ngớt ca tụng vì nội dung tư tưởng của bài thơ tuyệt tác ấy không ngoài cái ý nghĩa phản đối cuộc chiến tranh vô đạo, phản đối việc bắt thanh niên nước mình phải đi bỏ mình một cách hết sức vô lý. Thật tác giả đã hơn người ở chỗ đã cảm thông được những nỗi khổ của bao kẻ buồng the lạnh lẽo, tháng đợi năm chờ, sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng, mà đâu đem lại được gì cho quê hương xứ sở.

Có người lại thêm nữa :

— Tác dụng tuy không được mạnh nhưng với sự còn được truyền lại đến nay thì đối với đương thời hẳn không phải vô ích, không có nhiều ít ảnh hưởng trong nhân dân, nhất là đã gián tiếp đánh vào mặt bọn bồi bút khi đó đã trắng trợn cổ võ thanh niên nước nhà nên đi chết thể cho kẻ thù dân tộc.

Giá trị bài thơ này, xét lại, quả thực không hổ với những lời khen trên.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

Song bảo tác giả là bà Sương-nguyệt-Anh thì hoàn toàn không đúng.

Theo chỗ tìm hiểu của tôi thì bài « Chinh phu thi » bằng chữ Hán chính là của ông Thái Thuận, một danh nho đời Lê.

Thái Thuận tự Nghĩa Hòa, hiệu Lã đường, người làng Siêu loại, tỉnh Bắc Ninh (Bắc Việt) Ông đỗ tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 6, đời Lê-Thánh-Tôn, dương lịch 1475, làm quan đến chức tham chính tỉnh Hải Dương. Ông làm thơ rất nhiều, nhưng không chép giữ. Sau khi ông mất, con trai ông là Thái Khắc và học trò là Đỗ-chính-Mô mới góp lại được hơn 300 bài bằng chữ Hán, chép thành tập lấy tên là « Lã Đường thi tập ».

Bài thơ chữ Hán « Chinh phu thi » trên, ở trong ấy. Tập này hiện trước có tại trường Viễn đông bác cổ Hà Nội. Khó tìm lắm. Nhưng các bạn muốn biết chứng cứ rõ hơn, thiết nghĩ không cần cứ lại ngay viện khảo cổ Saigon cũng sẽ thấy tên tác giả cùng nguyên văn bài thơ ấy chép trong Hoàng Việt thi tuyển in năm Minh Mạng thứ 6, dương lịch 1825, tức trước đời bà Sương-nguyệt-Anh đến 38 năm.

Tài liệu rõ ràng, chúng ta không thể giữ mãi cái sai lầm « đem râu ông nọ cắm cằm bà kia » được.

Tôi không biết ông Tố Phang có đọc tờ Nữ-giới-chung.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

không ? hay chỉ nghe truyền thuật) cũng như bà Sương-nguyệt-Anh rất có thể đã thuộc lòng bài ấy, rồi nhân dịp viết đăng lại khiến người ta truyền là của bà. Bà ký tên hay không ? Nếu ký tên Thái-Thuận, hoặc vô danh, hoặc làm ra một tên người khác, thì điều ấy không sao vì sự đó là thường.

Trái lại đề rõ Sương-nguyệt-Anh, tác giả, thì đây là một án « đạo văn » không thể nào tha được, đến phải đem xóa cái tên đã đề vào con đường kia đi.

Đặt vấn đề thế thôi ! Tuy nhiên với tôi, tôi vẫn chỉ cho là một sự lầm của đời sau, và bắt đầu từ ông Tố-Phang, rồi người khác tin theo căn cứ theo thành lầm ra cả chuỗi, chớ một người bàn bà đã có hạnh có học như bà Sương-nguyệt-Anh, thì khó tin là có những hành động ấy được.

Và, mục đích của tôi viết bài này cũng không ngoài sự cần thiết đính chánh rõ rệt, có bằng chứng cụ thể, một tài liệu quý giá ở trong văn học sử nước nhà để giúp có ai nấy đều không còn bị mắc sai lầm nữa vậy.



ĐỨC PHẬT CỦA TÔI

* Diệu-Nga (Cholon)

Trong bóng tối nghiệp duyên còn nặng trĩu
Ngày thè lương cuốn ánh mặt trời đi
Con ở đây, thân phận có ra gì
Lòng khao khát ước mơ về quá khứ

Nguồn rung cảm phút giây buồn tư lự
Nhớ chiều xưa, rức rở phút thần giao
Bóng Chi-tôn soi sáng mấy tầng cao
Cho tan hết u minh, bừng ánh sáng

Không giai cấp khi máu người cùng mặn
Không độc tôn khi thiện quả vương tròn
Độ Ni-Đề người gánh phận cô đơn
Tình ban rải khắp ba nghìn thế giới

Con ở đây, cõi Sa-Bà u tối
Kiếp dọ dày trời nổi giữa buồn đau
Hương về đâu, ngơ ngác vạn tinh cầu
Đời nổi loạn thân con chìm bão tố

Khởi hương ơi, ta gục đầu thổ lộ
Chuyện bây giờ và chuyện của ngàn xưa
Nghiệp chương triền miên biết mấy cho vừa
Đường Giác Ngộ cho con tìm Đại Ngã.

Giờ Sám hối mười phương bưng phép lạ
Chuyện trở về hoa nở khắp Tây-thiên
Nước Cam-lồ gội rửa hết trần duyên
Lời khẩn nguyện cúi xin Ngài thọ ký !

MƯA TRUNG THU

△ LỮ - QUỲNH

Y đứng bất động dưới một hiên nhà. Áo quần đã ướt dẫm nước mưa. Tuy thế, y vẫn không đủ can đảm để vượt thêm một quãng đường nữa dưới cơn mưa đang tầm-tã. Y chờ một tia chớp lóe lên để cúi xuống nhìn đồng hồ. Nhưng đã mấy lần ánh chớp vẫn không làm y đủ thì giờ nhìn rõ mặt số. Y thăm đoán bây giờ đã khuya lắm. Bây giờ bạn đồng đội y đang ở trong rừng. Và cũng bây giờ Liên đang ngủ ngon lành trong một căn phòng ấm-cúng, có ánh đèn màu xanh nhạt trên đầu giường. Y khoanh hai tay trước ngực, mắt mở lớn nhìn vào bóng tối và bất-giác thờ dài.

Thành-phố sau hai năm trở lại làm y cảm thấy cô-đơn. Vô cùng cô-đơn. Y nhớ cũng thành-phố này trước ngày y

nhập ngũ, con đường dẫn xuống chợ thật thành-thang. Mùa thu có lá vàng bay. Và mỗi buổi sáng trong cái lạnh gai-gai người, thường có một lão già cầm chổi quét lá trên đường. Đạo ấy, y thăm ước được thay lão làm công việc đó. Không có gì sáng-khoái bằng, những sáng tinh sương, ung-dung với chiếc chổi cán dài, đi vun từng ngọn lá vàng khô về một chỗ. Đạo ấy y thường có những ước-mơ vu-vơ. Cảm thấy xúc động khi qua những công viên có từng cặp tình-nhân đang ngồi trên ghế đá; công-viên có từng đàn bồ-câu trắng vỗ cánh bay. Đạo ấy, Liên cũng còn bé-bồng, mỗi ngày khép-nép trong cặp đồ trắng đến trường.

Bây giờ trở lại, y có cảm-trưởng mình là kẻ đã bị thành-phố bỏ quên. Thành-phố ngày nay với những khuôn mặt lạ-hoát. Buổi chiều khi mới tới, y định ghé lại Liên ngay, nhưng chẳng hiểu sao lòng tản-ngần. Y mượn chiếc jeep của một người bạn và lái chạy vòng trong thành-phố. Y muốn mua cho Liên một món quà, nhưng chọn mãi chẳng được món nào. Ngày mai là Trung-Thu. Trong lá thư mới nhất gửi cho y, Liên ao-ước y sẽ về với Liên trong dịp Trung-thu này. Liên sẽ sắm thật nhiều thứ bánh, và có thật nhiều chuyện bất-ngờ để đón y.

Mưa càng lúc càng lớn. Y cảm thấy lạnh. Y vừa nghĩ những chuyện sắp kể với Liên. Chắc chắn y không kể những chuyện phải làm Liên sa nước mắt. Y sẽ kể những dự tính trong sáng, những giấc mơ thật âm cúng của những đêm y đắp poncho nằm ngủ trong rừng. Những chuyện y kể chắc chắn phải làm Liên vui, phải làm Liên yên lòng.



MƯA TRUNG THU

Trời vẫn mưa không ngớt. Y biết rằng, không thể đứng chờ trời tạnh mãi dưới hiên nhà này, nên vội-vàng băng vào đêm tối. Bóng y điệp vào bóng đêm. Bước y trộn vào tiếng nước. Không một âm thanh lạ trong không-gian mênh-mông màu tối.

Nhiều người nói, chiến cuộc làm con người hư-hồng ra. Y thì không đồng-ý. Y nghĩ, không có gì có thể làm hư hồng con người cả. Chiến tranh có lý-tưởng càng làm cho con người lớn lên, đẹp ra ngay trong những hình ảnh bi-đát nhất. Y đã dự nhiều trận đánh. Y đã nổ súng vào nhiều bóng đen, và y tin rằng có nhiều thân thể đã đổ gục về tay y. Y không cảm thấy gì cả khi nghĩ đến một ngày kia sẽ tới phiên mình nằm xuống. Mọi việc xảy ra trong một môi trường đầy-rẫy phi lý sẽ trở thành hợp lý. Không có gì đáng nói. Hãy nhìn nhận số phận mình như từ một định mệnh đưa tới. Những ngày ở ngoài mặt trận, y vẫn cố gắng dành thì giờ viết thư cho bạn bè. Phần lớn y kể lại những cảm nghĩ trong những lúc giao-tranh với địch, cảm tưởng sau khi nhìn cảnh chiến trường đầy xác chết. Xác bạn, xác thù đôi khi không phân-biệt nổi! Lòng thân nhiên những đêm ngồi dưới giao-thông-hào nhìn hỏa châu rơi, nghe súng địch, và mỉm cười nghĩ tới người yêu. Em hãy ngủ cho ngoan. Liên hãy ngủ cho ngoan. Không bao giờ em có thể tưởng tượng được, giờ này anh có thể chết. Người ta chỉ lo lắng cho người thân mình chết, chỉ đau đớn khi nhận điện tin người chiến sĩ tử trận. Nhưng không bao giờ họ lo lắng và đau đớn được cái cảm giác bơ vơ, vừa kiêu hùng vừa tê tái của

Đông midol là các chứng đau nhức
và các cơn
có bán tại các nhà thuốc

MƯA TRUNG THU

người lính khi ở giữa ranh mức Mặt trời và Bóng đêm. Bóng đêm hay miền vĩnh-cửu?

Bao nhiêu ngày tháng với từng ày rừng sâu, đông thắm, xác bạn, xác thù. Bao nhiêu ngày tháng thêm từng đó vào quá-khứ, bớt từng đó của tương-lai. Nhiều lúc y tự nghĩ, y không có cái quyền nào cả, ngoài cái quyền được chết ở chôn núi rừng. Chỉ có cái quyền đó không cho y thắc mắc. Ngoài ra y cảm thấy trống trơn. Yêu Liên, y không có quyền làm nằng khô. Cưới Liên, y không có quyền mang khăn trắng chít lên đầu nằng. Nhưng y đã yêu Liên. Và quê-hương đang còn cuộc-chiến.

Mùa thu năm nay đã dành mây trời của mùa đông. Những cơn mưa không ngớt. Buổi sáng, y đi khắp thành-phố, chui vào từng quán sách. Y đã chọn được cho Liên một số sách hay. Y nghĩ Liên sẽ mỉm cười khi nhìn tên từng cuốn sách đó. Y thấm như lòng: Sau hai năm, chắc Liên gầy ra và bắt đầu có những âu-lo của thiếu-phụ.



Trời bắt đầu tối. Mưa đã làm đêm về sớm hơn những ngày khác. Người đàn ông đứng giữa cửa nhà, nhìn trời giã lát rồi quay vào mặc áo mưa. Khi y trở ra, trên khuôn mặt y tối thẫm vì màu xanh đậm của chiếc áo. Chiếc xe jeep cũ-kỹ, vải trần đã bạc phềch, đậu dưới hàng nước dột.

Y ôm trong tay một chồng sách, rồi khom người chui nhanh vào xe. Trời vẫn mưa không ngớt. Ba ngày phép đặc-

Đông NEUROTONIC BỔ ỨC
Lắng cường trí não
575 BVT 20-11-63

biệt của y hình như cũng nặng nề theo thời-tiết. Y cảm thấy nó không quá ngán ngùi, mà cũng không thư-thả chút nào. Y chỉ gặp Liên đêm nay và ngày mai phải trở vào rừng. Y ăn mạnh chân ga. Chiếc xe lao vào bóng tối. Y đưa tay lên vuốt mặt và nhận thấy da mình khô nứt nhiều chỗ.

Y cho xe ngừng lại êm-thắm trước cổng nhà Liên. Khung cửa sổ ở phòng nằng đầy bóng tối. Mưa quật vào mặt y đau điếng. Y phải đưa tay lên vuốt mặt nhiều lần. Bất giác y cảm thấy áy-náy. Y đứng dựa lưng vào cổng. Một lát sau mới đưa tay lên bầm chuông. Y nhắm mắt chờ đợi. Chờ đợi tiếng chân xuất hiện và bước chân tới gần.

— Tôi muốn gặp cô Liên.

Y nói trong tiếng mưa. Người đứng bên kia cánh cổng, khuôn mặt lõm sâu vào áo mưa, nên y không thấy rõ. Y lặp lại câu vừa nói. Tiếng người sau cánh cổng:

— Phiên ông mai trở lại. Tối nay cô Liên không có ở nhà. Đêm Trung Thu, mấy ông bạn mời cô đi nhảy ở Bồng Lai...

Y nhớ hình như có nói cảm ơn người đứng bên kia cánh cổng trước khi quay đi. Ngày mai mời ông trở lại. Không ngày mai, tôi phải vào rừng. Mưa bỗng nặng hột. Phở vàng. Y lái xe như điên trên đường mưa. Ánh đèn màu chớp đỏ trước mắt. Bây giờ Liên đang ở trong không khí đó? Bây giờ em đang nghĩ gì, Liên? Em còn nghĩ tới những ngọn đèn bạch-lạp, rất nhiều thứ bánh em làm... Em có còn nghĩ đến những lá thư em viết mong anh về trong đêm Trung-thu? Có lẽ Liên nghĩ như người lính ở tiền-đồn heo-hút, làm gì có thì giờ để trở về? Làm gì còn trí nhớ để nghĩ tới ngày nào là trung-thu?

Y lái xe qua không biết bao nhiêu lần trên một đường phò. Y cảm thấy mồ hôi chan hòa với nước mưa. Y ngừng xe lại ở một công viên và bước xuống. Một quyển sách rớt dưới chân y. Y nhìn vào xe tìm số sách còn lại, nhưng chúng không còn ở đó. Sách đã bị đánh rơi trên các ngã đường. Y đi mũi giày vào cuốn sách dưới chân, thăm nói: ở rừng, ta không có thì giờ dừng tới mi.

SINH NHẬT CỦA CON

★ NGUYỄN - LÂM

Ba còn nhớ rõ lắm! Năm ngoái, lễ thôi nôi của con cũng nhằm ngày Tết Trung Thu. Ba đem quà tặng đến bằng tư cách một người quen. Nhưng Mẹ con vẫn một mực từ chối...

(Bức thư của người Cha gửi cho con trong ngày Tết Trung Thu.)

Saigon, Tết Trung Thu 66.

Thuyền, con!

Hôm nay là ngày sinh của con. Con biết không? Phải chi có con bên cạnh Ba, chắc Ba đâu đến nỗi buồn tẻng chế như vậy. Ba sẽ vui lắm. Ba sẽ cười thật nhiều. Ba sẽ kể nhiều chuyện vui, chuyện đời xưa cho con nghe. Con chưa hiểu đó thôi, chớ Ba có biết tài về kể chuyện. Riêng với con, Ba càng kể hay gấp triệu lần hơn nữa.

Nhưng thật là vô vọng khi Ba phải nói tới con. Không biết hiện giờ con ra sao? Con mạnh khoẻ không? Quần áo có lạnh lẽ, nhem nhốt không con? Mẹ con có còn ve vuốt, cưng yêu con như hồi nào. Mẹ con nhớ về Ba

SINH NHỰT

hay không? Bây giờ, Ba cũng hết mong gì hỏi bạn sức khoẻ của con qua đi Lan nữa. « Người ta » đã cấm cản không cho Ba đến tận nhà thăm nom con. « Người ta » còn tìm cách ngăn chặn Ba tiếp xúc với đi Lan con. Vậy, có khổ cho ba không con?

Con,

Ba không bao giờ dám tưởng tượng tới hình hài tiêu tụy, gầy yếu của con, dù sự thật có vậy đi chăng. Ba luôn luôn thương nhớ về con và cố mà tin rằng con vẫn xinh đẹp, khoẻ khinh, mũm mĩm hoàn toàn như bao nhiêu trẻ thơ khác mà Ba biết.

Hôm nay thêm lần nữa, sinh nhựt của con về.

Ba ghi nhớ thật cẩn thận, rất tha thiết ngày này của con. Nhưng làm sao Ba có thể đem quà tặng đến tận tay con được. Chắc suốt đời Ba, suốt đời con, cha con ta đành ly-cách mãi con ạ. Bởi vì, biết Ba có còn sống khoẻ chờ ngày con khôn lớn để giải-thích rằng Ba là cha ruột của con không?

Ba còn nhớ rõ lắm! Năm ngoái, lễ thời-nôi của con cũng nhằm ngày tết Trung-thu, Ba đem quà tặng đến bằng tư-sách một người quen. Nhưng Mẹ con vẫn một mực từ chối. Không tiếp-nhận mà lại còn có thái-độ như xua đuổi Ba ngay từ ngoài cổng. Ba đâu tội tình gì? Nếu có, thì đó là tội thương nhớ con... Ba đành mang quà tại nhà đi Lan, nhờ đi Lan chuyển về mừng con lên một. Nhưng Mẹ con cũng nhứt định bắt đi Lan hoàn trả Ba. Ba không hiểu gì cả. Mặc dù nay đã có chồng, người chồng giàu sang gốc Hà-Nội, dư sức mua sắm cho con hơn mấy món quà rẻ mạt đó của Ba, nhưng sao Mẹ con nở nhần tâm

SINH NHỰT

đoạn lia tình phụ-tử? Năm nay cũng vậy. Ba đem quà đi rồi lại thui-thủi mang trở về...

Con! Sinh-Nhựt của con, ời vĩ đại làm sao! Ba tin rằng không ai là người chẳng vui thích trong ngày sinh của con hết. Bởi nó ngẫu nhiên trùng-hợp vào ngày Tết Nhi-dồng... Vậy mà con đâu thể tưởng nổi chính Ba, suốt ngày nay, Ba lặng-lẽ trong nỗi buồn-lủi thương nhớ con,

Nhưng con ơi! Chắc con cũng tự hỏi « ... Con là con của Ba. Là máu huyết của chính Ba. Mà sao Ba không thể đường - hoàng nhìn nhận con được? ... » Con đâu biết bao ngang trái mà Ba đã đau lòng ngậm chịu bấy lâu. Hiện giờ, Ba không còn cách nào nhìn nhận con trên pháp-lý. Hai năm trước, ngày và tháng này con chào đời tại Thủ-Đô thì Ba đang tham-dự cuộc hành-quân « Héros V » tại xứ Quảng... Từ khi hay tin Mẹ con mang thai, Ba hết sức vui mừng xin phép Đơn-Vị-Trưởng về tiến hành hôn-lễ với Mẹ con. Nhưng đường xá xa-xôi hiểm trở, vả lại đơn-vị rất cần quân-số, làm sao Ba về ngay được? Vất vả lắm, gần sáu tháng sau Ba mới được vài ngày phép « bay » về Saigon thì, than ôi Mẹ con đã buộc lòng phải ung lấy người cha-dượng hiện-tại của con đó, để khỏi mang tiếng đưa con gái bị hoang-thai và để bảo vệ danh-dự gia đình thâm-nghiêm họ Ngoại... Ba trở về! Trời ơi! Ba trở về với bộ đồ trận lấm bụi chiến-dấu để đau xót biết trên khai sanh con là con của kẻ khác, còn ba biến thành người xa lạ đối với Mẹ con... »

 **Midol** 1360/821/ĐĐDC.

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

Thuyền con.

Không bao giờ con được đọc thư này của Ba, dù Ba viết cho con. Bởi Ba có gởi đi đâu! Và con cũng chưa biết đọc nữa! Ngày sau, con lớn lên, có dịp nào đó sẽ hiểu thế nào là nỗi đau đớn cùng của đời Ba. Và chắc con sẽ không phiền trách Ba vì sao đã thiếu sót hẳn phần đối với con. Ba yêu thương con lắm! Vì con là tất cả cái gì thiêng liêng quý báu nhất đời Ba. Mà yêu thương con bao nhiêu thì Ba cũng yêu thương Mẹ con bấy nhiêu! Nhưng Thuyền ơi! Viết tới đây sao Ba nghe tim se thắt lại... Bởi Ba đã mất Mẹ con vĩnh-viễn rồi... Phải chi con khôn lớn thì... Nhưng năm nay — Tết Trung-Thu này — con mới hai tuổi. Con bé quá con ạ. Con có biết gì đâu xảy ra bi đát cho Ba!

Đạo này Ba thấy Mẹ con gầy quá. Muốn có một lời thăm hỏi Mẹ con, nhưng ai đâu cho phép Ba làm công việc hết sức dễ dàng đó?

Hễ mỗi lần gặp Mẹ con (chỉ thấy thôi chớ có bao giờ chuyện trò) là Ba bị xúc động mạnh. Tim đập nhiều hơn, nhanh hơn, ngọt ngào như thiếu khí trời để thở... đau le-lói trong lòng ngực. Đó là những rung cảm yêu thương về Mẹ con vẫn còn chan-chứa trong cơ thể Ba... Buồn lắm con ạ!

Mẹ con cũng biết vậy. Nhưng, có lẽ Mẹ con đã bói xóa được hoàn toàn những vương mắc tình cảm về Ba. Ba không hề buồn gì Mẹ con đâu. Bởi Mẹ con còn có hẳn phận và có quyền đó. Nếu không, chính Ba cũng phải cầu nguyện cho Mẹ con an vui trong dề quên...

Con!

Lần thứ nhất ba tâm sự với con. Được tâm sự với con như vậy là an ủi ghê gớm cho Ba. Biết rằng con còn quá ngây thơ khờ dại. Tâm hồn con còn trong trắng lắm. Đáng lẽ Ba không nên cho những lời thế thiết của đời sống làm heen ở hồn con. Nhưng con ơi, nếu không có con thì ai, ở đâu để Ba chia sẻ cho khuấy khỏa nỗi niềm?

Hãy tha thứ Ba, con nhé!

Chúc con vui và mạnh. Ba lại lắm cảm nữa rồi. Con mà biết gì vui hay buồn? Cầu mong Mẹ con vẫn chăm sóc con đầy đủ.

Chúc con ăn khỏe và háu ăn như Ba hồi nhỏ mà Ba thường nghe nội con nhắc lại mỗi lần vui mừng Ba. Chúc con ngoan ngủ ngon giấc. Thỉnh thoảng con cũng nên có những lần chiêm-bao để gặp Ba trong giấc ngủ nhen con! Cha con ta không thể gặp và thương mến nhau ngoài đời sống thì đành mượn cõi-mộng vô-tư...

Thôi, thư dài quá hén con. Ba dừng bút đây. Một lần nữa Ba gởi về con tất cả lòng thương nhớ của Ba. Hôn con thật nhiều.

Ba của con



● BẠN CÓ BIẾT

Nguyên năm 1949, hãng nước ngọt Coca Cola bên Mỹ đã thu về một mối lời là 36 triệu Mỹ kim.

— Còn hãng B.G.I. ở Saigon thì lời bao nhiêu nhỉ?

Truyện ngắn

một ngày trong thành phố

BA CH định! Tóm-Lèo! Nghe kêu Toàn chẳng hiểu gì cả. Nhìn mấy người đánh chẵn, nét mặt khi đăm chiêu, khi cau có, khi suýt soa vỗ

đùi dôm dốp tiếc rỏ, anh thấy mình không thể hòa hợp với họ được. Toàn nháy mắt với người bạn ngồi bên cạnh để kiếm cách rút lui. Thăm ý, Huy đứng lên nói với Xuyên và Thảo, lúc đó đang chăm chú nhìn một con bạc rút nọc.

— Bọn này lái xe ra ngoài phố lượn vài vòng để xem thành phố. Các cậu cứ cảnh bài đi. Độ mười hai giờ hơn, bọn này quay về đón đi ăn cơm.

● HOÀNG-THẮNG



MỘT NGÀY TRONG THÀNH PHỐ

Xuyên, Thảo ngừng đầu lên gật gật rồi lại cúi xuống theo dõi ván bài.

— Bất van.

— Ân. Thảo vội lên tiếng và lấy quân bài về phía mình.

Ông Trung cũng lên tiếng — Cậu Huy với anh Toàn ở lại đây ăn cơm cả thể. Ở nhà làm cơm rồi.

Huy đáp:

— Thôi để bọn em ra phố chơi, và tiện thể ăn luôn ngoài tiệm cũng được.

Toàn mỉm cười, khều tay Huy đi ra cửa. Chúng mình vào một cái quán nào đó uống la de, tán róc với mấy em chiều dài, còn khoái hơn. Toàn nói khẽ với Huy khi hai người đã ra tới cửa.

Chiếc xe Jeep được mở máy, chậm chậm lui ra ngã ba, ngoẹo tay trái và vọt ra ngoài lộ. Không khí bên ngoài khoáng khoáng, mát mẻ dễ chịu gấp bội trong

căn phòng vừa rồi. Chỉ có mùi khói thuốc lá, thuốc Lào và hơi nóng hầm hập. Toàn nhìn đồng hồ: 11 giờ trưa.

Sáng nay thứ bảy — theo lời hẹn trước với Huy — Toàn, Xuyên, Thảo đáp xe lô xuống Mỹ Tho. Huy, trước ở Saigon, vì công vụ nên dời xuống Mỹ Tho làm việc đã hơn nửa năm rồi. Cứ mỗi chiều thứ bảy, anh lại đón xe về Saigon thăm gia đình, đi kiếm bạn bè để đi ăn nhậu rồi sáng thứ hai lại đón chuyến xe lô đầu tiên để xuống Mỹ Tho làm việc.

Mấy lần Toàn muốn xuống Mỹ Tho chơi nhưng kẹt ngày thường phải đi làm mà chủ nhật thì Huy lại về Saigon nên dự định chưa thực hiện được. Về sau, mấy người bạn tính, nếu quyết định hôm nào xuống chơi, Huy sẽ ở lại chờ, rồi, trưa chủ nhật mọi người lại trở về Saigon.

Riêng Huy, nhậu mỗi bữa say tới chủ nhật, sáng thứ hai lại có mặt ở Mỹ Tho.

Thấy Xuyên và Thảo biết đánh tổ tôm, nên khi ba người vừa xách cặp — trong cặp chỉ để bộ quần áo ngủ, bàn chải, thuốc đánh răng — tới nhà, Huy đục mọi người rửa mặt, rồi lấy xe đưa bạn đến nhà người quen ngay. Nơi đây, mỗi chiều thứ bảy và ngày chủ nhật thường tổ chức đánh bạc giải khuây.

Khi chiếc xe đỗ xích trước cửa nhà, đồng hồ mới 9 giờ rưỡi. Bấm chuông gọi, và khi cửa mở, chính ông Trung — chủ nhà hiện ra lúc cánh cửa mở rộng.

— Kia cậu Huy lại chơi!
Huy cười chỉ mấy người

bạn giới thiệu :

— Em có mấy anh bạn ở Saigon xuống chơi. Có hai người biết đánh tổ tôm đấy.

Ông Trung, mắt sáng lên, tươi cười hỏi :

— Thế à ?

Bắt tay từng người, chủ nhân mời tất cả vào trong nhà. Miệng kêu người làm đem nước, ông Trung mở tủ lấy hai bao thuốc lá mới — một bao Ruby, một bao Méliá vàng — xé đầu bao và mời :

— Mời các anh dùng tự nhiên.

Quay sang Huy, ông nói :

— Ta tổ chức ngay bây giờ chứ ? Mời vừa đây có ông Duy tới hỏi nhưng vì không có ai nên ông ta lại về. Bây giờ có hai anh đây,

thêm tôi, cậu và ta đi kêu ông Duy lại nữa là đủ chân.

Huy lắc đầu :

— Em không đánh đâu. Còn anh bạn đây — chỉ Toàn — em còn dẫn anh bạn đi chơi phố.

Ông Trung chớp mắt, suy nghĩ :

— Để xem ai thay chân nào, Á được rồi. Minh đi kêu bà Sáu, Hồi hôm, bà ấy có dặn, nếu có tổ chức nhớ gọi bà ta.

Ông xoa tay nói tiếp :

— Thôi thế là đủ rồi. Đúng 10 giờ mình bắt đầu.

Người làm mang nước sôi lên. Chủ nhân đổ một chút nước vào ấm để tráng rồi cho một nhúm trà vào. Pha nước sôi xong, ông đặt bốn cái tách nhỏ trước mặt khách. Khi trà đã thôi, ông rót ra bốn cái tách mời khách. Khói nước bốc lên nghi ngút. Hương thơm của trà ngào ngạt.

— Mời các anh dùng nước. Ông Trung chia tay và đưa nửa vòng về phía khách ngồi.

— Dạ, mời ông.

Toàn đưa tách lên miệng hớp một ngụm nhỏ. Vị trà hơi chát nhưng khi nuốt qua cổ họng thì lại có mùi ngọt ngọt. Anh đặt tách trà xuống bàn và lơ đãng nhìn quanh phòng. Phía cửa vào buồng trong, nơi trên khung cửa, có một bàn thờ nhỏ thờ gia tiên. Nơi góc phòng, ở trên cao, có bàn thờ Phật. Viên chung quanh bàn thờ là những lá cờ Phật giáo. Nơi giữa bàn thờ có một bức tượng Phật nhỏ, ngồi trên tòa sen, khuôn mặt từ bi, đại lượng. Hai cây đèn cây bằng điện sáng trưng, đặt hai bên bức tượng.

Nhìn bức tượng Phật uy nghi nơi bàn thờ, một niềm chua xót chợt thoáng qua trong ý nghĩ. Mới ít lâu đây, các tượng Phật, các bàn

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.
1360/BX.T/DRDC

thờ đã xuống đường nhiều nơi trong thủ đô. Nếu là một chiếc bàn có phủ khăn trắng, trên đặt tám hình Phật lồng khung kính, có oản chuối, có nhang đèn thấp thì còn khả trọng, nhiều tấm tranh vẽ Phật còn để trên chiếc bàn mộc cũ kỹ và còn tồi tệ hơn nữa đặt trên một chiếc ghế — loại ghế của những người đi hút tót rong trong các xóm nghèo. Đã thế những chiếc bàn thờ xuống đường này lại được trông nom bởi bốn, năm chú bé, một mũi nhằng nháo, thỉnh thoảng các chú lại đốt mấy chiếc lớp xe đạp cho cháy bùng lên để gây « xúc động ».

Nhiều gia đình Phật tử thấy thế đã rầu rầu

nói : « Tranh đấu gì thì tranh đấu, chứ mang hình Phật ra đường là không có tội rồi. Phật có tội tình gì đâu mà để Ngài phải dầu dãi nắng mưa, cùng bụi bặm. Tôi thờ Phật ở trên bàn thờ, đặt trên cao trong nhà... »

Khách đánh bạc đã kéo tới. Ông Duy, Bà Sáu. Mọi người kéo nhau vào buồng trong. Bài đã được chia và đặt trong một cái khay để ngay giữa sập.

Sau khi đã yên vị, chủ nhân bốc cái và mỗi người lấy một phần bài. Huy và Toàn ngồi ngoài hút thuốc lá vẹt và xem. Riêng Huy còn biết chữ với Toàn, anh chẳng hiểu gì cả. Người này vớt quân xuống, người khác

nhặt lấy rồi lại ném quân của mình đi. Nếu không ai ăn thì rút quân chốt để ở trong lòng đĩa.

Sốt ruột, Toàn mới nháy Huy « lĩnh ».

— Đi đâu bây giờ ? Huy lên tiếng khi chiếc xe rời tới đầu hẻm.

— Đi đâu cũng được. Toàn đáp. À, đi uống đi.

— Khoan đã. Bây giờ hãy còn sớm. Chúng mình đi thăm một người quen đã. Xong rồi, ta tới quán Cửu long ăn cơm là vừa. Cậu còn nhớ em Huệ không ?

Toàn cau mày nghĩ :

— Huệ nào nhỉ ?

Huy cười lớn :

— Sao trí nhớ của « toi » kém thế ? Huệ Văn Khoa thường hay đến thăm chúng mình mỗi chủ nhật ấy mà.

Toàn gật gật :

— À, à. Nhớ rồi. Huệ ở đây sao ?

— Đạo này bãi trường nên về nhà. Và cả Lan nữa, em ruột của Huệ đó, cậu còn nhớ chứ ?

— Nhớ. Lan có nụ cười rất tươi. Hôm gặp ở Saigon em mặc jupe serré gợi cảm lắm !

— Vậy mà ở đây, em không dám mặc áo. Sợ mọi người chú ý rồi bình phẩm. Tại tỉnh nhỏ mà.

— Ồi thôi, để ý tới người khác làm gì. Mình muốn gì kệ mình chứ !

Huy xua tay :

— Thôi ông bỏ dùm cái điệu bất cần đó đi cho tôi nhờ. Mình là con trai khác. Con trai người ta nói làm gì. Còn con gái lại ở tỉnh nhỏ khó lắm. Ra gìn vào giữ. Khép nép. Bụt rề.

— Nèn mỗi lần lên Saigon là mỗi lần lột xác ?

Huy cười :

— Đùng vạy. Chẳng lẽ

Quing midol
 020-771 1033C

Đó các chứng đau như
 và dứt cơn
 CÓ BAN KHU CÁC NHÀ THƯỜNG

MỘT NGÀY TRONG THÀNH PHỐ

lên Saigon mà cũng khép nép, rụt rè thì... quê một cục. Còn ở đây thì tức mẩy mà dám.

Toàn nghĩ đến hai người con gái mà anh đã gặp. Khi Huệ, Lan và Huy tới thăm anh, Lan mặc jupe serré còn Huệ mặc jean. Nét ngây thơ như hầy còn vương vấn ở Lan. Toàn mời mấy người ở lại ăn cơm, nhưng Huy gạt đi và rủ đi ăn lươn um, lươn canh chua. Trong bữa ăn, hai cô gái tỏ vẻ rất tự nhiên và uống lade cũng khỏe.

Chiếc xe đỗ trước một căn nhà xây kiểu cổ, chung quanh có vườn cây ăn trái, bao bọc bằng hàng rào si măng. Toàn bảo Huy :

— Minh mà được căn nhà này ở Saigon thì núi của. Cho Mỹ thuê rồi ta đi

nơi khác, chi dùng bằng số tiền cho mượn lấy trước một năm. Tha hồ khỏe.

Huy nghiêm giọng bảo :

— Nếu gặp ông bố thì chúng mình nói chuyện một chút rồi chuẩn nghe. Còn như không có, thì mình có quyền ngồi lâu một chút được. Cậu chờ mà xem, nếu mình mà mời được hai nàng tiên này đi ăn tiệm nơi đây, thì những người cùi bên Cà lao Rông hết cùi cho coi.

— Còn ở Saigon ?

— Thôi bỏ đi Tâm ! Sức mẩy mà mời hoài được !

Cả hai cùng cười và bước xuống xe. Thấy cửa khép hờ, Huy đẩy bước vào. Một con chó Nhật lùn tịt chạy ra vẫy đuôi rồi rit. Toàn bước vào theo. Con đường lát si măng đưa thẳng tới hàng hiên phòng khách. Hai bên

MỘT NGÀY TRONG THÀNH PHỐ

đường viền cỏ xanh mượt. Huệ đang ngồi coi sách. Nàng ngừng lên khi Huy và Toàn bước lên thêm.

— A, anh Toàn. Anh xuống hôm nào thế ? Anh Huy !

Toàn cười :

— Tôi vừa mới tới và vội đến đây ngay để trình diện.

Huệ nguyệt và mời :

— Các anh ngồi chơi.

Huy thủng thẳng hỏi :

— Còn Lan đâu ? Có nhà không ?

— Có. Đang bận dưới nhà !

— Làm bếp chẳng ?

Huệ lắc đầu :

— Không phải.

Huệ chợt đứng dậy :

— Để Huệ xuống kêu Lan nó lên nhé !

— Thôi cô ấy đang bận cứ để tự nhiên.

Huệ nói nhỏ :

— Kể ra thì cũng chẳng hần gì. Lan nó đang giặt quần áo.

Huy cười :

— Ngỡ gì !

Ngay lúc đó Lan từ buồng trong bước ra. Tóc nàng búi ngược trên đầu, tay áo vén cao, bàn tay ướt. Nàng vụt kêu lên : « Anh Huy, anh Toàn » rồi thụt lui vào nhà trong ngay. Huệ cười :

— Nó mắc cỡ đó. Chắc cô nàng ở dưới nhà loáng thoáng nghe có người nói chuyện, nên lên để coi là ai.

Mấy phút sau, Lan ra phòng khách với bộ quần áo khác, tóc đã chải lại. Nàng ngượng ngịu nói :

— Em đang giặt quần áo.

Toàn cười :

— Thì có gì lạ đâu. Bọn tôi cũng thường giặt quần áo lấy đấy chứ. Bây giờ nếu

Ding

midol

1360 / BY.TV / D.H.D.C.

tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Ding **midol**

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

MỘT NGÀY TRONG THÀNH PHỐ

đưa thợ giặt, mỗi bộ 17 đồng đấy. Thôi thì giặt ở nhà và ủi lấy vậy. Cho đỡ tốn.

Huệ lên tiếng :

— Các anh tiết kiệm tiền giặt quần áo, thì lại phung phí vào la de hết chứ gì. Đâu cũng vào đấy cả.

Toàn lắc đầu :

— Đạo này bọn tôi cũng chả dám đi quán nhiều nữa. La de trước có 15 đồng rồi hai mươi đồng một chai, từ khi thuế đánh cao lên, bây giờ mỗi chai 30 đồng rồi. Lên giá 50%. Còn ở tiệm nước nhỏ thì có chỗ 23, có chỗ 24, mà cũng có chỗ tính 25 đồng. Uống xong khi trả tiền thấy xột ruột.

Huy nói tiếp :

— Hồi trước bọn này uống xong nhìn đồng võ chai 33 mà thấy khoái. Bây

giờ thì chả dám. Mỗi lần uống mỗi lần đếm nhâm chai. Uống chưa say, tiền đã cạn. Bực cả mình.

Lan tủm tỉm cười :

— Còn lương lên mấy chục phần trăm thì sao ?

Toàn xua tay :

— Xin lỗi. Lên độ 2, 3 chục phần trăm, nhưng đồ ăn, thức uống, vật dụng lại leo thang vượt mức. 100 phần trăm. Hai trăm phần trăm. Lương lậu sức mà chạy theo cho kịp.

Huy cười :

— Chỉ còn cách, mỗi tháng tuyệt thực chừng 15 ngày là ngon lành nhất. Thế nào cũng dư tiền.

Lan bĩu môi :

— Sợ anh bắt chước người khác không nổi. Lỡ rồi tịch luôn thì mệt.

Toàn đứng lên :

MỘT NGÀY TRONG THÀNH PHỐ

— Thôi, nãy giờ chúng mình nói chuyện đầu đầu ấy. Bọn tôi sáng mai về Saigon rồi, vậy chiều nay chúng tôi mời Huệ và Lan đi ăn tối. Vào khoảng 7 giờ bọn tôi lại đón O.K. ?

Huệ nhăn mặt :

— Ý không được đâu. Kỳ chết. Ba không cho đi đâu.

Lan nói nhỏ :

— Đi kỳ thiệt anh à. Rồi người này nói ra người kia nói vào. Nếu như ở Saigon thì bọn này đi ngay không từ chối.

Huy cũng đứng lên :

— Cứ đi đại đi.

Lan lắc đầu quây quây :

— Không được. Không nên. Thôi hẹn hôm nào gặp nhau tại Saigon đi. Bọn em nói thiệt đó.

Toàn gạt đầu :

— Cũng được. Không sao. Thôi bây giờ bọn này đi ăn cơm. Tối nếu rảnh bọn này tới chơi.

Cả Huệ, Lan tiễn hai người ra tới cửa và khi xe Jeep chạy đi rồi mới đóng công trở vào. Ngồi trong xe Huy cười bảo Toàn :

— Đấy, toa thấy không. Ở tỉnh nhỏ các em phải giữ gìn, kỹ vậy đó. Kể cũng rầu rầu heng! Thôi bây giờ đi ăn cơm nhé!

Chiếc xe lượn ra phía bờ sông, dọc theo công trường Lạc Hồng, ngoẹo tay mặt tới quán Cửu Long. Gọi hai chai 33 và kêu thức ăn, cả hai ngồi nhìn ra hướng sông. Một dãy tàu của Hải quân nhấp nhô theo làn sóng vỗ. Chợt có một thanh niên tiến lại chỗ Huy ngồi,

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360 B.V.T./D.B.C.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

đứng nghiêm hỏi nhỏ :

— Xin hỏi thầy, có phải thầy là thầy Huy không ạ.

— Vâng, tôi đây. Huy ngạc nhiên gật đầu.

— Em là Tiên đây mà. Trước em học ở lớp thầy dạy tại Kiến Phong.

Huy vỗ vai Tiên gật đầu :

— Tôi nhớ ra rồi. Em lên trên này có việc gì thế ?

— Dạ, thưa thầy em theo đội ban của tỉnh nhà lên dự ngày Lễ Thao của Miền ngày mai.

— Thế à ! Em đi với ai thế. Ngồi đây uống cái gì đi.

— Em xin cảm ơn. Em đang ngồi với mấy bạn đồng kia. Thôi xin phép thầy em về.

— Ở em về nhé !

Khi cậu thanh niên đi rồi, Toàn lên tiếng phê bình :

— Kể ra kiếm được một học trò lớn bằng mình mà vẫn một điều kêu thầy xưng

em, hai điều thầy xưng em vào thời buổi này, cũng hiếm đấy nhỉ.

Huy mơ màng :

— Hồi mình dạy ở Kiến Phong học trò mèn mình lắm. Khi mình về Saigon, mình cũng thấy luyến tiếc.

Thức ăn được mang ra, Huy nói :

— Thôi bọn mình ăn no rồi về đi ngủ trưa một mạch cho đỡ mệt. Bọn kia chắc còn đang chiến đấu hăng say. Kệ họ đó, chiều mình tới đón Xuyên và Thảo đi chơi, không lại mang tiếng là có xuồng Mỹ Tho nhưng chẳng biết phải xe là gì. Ai có hỏi tại sao chẳng lẽ thứ thật còn mãi đánh tổ tôm.

— Với Bạch định, Tóm, lèo, Toàn nói tiếp.

Cả hai nhìn nhau mỉm cười và nâng ly uống cạn... Gió ngoài sông thổi vào mát rượi...

☪ *

SÁCH BÁO MỚI

Δ **Dấu Hạ.** — Bảy bài thơ của Hoài-dạ-Linh. Trần-dạ-Lữ, Trần-uyên-Từ, Hoa đêm. Máy-ngàn xuất bản, Huế.

Δ **Quê-Hương.** — số 12 và 13. Tháng 2 và 3-1966 do Hội Sinh viên Việt-Nam tại Nhật-Bản biên tập. và ấn hành. Có những bài : Việc học và tinh thần chúng ta (Nguyễn-Mĩ), Hiến Pháp Minh Trị (Nguyễn Ngọc) Tiên (Bùi-Mạnh-Đức), Những kẻ chết không mồ mả (J.P. Sartre — Lê-trường-Sa dịch và chú thích)

Thơ của Đào-hữu-Dũng. V. Ngọc T. Các dương, và nhiều bài khảo cứu có giá trị.

Trình bày : Ng. thị Bạch-Tuyết, Lại-văn-Khiết, Võ-văn-Nhuận, Vũ-thư-Thanh, vv...

Quây ronéo, sạch sẽ, sáng sủa, dễ thương. Tòa soạn : 862, Rabama. Cho, Meguro-Ku-Tokyo.

Đào-hữu-Dũng, Trưởng ban Văn-hóa H.S.V.V.N.T.N.B phụ trách biên tập.

Δ **Quê hương Máu và Nước Mắt.**

Thi tuyển của Nguyễn-Lệ-Tuân.

Cung-Thương miền Nam xuất bản. Quây Ronéo.

Những người sinh ra, lớn lên, sẽ chết và sống sót trong chiến tranh, tìm đọc

Thăng Người

Tập truyện thứ 2 sau truyện dài Cải-Tàng (1962) của PHẠM - QUỐC - HÙNG

Đề soi mặt thân phận mình, thân phận Quê-Hương.

Đề tự khóc và cười cho chính mình một lần.



Tuyên dài tình cảm : * THÂM - THỆ - HÀ

(tiếp theo P.T. 180)

Hoàng gật đầu khoan khoái như vừa tìm ra được chân lý :

— Như vậy Phụng vì mình hơn là vì người.

Phụng thấy hứng cũng đâm ra triết lý vu vơ cho chuyện có vẻ đậm đà :

— Phụng vui sau cái vui của thiên hạ, đâu có thể gọi là vì mình được. Có lẽ vì người trước, vì mình sau mới đúng.

— Triết lý đó, Phụng rút ở đâu ra mà hay ho vậy ? Phụng làm ra vẻ mừng rỡ như đứa trẻ được khen :

— Hay thì ạt sao cậu ? Triết lý của cậu dạy Phụng đó mà.

— Hay thì có hay nhưng thực hành thì rất khó. Cậu xem Phụng khó thành chánh quả lắm đó.

— Sao lại khó, hở cậu ?

— Như cậu thích đi ciné với những cô « áo xanh, áo tím », Phụng có vui không ? Phụng có tập thích cái sở thích ấy của cậu không ?

Đang vui vẻ, Phụng bỗng xịu mặt xuống mắt thoáng giọt u buồn.

Giọng nàng như trách móc :

— Sao cậu cứ nhắc áo xanh, áo tím hoài vậy ?

— Nhắc đề thử Phụng vậy mà. Cậu muốn thử xem căn tu của Phụng đã tiến đến mức nào rồi. Phụng hãy trả lời đi chứ.

Phụng trầm ngâm có vẻ nghĩ ngợi. Hoàng lặng ngắm Phụng trong cái dáng trầm tư ấy và thấy nàng mảnh mai, u buồn như cây liễu. Lối so sánh đó khuôn sáo, cũ kỹ quá rồi nhưng Hoàng thấy nó gợi tả và xứng hợp với Phụng. Cương mặt đều đặn, làn môi không mọng đỏ nhưng có duyên, nước da không trắng nhưng mịn môi. Nổi bật nhất là đôi mắt : cả một vũ trụ huyền diệu gợi cảm. Dáng người thanh thanh, đường nét nhịp nhàng nhưng còn rụt rè trong độ phát triển. Hoàng có ý nghĩ so sánh Phụng với Hạnh. Phụng yếu đuối mà Hạnh thì tràn đầy sinh lực. Phụng thùy mị e lệ, Hạnh dạn dĩ, khêu gợi. Hai thể chất ấy chắc phải chứa đựng hai tâm hồn tương phản.

Phụng hơi ngẩng lên, giọng ngập ngừng :

— Phụng bao giờ cũng muốn cho cậu vui. Có lẽ rồi Phụng phải tập thích cái sở thích ấy của cậu, nếu xét ra cái sở thích ấy chánh đáng và nếu Phụng có đủ nghị lực và can đảm.

Hoàng mỉm cười :

— Lại còn những chữ « nếu » à? Phượng xem đó : vui sau cái vui của người có phải dễ lắm đâu. Những bậc triết nhân còn biết thi hành được chưa ; thi hưởng hồ là một cô gái ngây thơ như Phượng.

Phượng đáp với giọng đầy tự tin:

— Có thể rồi Phượng sẽ khổ tâm như cậu nói, nhưng mà Phượng sẽ cố gắng để vượt qua tất cả. Vượt không được thì Phượng đành chịu khổ một mình, khổ mà không ăn hận đâu là khổ đến trọn đời.

Hoàng thấy xúc động tr ước lời nói thành thật như là một sự thổ lộ tâm tình. Ở con người mảnh mai yếu đuối ấy có một nghị lực tinh thần đáng mến, một tấm lòng chân thành đáng quý, một cái gì gọi sự xót xa quyến luyến không nguôi. Chàng thấy cần phải đáp lại nàng bằng sự chân thành. Chàng tìm lời để giải tỏa mọi thắc mắc ở lòng nàng thơ nữ đáng thương kia :

- Bây giờ cậu hỏi thật, Phượng có tin cậu không ?
 - Phượng không tin cậu thì còn tin ai ?
 - Phượng có mến cậu như Lệ-chi yêu mến cậu không?
- Phượng e lệ đáp khẽ :
- Điều đó chắc cậu đã biết rồi.
- Hoàng ôn tồn tiếp :
- Phượng có sợ cậu sa ngã hay không ?
 - Phượng sợ... Phượng rất sợ...
- Phượng vừa đáp vừa bẽn lễn nhìn Hoàng như âm thầm

Đing midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ TÂM DƯỢC

kin đáo dò xét. Hoàng hiểu ý nàng nên vẫn tiếp với giọng nghiêm trang :

— Cậu cảm ơn Phượng đã lo lắng cho cậu. Cậu là con người lý tưởng, cậu không thể nào sa ngã đâu. Một dịp nào khác, Phượng sẽ hiểu rõ lý tưởng của cậu. Hay là Phượng sẽ hiểu cậu qua hành động.

Mắt Phượng sáng lên, biểu lộ niềm vui trong sáng. Nàng nhìn thẳng vào mắt Hoàng :

— Phượng rất tin cậu, nhưng...

Hoàng mỉm cười dễ dãi :

— Nhưng sao, hở Phượng ?

— Nhưng có nhiều khi Phượng vẫn e ngại, lo sợ mỗi khi cậu đi suốt đêm mà không về. Phượng lấy làm lạ tại sao nhiều cô gái cứ đeo đuổi theo cậu, làm như cậu là miếng mồi ngon của họ. Phượng ngạc nhiên thấy cậu giao thiệp với nhiều người mà, theo sự nhận xét của Phượng, họ có tác phong không đúng đắn. Như thế, Phượng làm sao an tâm được.

Lần này tới phiên Hoàng ngạc nhiên. Chàng không ngờ lâu nay Phượng chẳng những lo săn sóc cho chàng mà còn lưu tâm đến nếp sống bất thường của chàng nữa. Lệ-Chi là cháu ruột mà không hề có cử chỉ, ngôn ngữ chân thành thiết tha như thế. Vậy mà lâu nay chàng chỉ xem Phượng như trẻ con chỉ biết ngoan ngoãn vâng lời, luôn luôn thụ động một cách khả ái.

Hoàng muốn tỏ cử chỉ triu-mến hơn để an ủi nàng

Đing midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ TÂM DƯỢC

— và để cảm ơn nàng nữa — nhưng chàng chỉ vung về đưa tay vuốt nhẹ mái tóc nàng như bàn tay dịu dàng của người mẹ đang vỗ về đứa trẻ thơ thích làm nũng. Mặc dầu vậy, Phụng cũng cảm thấy sung sướng và nàng nghe như từ bàn tay ấy truyền sang cho nàng một nguồn hy vọng chan chứa và một niềm tin bao la.

Hoàng thấy cần phải cởi mở ít nhiều :

— Phụng có những lý do rất chính đáng để lo sợ giùm cậu. Giờ đây có thể nói là cậu mới bắt đầu thông cảm nỗi băn khoăn của Phụng. Nhưng cậu khuyên Phụng chỉ nên lo học, nên vui đùa hồn nhiên thơ thới tận hưởng tuổi xuân. Phụng nên nhớ rằng người con gái vô tư dễ tìm lấy hạnh phúc. Kể đã cảm hay vương họa vào thân. Phụng đã học Truyện Kiều, chắc đã nhận ra điều ấy rồi chứ !

Phụng đưa tay lên vén tóc, mắt nàng sáng rỡ như cùng cười với nụ cười chớm nở trên môi :

— Vô tư hay đa cảm, là bản tính tự nhiên, nào có phải muốn hay không muốn mà được. Riêng Phụng có lẽ Phụng đã cảm, nhưng cậu thấy Phụng vẫn lo học, và vẫn vui đùa với các bạn. Có điều lạ là qua lúc vui đùa, Phụng lại cảm thấy băn khoăn rồi nỗi buồn lại len lỏi vào lòng Phụng. Làm sao cho hết buồn, hỡi cậu ?

● Một cơn gió từ bên ngoài thổi vào làm cho Phụng rùng mình. Nàng cảm thấy mình lạnh ở thể xác ít hơn là lạnh ở tâm hồn. Chiếc đồng hồ treo trên tường thong thả

Đường midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

buông mười một tiếng ngân nga. Phụng vội đứng lên dịu dàng nói :

— Thôi, Phụng lên gác. Chúc cậu đêm nay được nhiều mộng đẹp.

Phụng đi rồi, Hoàng cảm thấy như còn làn hương vương lại, phảng phất đầu dây.

CHƯƠNG II

Tiếng chuông trường reo liên tiếp hai hồi báo hiệu đến giờ vào học.

Hoàng đợi cho học sinh vào lớp ngồi yên đầu đó, mới thong thả xách cặp bước vào. Cả lớp đứng dậy chào thầy. Chàng đưa mắt nhìn qua một lượt khắp lớp theo thói quen xem có học sinh nào vô lễ không chịu đứng lên hay không. Đây là kỷ luật hơi khắc khe của chàng; vì các giáo sư khác thường dễ dãi, để mặc học sinh muốn chào hay không chào tùy ý. Quan sát xong chàng tươi cười bảo :

— Các em ngồi xuống.

Chàng là người miền Nam nên không quen dùng chữ « Các anh chị » như các giáo sư miền Bắc di cư. Chàng cho lời gọi « Các em » có vẻ thân mật và hợp lý nên chàng không chịu sửa đổi cách xưng hô.

Hoàng ngồi xuống ghế và chàng trở mắt ngạc nhiên thấy một hàng chữ trên bàn giáo sư :

Đường midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY
136C/BYI/DPDC.

« Giáo sư Hoàng 35 ».

Con số 35 viết to tướng như choáng cả mặt bàn. Mặt Hoàng đỏ bừng lên vì giận. Chàng biết lũ học sinh tinh nghịch phá phách các giáo sư khác đã thêm, bây giờ chúng định phá đến chàng; người mà từ lâu chúng kiêng nể nhất trường vì tác phong nghiêm trang đứng đắn.

Chàng nhìn xuống phía học sinh, mặt đảo quanh tìm thủ phạm. Cả lớp Đê-nhi, gái lẫn trai đứa nào cũng chòng ngòng, đứa nào cũng ra vẻ ngoan ngoãn, nhưng đôi mắt nhiều đứa như ánh lên nụ cười ranh mãnh. Chàng cất giọng rung rung:

— Em nào viết bậy trên bàn thầy đây ?

Cả lớp đều im lặng. Vài cái cùi chó thúc hong những đứa bạn ngồi cạnh. Vài nữ sinh thao thao mắt nhìn nhau môi hơi nhếch nụ cười bí mật. Hoàng chợt nhớ đến cuốn phim « Bầy thú trước băng đen » mà chàng đã xem từ lâu. Ảnh hưởng nguy hại của phong trào thanh thiếu niên ham phá phách hơn ham học tập đã lan tràn khắp Anh, Mỹ, Pháp, Nhật, giờ đã xâm nhập vào Việt-Nam như một chứng bệnh truyền nhiễm không thể ngăn ngừa. Mặc dầu chàng đã ý thức trước tình trạng và cố gắng chặn đứng nó trong phạm vi ảnh hưởng của chàng, nhưng rồi cũng không thể nào tránh khỏi.

Hoàng cố lấy lại sự bình tĩnh để khéo léo đối phó. Nhưng một bất ngờ khác làm chàng đánh mất sự ôn hòa. Chàng chợt bắt gặp hai câu thơ bằng phấn trên băng đen:

*Đêm qua dưới ánh trăng vàng :
Bên em tò ti... bên Hoàng tò te...
Be he l*

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/011/0004

Lần này chàng vừa giận dữ, vừa ngạc nhiên, vừa kinh hãi. Rõ ràng chúng muốn ám chỉ sự kiện đêm qua. Bên em tò ti : ám cô bé và chàng thanh niên bên kia băng. Bên Hoàng tò te : ám chỉ Hoàng và Lan, Hạnh. Có lẽ đứa nào đã trông thấy cảnh ấy và đã hiểu lầm chàng. Chúng cố tình lột cái mặt nạ đạo đức của chàng, cố tình phá vỡ những cảm tình giả dối mà chúng đã gượng gạo giành cho chàng bấy lâu. Cuộc đả-phá bắt đầu quyết liệt.

Mặt Hoàng từ đỏ biến ra xanh. Con giận đã lên đến cực điểm khiến cho mặt chàng biến sắc lần thứ hai. Chàng thét to để lẫn áp những tiếng xi-xào bắt đầu nổi dậy và lan nhanh từ đầu bàn đến cuối lớp :

— Mấy em đã có những hành động thiếu suy xét. Mấy em muốn ám chỉ gì khi viết mấy câu thơ đáng tởm ấy ?

Không khí lớp học đang chuyển động dữ dội. Những gương mặt có vẻ ngoan ngoãn bỗng trở nên tinh quái lạ thường. Một giọng khinh khỉnh từ cuối lớp vang lên như một tiếng sét đánh vào tai Hoàng :

— Đáng tởm thật !
Một giọng khác tiếp theo :

— Đạo đức giả !
Như được trôn, bao giọng khác nổi lên đồn dập như những loạt đại bác tấn công vào thành trì đang chuyển động và sắp sụp đổ.

— Đả đảo đạo-đức giả.
— Đả đảo giáo sư 35.
— Đả đảo...
— Đả đảo...

(Còn nữa)

Chức Nữ Đao

Δ Của Ô. Bùi-hữu-Nghĩa Bình Đại, Kiến Hòa

A— Tôi có một ông bạn ở xa về nói rằng : mấy lần trước các Phi hành gia Nga — Mỹ đều thất bại trong việc lên không gian Lý do : Các ông ấy ăn thịt cá, nên không hợp với trên thượng tầng không khí. Sau này được thành công là nhờ thay thế vào mấy Phi hành gia ăn chay trường. Nhờ họ không ăn mặn nên hợp với khí thanh của vũ trụ.

Yêu cầu cô giải thích có đúng hay không ?

B— Tôi có đọc một cuốn sách tựa đề là « *Hư không đạo* » ở trang 127 nói như vậy : Đất ở Mặt Trăng rất xốp, mà hằng tháng nó chuyển cho tròn dề rơi vào quả địa cầu nhứt là ngày 16 âm lịch thì nó lại rớt ra từ cục đất. (hiện cuốn sách đó tôi còn giữ) xuất bản ngày 19-5-65.

Thưa cô chúng tôi bàn tới cái lui rồi phần đông cho là đúng bởi vì « đó là sách. »

Vì chúng tôi hoang mang chẳng biết ra sao, vậy yêu cầu cô giải thích dùm cho chúng tôi và các độc giả khác để biết phần nào sự thật về khoa học. Đây cũng không phải là không có bổ ích.

B.H.Nghĩa

Đáp : 1.— Không đúng.

2.— « Đất » mặt trăng xốp thì đúng. Nhưng về đoạn sau, thì những thí nghiệm quan sát của các phi thuyền Nga-Mỹ trong mấy tháng vừa qua không có chứng minh điều đó.

● Của Ô. Xuân Tấn, Qui Nhơn

Trong Cung-Oán ngâm khúc có câu :

— *Mượn điều Thất tịch mà thờ Bách niên* .

Thất tịch là đêm Mồng Bảy tháng Bảy. Là đêm Ngưu Lang, Chức Nữ mới được Thượng Đế cho gặp mặt nhau một lần của mỗi năm trên sông Ngân Hà do bầy Ô Thước bắt cầu.

THƯ BAN ĐỌC

Tôi đã thức trắng đêm « Mồng 7 tháng 7 » năm giữa trời để xem Sao « Hai ông bà ». Nhưng hoàn toàn chẳng thấy gì cả.

Nhờ cô căn cứ trong sự việc nào và có thật hay không, giải đáp trên mặt báo Phổ Thông số tới.

Thành thật cảm ơn Cô.

Qui Nhơn ngày 27-8-66

Xuân Tấn

(Công chức Ty.Ngư nghiệp Qui nhơn)

Đáp : Chuyện Ngưu Lang Chức Nữ chỉ là một sự tích của thần thoại Trung Hoa (mythologie chinoise), không có thực tế. Sao *Ngưu lang*, theo Thiên văn học, là một trong chòm sao Thiên Ưng (Constellation de l'Aigle ở cuối « Sông Ngân Hà » về hướng cực Bắc (Hémisphère Boréal). Sao *Chức nữ* chính là sao *Véga* ở phía dưới « Sông Ngân Hà » cũng gọi là sao *Lyre* (Thiên Cầm). Từ chòm sao *Cygne* (Thiên Nga), « Sông Ngân Hà » chia ra hai nhánh. Sao *Ngưu Lang* (Aigle) ở nhánh trên, sao *Chức Nữ* (Véga) ở nhánh dưới. Dĩ nhiên là hai sao ấy không thể nào gặp nhau được. Sự tích của Tàu nói rằng đêm Mồng 7 tháng 7 hai sao đó gặp nhau là hoàn toàn sai với sự thật của thiên văn học. Nhân tiện, cũng xin nhắc lại đề ông rõ rằng « Sông Ngân Hà » (La Voie Lactée, The Milky Way) là hình dáng mập mờ của hằng hà sa số triệu triệu ngôi sao, gọi *Galaxie*, — các « bụi sao », kết thành một dải sao lấm tấm từ Nam Cực đến Bắc Cực.

Δ Của Cô Trần thị Thu Biên Hòa

... 1.— Xin chị giải đáp hộ giúp em chuyện như sau : Một cây đi lần đầu tiên có trái, nếu 1 người chưa lập gia đình đến hái trái, thì về sau cây đi sinh những trái nứt nẻ mà người ta gọi là ghẻ. Còn người đã lập gia đình rồi đón hái trái đi lần đầu tiên đó không sao cả.

THƯ BẠN ĐỌC

Thưa chị ! em muốn biết vì sao người chưa lập gia đình hái lại trái đi bị nứt ? — Còn người lập gia đình rồi lại không sao ?

Đây là câu thứ nhì :

2. — Em nghe nói người con gái còn trinh đến hôn trái đu đủ, thì trái đu đủ đó tự nhiên rình mủ ngay chỗ vừa hôn.

Thưa Chị, với khoa học ngày nay người ta có giải thích hộ những câu như em hỏi không hả chị. Em kính nhờ chị giải đáp hộ trên mặt báo Phở Thông...

Em

Trần thị Thu (Biên Hòa)

L. D. H. — Xin nhờ bạn đọc trả lời dùm hai câu hỏi trên của cô Trần thị Thu.

* Cửa bạn Đào - trang - Châu, Gò Công

Em là một độc giả rất mến của chị, và em đã từng đọc say mê những tác phẩm của chị, những bài thơ do chính chị sáng tác hoặc đã dịch bài của các nhà văn ngoại quốc. Em thích nhất là tập thơ « Hoang vu » và truyện « Mồ Hôi Nước Mắt » của N. V.

Hôm nay em xem lại những số Phở Thông khởi đầu và em rất ngạc nhiên khi thấy một số bài của Thi Văn Đoàn Trúc-Vân trong Giải Phẩm đầu Xuân Ất-tỵ đều trích trong Phở-Thông ra cả. Nhất là cuốn Phở Thông số 6 (xuân Kỷ Hợi). Chẳng hạn như tác phẩm *Xuân về với Thi nhân Á Đông* của ông Phạm Công Thiện & Giải phẩm của Thi văn Đoàn Trúc Vân lại là Mạc thị Huyền Lan tất cả lời và ý đều giống như là chép, có thể nói là không khác nhau một cái phốt. Nhất là những bài Văn sưu tầm tất cả đều giống trong các số Phở Thông và những bài Văn « cộp » ấy thường ký tên là Mạc Thị Huyền Lan. Có rất nhiều bài mà khi đọc em lấy làm tức vì đó là những bài đã in trong Phở Thông. Thí dụ như vài *câu đối tết* của Tô Kiều Phương sưu tầm cũng được rước vào Giải phẩm xuân của Thi văn Đoàn Trúc Vân dưới hình thức là *Câu Đối Thường Xuân* và cũng ký tên là Mạc thị

THƯ BẠN ĐỌC

Huyền Lan và bài này lại ăn cắp một cách « trắng trợn » hơn nữa nghĩa là giống y như một khuôn đúc ra.

Thưa chị Diệu Huyền, Em đã quý mến Phở Thông từ lâu rồi em tự hỏi lại sao lại có những người in bài trong Phở Thông ra mà không đề là : « Trích Tạp chí Phở Thông » mà lại đề tên tác giả khác.

Các bạn em cho là đã « có sự thỏa thuận giữa Phở Thông và Thi văn Đoàn Trúc Vân » Em phản đối ý kiến đó nhưng vì yếu hế em đành phải cầu cứu với chị. Em không mong gì hơn nữa. Kính chúc chị và ông Tú được muôn ngàn hạnh phúc.

Kính chào chị

Đào Trang Châu

Gò Công

T. B. Nếu chị cần, em sẽ gửi Giải Phẩm xuân của Thi Văn Đoàn Trúc Vân đến cho chị xem.

Đáp. — Cảm ơn em. Nhưng em khỏi cần gửi, chị cũng khỏi cần xem. Mến.

Hỷ - Tín

Thành thật chia vui cùng anh chị Đình-Tấn.Hùng, Giáo-sư Quảng-Ngãi, nhân dịp lễ đính hôn của cháu ĐÌNH-TẤN-NHÂM cùng có TÔN-NỮ THỊ DIỆU, trưởng nữ của ông Bà Tôn-thất Hàng, Dalat, cử hành tại Dalat ngày 1-10-1966.

Thân mến chúc mừng hai cháu.

NGUYỄN-VỸ

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● ĐIỀU-HUYỀN

- * Ô. Phạm-văn-Huyền, Bộ Chiêu-Hồi
Ô. Lý-Lang, Cam-Ranh
Ô. Hoài-Nhung, Giáo-sư Cao-Thăng, Sài Gòn
Cô Thanh-Thanh, Đại-học khoa-học Sài Gòn

Xin trả lời chung bốn bạn cùng hỏi một câu đại-khái như nhau:

Tên những Phi-hành-gia Nga và Mỹ, cùng tên các phi-thuyền, ngày tháng, năm đã thực-hiện những cuộc thí-nghiệm bay lên thượng-tầng không-khí, dự-bị mục-phiêu cuối cùng : đổ bộ lên Trăng :

- 1) ● 12-4-1961.— Yuri Gagarine (Nga) là người đầu tiên bay lên Thượng tầng không gian trong phi-thuyền *Vostok I*. Bay 1 vòng quỹ-đạo, lâu 1 giờ 48 phút.
- 2) ● 6-8-1961.— Gherman Titov (Nga). *Vostok II*. 17 vòng. 25 giờ 18 phút
- 3) ● 20-2-1962. — John Glenn (Mỹ) *Mercury-6*. 2 vòng. 4 giờ 55 phút
- 4) ● 24-5-62. — Scott Carpenter (Mỹ) *Mercury - 7*. 3 vòng. 4 g. 56 ph.
- 5) ● 11-15 tháng 8 1962.— Andrian Nicolayev (Nga) *Vostok III* 64 vòng. 94 g. 27 ph.
- 6) ● 12-15 tháng 8 - 1962. — Pavel Popovitch (Nga) *Vostok IV* 48 vòng. 70 g 29 ph.
- 7) ● 3-10-1962. — Walter Schirra (Mỹ) *Mercury-8*. 6 vòng. 9 g. 13 ph.
- 8) ● 15-16 tháng 5 1963.— Gordon Cooper (Mỹ) *Mercury-9* 22 vòng. 34 g 19 ph.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

- 9) Δ 14-19 tháng 6-1963.— Valery Bykovsky (Nga) *Vostok-V* 81 vòng 119 g. 6 ph.
- 10) Δ 16-19 tháng 6-1963. — Cô Valentina Terechkova (Nga) *Vostok VI* 48 vòng. 70 g. 50 ph,
- 11) Δ 12-13 tháng 10 - 1964. — 3 người : Vladimir Komarov Constantin Feoktiskov và Boris Yegorov (Nga) *Voskhod I*, 16 vòng 24 g. 17 ph.
- 12) Δ 18-19 tháng 3-1965.— 2 người : Alexei Leonov, và Pavel Belyaiev. *Voskhod-II*. 17 vòng. 26 giờ 2 phút.
Lần đầu tiên, Leonov ra khỏi phi-thuyền, đi trong không gian 10 phút.
- 13) Δ 23-3-1965. — 2 người : Virgil Grissom và John Young (Mỹ). *Gemini-3*. 3 vòng. 4 giờ 54 phút.
- 14) Δ 3-7 tháng 6-1965.— 2 người : Edward White và James Mc Divitt (Mỹ), *Gemini-4*. 62 vòng. 97 giờ 58 phút
White ra khỏi phi-thuyền, đi trong không-gian 20 phút.
- 15) Δ 21-29 tháng 8-1965.— 2 người : Gordon Cooper và Charles Conrad (Mỹ) *Gemini-5*. 128 vòng. 190 giờ 59 phút.
- 16) Δ 4-17 tháng 12-1965.—
2 người ; Frank Borman và James Lovel (Mỹ) *Gemini - 7* 220 vòng 350 g. 35 ph. (Bay lâu nhất)
- 17) Δ 15-16 tháng 12-1965.—
2 người : Walter Schirra và Thomas Stafford (Mỹ) *Gemini-6* 17 vòng. 25 g. 55 ph.
Lần đầu tiên, 2 phi thuyền Mỹ trên đây hẹn gặp nhau trên không gian. Ngày 16-12. *Gemini-7* và *Gemini-6* đi gần nhau cách 30 centimètres và bay song song trong 5 tiếng đồng hồ, thực hiện đúng theo chương trình đã hoạch định trước.

18) Δ 17-3-63. — 2 người : Neil Armstrong David Scott (Mỹ). Gemini - 8 : 10g. 35 ph.

Lần đầu tiên, thí nghiệm phi thuyền Gemini - 8 gặp hỏa tiễn Agena và đã móc nối được với Hỏa tiễn, Nhưng máy trục trặc, phải tách ra.

19) Δ 12-9-1966. Gordon và Conrad (Mỹ) Gemini 11. 3 ngày (12-13-14).

Lần đầu tiên, sự móc nối một phi thuyền vào một hỏa tiễn được thành công hoàn toàn mỹ mãn :

13 g 05, phóng Hỏa tiễn Agena lên trước. 14 g 42, phóng Phi thuyền Gemini 11. 16 g 02, Gemini 11 gặp Agena, 16 g 16, Gemini 11 móc nối Agega.

Cũng lần đầu tiên, một phi thuyền chở 2 người đã bay lên khỏi địa cầu đến một mức độ cao hơn hết từ trước đến nay : 1400 cây số.

★ **Bạn Mai-phương-Hải, 528/5 Phan thanh Giàu.**

Trái với Âu-dược thường dùng khoáng-vật, Đông-dược chuyên dùng thực-vật, (thảo mộc), trừ một vài loại khoáng-chất như Châu-sa (Đơn-sa, thân-sa) phèn-chua, v.v... Âu-dược cũng dùng Châu-sa (cinabre) làm pommade xức ngoài da. Châu-sa là một loại sulfure của thủy-ngân (Mercure), thuốc Bắc cũng dùng xức ghê, lở, lại còn cho uống như một linh-dược (cho nên có nhiều ông Lang gọi nó là Linh-sa) trừ các chứng điên, mê-sảng v.v...

★ **Em Hoàng-Chức-Nguyên, Trần-q. Tuấn, Quảng-Ngãi**

Muốn mượn quây ronéo một tập thơ đề xuất bản, em nên hỏi ngay các nhà chuyên môn quay ronéo. Chị không được biết rõ về giá cả. Có thể quây vài ba trăm tập cũng được.

Muốn in, ít nhất cũng phải 1 vài ngàn quyển nhưng giá mắc lắm.

★ **Bạn Huấn K.B.C. 4775. Dakut.**

Bài thơ « Cùm sóng Âu-Châu đập cái dùm,
« Tan gan nát ruột kẻ anh hùng... »

.....
v.v... ..

do một kẻ vô-danh nào đó làm ra, chứ chắc chắn không phải của Cụ Phan Bội Châu.

Thơ cụ Phan khí-khải, dong-mãnh, không nhu-nhược như giọng thơ này.

★ **Ban Đ G. Hoàng Hoa Thám, Đà Lạt**

— Chữ « Quốc-ngữ » của ta đang dùng hiện nay là do một nhóm giáo-sĩ Thiên-Chúa, dùng mẫu-tự la-tinh mà đặt ra, vào khoảng Thế kỷ XVI và XVII. Nhóm giáo-sĩ ấy quê ở Bồ-đào-Nha và Pháp, do Giáo-hội La-mã phái sang truyền Đạo ở xứ ta, dưới thời Nhà Lê, Chúa Trịnh.

Ông Alexandre de Rhodes, Giáo-sĩ, quê ở tỉnh Avignon, Pháp. (Sinh năm 1591, chết tại Ispahan năm 1660), là người có công nhiều nhất trong việc phát-minh, và hoàn-thành hệ-thống Chữ Quốc-ngữ như ta đang dùng ngày nay. Ông được phái sang Việt nam lần đầu tiên năm 1624, dưới thời vua Lê-Thần-Tôn, Chúa Trịnh-Tráng. Bị Chúa Trịnh-Tráng trục xuất năm 1645, ông trở về La-mã.

— Ngày 7-8- Giáp thân = Ngày thứ Bảy, 23-9-1944. (22 tuổi)

— Ngày 7-8- Giáp thân = Ngày thứ Năm, 25-9-1884 (82 tuổi)

★ **Ô. Hoàng-Sa, Qui-Nhon.**

Xin ông chịu phiền theo dõi P.T. (đến tiệm sách xem), thì biết bài của ông có đăng được hay không. Hiện tòa soạn còn đến hàng trăm bài của bạn đọc, chúng tôi không có thì giờ viết thư riêng cho từng bạn gửi bài. Mong ông thông cảm.

★ **Cô Minh Châu, Đại học Connecticut, Hoa Kỳ.**

Lá cờ Phật giáo, do một sĩ quan Hải quân Mỹ đặt ra, trình bày trước Hội-Nghị Phật giáo thế giới, nhóm tại Ceylon năm 1950, chủ tịch là Bác sĩ Malalasekara, người Ceylon. (Tích Lan). Hội nghị đã chấp nhận lá cờ đó làm cờ của Phật giáo Thế giới. Đại diện đầu tiên của Phật giáo Việt Nam tại Hội nghị đó là Thượng tọa Tố liên, Trụ trì chùa Quán sứ Hà nội.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, Đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG NHẬT BÁO «THỜI THẾ»
TỨC LÀ MỞ MỘT CON ĐƯỜNG MỚI CHO
BÁO CHÍ VIỆT - NAM TRONG NHỮNG
NGÀY SẮP TỚI.

Nhật-báo THỜI - THẾ

NƠI TỤ TẬP CỦA MỘT SỐ CÁC GIÁO SƯ, BÁC
SĨ, HỌA SĨ, NHÀ VĂN CHUYÊN NGHIỆP, CỰU
QUÂN NHÂN MỚI GIẢI NGŨ... THIẾT THA
VỚI THỜI CUỘC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

Địa chỉ :

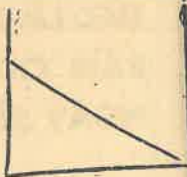
nhật báo THỜI-THẾ

86 Lê-Lai — SAIGON

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoai 23. 187.



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dịa-sư

Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản

SAIGON



K.N số 266 ngày 20-6-63

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
251.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

KD số 2687 ngày 7-10-1966